

LÊ THỊ THU BÌNH

PHÂN TÍCH ĐIỂN NGÔN
ĐOẠN VĂN MỞ ĐẦU
TRONG TRUYỆN NGẮN



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ THỊ THU BÌNH

**PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN
ĐOẠN VĂN MỞ ĐẦU
TRONG TRUYỆN NGẮN**

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

HÀ NỘI - 2011

**VIỆN THÔNG TIN
KHOA HỌC XÃ HỘI**

Vb. 50583

MỤC LỤC

Mục lục	5
Lời giới thiệu	7
Lời tác giả	10
Mở đầu	12
Chương 1. Đoạn văn và đoạn văn mở đầu trong văn bản	20
1.1. Xung quanh khái niệm đoạn văn	20
1.2. Tiêu chí xác định đoạn văn	26
1.3. Phân loại đoạn văn	39
1.4. Đoạn văn mở đầu trong văn bản, truyện ngắn	54
1.5. Tiêu kết	58
Chương 2. Đặc điểm cấu tạo của đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn	60
2.1. Cấu tạo của đoạn văn mở đầu đơn thoại	60
2.2. Cấu tạo của đoạn văn mở đầu đối thoại	68
2.3. Tiêu kết	74
Chương 3. Đặc điểm nội dung của đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn	77
3.1. Đặc điểm nội dung của đoạn văn mở đầu đơn thoại	77
3.2. Đặc điểm nội dung của đoạn văn mở đầu đối thoại	95
3.3. Mối quan hệ giữa hình thức (cấu tạo) và nội dung của đoạn văn	104
3.4. Tiêu kết	105
Chương 4. Chức năng của đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn	109
4.1. Chức năng của đoạn văn mở đầu đơn thoại	109

4.2. Chức năng của đoạn văn mở đầu đối thoại	137
4.3. Tiêu kết	153
Chương 5. Quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với các bộ phận khác trong truyện ngắn	155
5.1. Quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với tiêu đề	155
5.2. Quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với đoạn văn tiếp theo	160
5.3. Quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với đoạn văn kết thúc	163
5.4. Tiêu kết	166
Kết luận	169
Tài liệu tham khảo	173
Tư liệu trích dẫn	179

LỜI GIỚI THIỆU

Xem xét văn bản trong ca chính thể luôn là yêu cầu đầu tiên và là mục đích cuối cùng của mọi nhà nghiên cứu ngữ pháp văn bản. Tuy nhiên, mỗi văn bản lại được cấu trúc từ nhiều phần, nhiều khối, liên kết với nhau theo những lớp lang, tầng bậc khác nhau. Mỗi văn bản lớn lại bao hàm các “văn bản con” và mỗi văn bản con đó lại có nội dung, chức năng riêng. Đó chính là tính phức hợp của mọi loại thể văn bản. Quan điểm của I. P. Gal'perin (1982, 2006) về tính khả phân của văn bản mở ra hướng đi sâu vào việc miêu tả các đoạn văn chuyên biệt. Việc nghiên cứu đặc điểm và giá trị liên kết các đoạn văn mở đầu truyện ngắn (trên tư liệu tiếng Việt) của chị Lê Thị Thu Bình có nhiệm vụ triển khai vấn đề theo hướng đó

Ch. N. Li & S. A. Thompson (1986) từng cho rằng: “Nhập đề không phải là nội dung nhưng là cái quyết định để mở ra nội dung” Các đoạn văn mở đầu văn bản có vai trò rất quan trọng để dẫn người đọc vào vấn đề cần diễn đạt. Một bài văn dù ngắn mấy cũng phải có mở đề, thân đề và kết đề. Và một truyện ngắn dù “cực ngắn” thì chắc chắn cũng phải có một (hoặc vài) đoạn văn đầu tiên đưa người đọc tiếp cận nội dung câu chuyện rồi kết thúc câu chuyện. Cuốn sách này là bước hoàn chỉnh tiếp theo trên cơ sở luận án tiến sĩ ngữ văn của chị Lê Thị Thu Bình (bảo vệ năm 2008). Tôi cho rằng, cách chọn đối tượng nghiên cứu của tác giả là mới, hợp lý và có “tính vấn đề”. Vì vậy, tuy chỉ là khảo sát phần mở đầu của truyện ngắn (thường chiếm một dung lượng không lớn trong tổng thể văn bản) nhưng chuyên luận này là một bước nghiên cứu để làm rõ, hoàn thiện các khái niệm cơ bản mà nhiều nhà ngôn ngữ học văn bản đã đề cập, là: thể thống nhất trên câu, chính thể cú pháp phức hợp, đoạn văn,...

Cuốn sách gồm 5 chương và mỗi chương đều đàm nhân một nhiệm vụ cụ thể. Chương 1 giới thiệu khái niệm đoạn văn và đoạn văn mở đầu văn bản, chương 2, xem xét đặc điểm cấu tạo (của đoạn văn mở đầu truyện ngắn), chương 3, xem xét đặc điểm nội dung, chương 4, phân tích chức năng và chương 5, chỉ ra quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với các phần khác của truyện ngắn. Đó là một bộ cục rõ ràng, chặt chẽ, mạch lạc, đúng tinh thần ngôn ngữ học văn bản.

Phần mở đầu truyện ngắn đa số là ngắn gọn, đơn giản. Tuy nhiên, khi đọc kỹ công trình của chị Lê Thị Thu Bình, chúng ta mới thấy "đôi tượng" phức tạp hơn ta tưởng. Trước hết là việc nhận diện, phân loại cho đúng đoạn văn mở đầu truyện ngắn (vốn đa dạng, nhiều phong cách). Tiếp đó là miêu tả chính xác các cấu trúc hình thức và từ đó chỉ ra mối liên kết ngữ nghĩa nội tại của các đoạn văn này, từ đó chỉ ra vai trò liên kết chung trong chỉnh thể. Tác giả đã lần lượt phân tích các loại đoạn văn (bình thường, không bình thường - đặc biệt) và chính các đoạn văn được coi là không bình thường kia mới là những ngữ liệu khác lạ, đặc biệt và độc đáo. Qua các dẫn chứng và miêu tả, người đọc sẽ thêm hiểu và có những hình dung rõ nét hơn về cách "mở đề" của các nhà văn vốn đã rất quen thuộc như Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Thạch Lam, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Chu Lai, Nguyễn Thu Thu Huệ, Võ Thị Hào, Phan Thị Vàng Anh, v.v. Và cũng qua các chương miêu tả, người đọc sẽ sáng rõ hơn với nhận định của tác giả "Đoạn văn là đơn vị nhỏ nhất có khả năng biểu đạt một chủ đề. Chức năng biểu đạt chủ đề phân biệt đoạn văn với đơn vị bậc dưới của nó là câu. Còn đặc điểm "là đơn vị nhỏ nhất trong số các đơn vị ngôn ngữ có chức năng biểu đạt chủ đề" phân biệt đoạn văn với đơn vị bậc trên của nó là văn bản" (Kết luận 1). Có khá nhiều nhận định mang tính phát hiện trong các chương của chuyên luận này.

Cuốn sách này vì thế mà ngoài ý nghĩa lí luận còn có một giá trị thực tiễn không nhỏ. Nó sẽ là cơ sở để giúp các nhà nghiên cứu phong

cách văn học, các nhà biên tập và đặc biệt là áp dụng vào việc giảng dạy - học tập các tác phẩm văn học trong nhà trường. Tôi hi vọng sau khi công bố, tác giả sẽ tiếp tục bổ sung tư liệu, đầu tư nghiên cứu sâu thêm một số chương, đoạn (đặc biệt là cần nêu bật về liên kết nội dung và tình chu đề của "khối đoạn văn mở đầu truyện ngắn") thì giá trị của chuyên luận sẽ được nâng lên một bước cao hơn.

Là một người nghiên cứu các phép liên kết văn bản, quan tâm tới ngôn ngữ học văn bản trong nhiều năm, tôi đã đọc cuốn sách Phân tích điển ngôn đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn một cách hào hứng và nghiêm túc. Những gì tác giả đã làm được thật đáng trân trọng. Công trình sẽ là một sự tiếp nối, góp phần làm dày thêm số lượng chuyên luận nghiên cứu văn bản và phân tích điển ngôn trong giới Việt ngữ học.

PGS TS PHẠM VĂN TÌNH

Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam

LỜI TÁC GIẢ

Đoạn văn đã được các nhà nghiên cứu ngữ pháp văn bản trong và ngoài nước đề cập. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu về đoạn văn mới chỉ dừng lại ở việc khảo sát hình thức, nội dung của đoạn văn nói chung mà ít chú ý đến chức năng liên kết của đoạn văn, nhất là đoạn văn giữ vai trò mở đầu. Có thể nói, cho đến nay chưa có một chuyên luận bàn riêng về đoạn văn mở đầu văn bản.

Trong văn bản, đoạn văn mở đầu có vai trò rất quan trọng trong quá trình định hướng và triển khai chủ đề. Bên cạnh đó, tùy theo loại hình văn bản, đoạn văn mở đầu lại có những đặc điểm, cách thức thể hiện khác nhau. Chẳng hạn, đoạn văn mở đầu văn bản phi nghệ thuật có những đặc điểm khác so với đoạn văn mở đầu văn bản nghệ thuật, đoạn văn mở đầu các thể loại văn bản nghệ thuật khác nhau lại có đặc điểm khác nhau.

Xuất phát từ yêu cầu thực tế, chúng tôi đã bắt tay vào khảo sát, nghiên cứu các kiểu loại đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn, một thể loại văn bản nghệ thuật có những nét đặc thù riêng, nhằm làm rõ hơn cách tổ chức, tạo dựng văn bản văn học khá quen thuộc trong cuộc sống.

Những vấn đề trình bày trong cuốn sách *Phân tích diễn ngôn đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn* mà các bạn đang có trên tay chủ yếu dựa trên nền tảng kết quả nghiên cứu của trong luận án Tiến sĩ Ngữ văn của chúng tôi, bảo vệ năm 2008. Sách nhằm làm rõ đặc điểm của đoạn văn nói chung, đoạn văn mở đầu nói riêng, với tư cách là một đơn vị cơ bản trong tạo lập văn bản, lí giải quan hệ ngữ nghĩa của các bộ phận trong chính thể văn bản, trong truyện ngắn, đồng thời góp phần vào việc giảng dạy ngôn ngữ trong nhà trường, hướng dẫn người sử dụng tiếng

Việt. đánh giá đúng ý nghĩa của đoạn văn mở đầu các văn bản nghệ thuật, thấy được dụng công và bút pháp của các tác giả qua đoạn văn mở đầu truyện ngắn nói riêng và văn bản nghệ thuật nói chung, v.v.

Chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ của nhiều người trong quá trình thực hiện và hoàn thiện công trình này. Nhân cuốn sách được xuất bản, chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự góp ý quý báu của: GS TS Nguyễn Minh Thuyết, GS TS Lê Quang Thiêm, PGS TS Phan Mậu Cảnh, GS TS Hoàng Trọng Phiến, GS TS Đỗ Thị Kim Liên, GS TS Bùi Minh Toán, PGS TS Phạm Văn Tình... và của nhiều bạn bè, đồng nghiệp khác. Chúng tôi cũng xin cảm ơn PGS TS Nguyễn Xuân Dũng, Giám đốc - Tổng biên tập, cùng các phòng ban chức năng Nhà xuất bản Khoa học Xã hội đã hết sức giúp đỡ, tạo điều kiện để cuốn sách sớm ra mắt bạn đọc.

TS LÊ THỊ THU BÌNH

MỞ ĐẦU

1. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI

1.1. Từ những năm 40 của thế kỉ XX, đoạn văn đã được các nhà nghiên cứu quan tâm trên nhiều góc độ. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu về đoạn văn mới chỉ dừng lại ở việc khảo sát hình thức, nội dung của đoạn văn nói chung mà ít chú ý đến chức năng của đoạn văn, nhất là đoạn văn mở đầu trong văn bản.

Trong văn bản, đoạn văn mở đầu có vai trò rất quan trọng trong quá trình triển khai chủ đề. Bên cạnh đó, tùy theo loại hình văn bản, mỗi đoạn văn mở đầu có những đặc điểm riêng về hình thức cấu tạo, nội dung và chức năng, quan hệ... Chẳng hạn, đoạn văn mở đầu văn bản phi nghệ thuật có những đặc điểm khác so với đoạn văn mở đầu văn bản nghệ thuật; đoạn văn mở đầu các thể loại văn bản nghệ thuật khác nhau cũng có đặc điểm khác nhau. Vì vậy, việc nghiên cứu đoạn văn mở đầu sẽ giúp chúng ta hiểu sâu sắc về bản chất của đơn vị này trong văn bản nói chung và từng thể loại văn bản nói riêng, góp phần tìm hiểu quy tắc xây dựng văn bản, lí giải quan hệ ngữ nghĩa của các bộ phận trong chính thể văn bản.

1.2. Truyện ngắn là thể loại văn xuôi nghệ thuật rất gần với đời sống hằng ngày. Nhiều nhà văn lớn trên thế giới và ở nước ta đã đạt đến đỉnh cao của sự nghiệp sáng tạo nghệ thuật chủ yếu bằng những truyện ngắn xuất sắc của mình. Có thể nói, truyện ngắn song hành với đời sống hằng ngày và được đông đảo công chúng đón nhận. "Truyện ngắn là những giọt nước mát trắng trong nhụy hoa cho người đang khát, là một bóng cây nho an ủi khách lữ hành trên sa mạc trước khi anh ta đến được lâu đài... Có hàng ngàn trang tiểu thuyết không để lại

một từ nào cho người đọc, nhưng vài bóng nhỏ của Lỗ Tấn, L. Tônxtôi, A. Chekhov (A. Tsêkhốp), M. Gorki, K. Paustovskij, (C. Pauxtôpxki), E. Hemingway (Ô. Hêminhuê), G. de Maupassant (G. đơ Môpatxăng), O. Henry (Ô. Henri), chớ che ta suốt nhiều thế hệ, làm ta yêu mến mãi văn chương" [76, tr. 31]. Đối với đội ngũ những người sáng tác, truyện ngắn mang rõ cái chất của người viết, chứa đựng vốn liếng lớn nhất của mỗi nhà văn. "Nó đánh dấu thời kì ngòi bút anh sung sức nhất, sức lực anh dồi dào nhất. Nó là nơi anh gửi được nhiều điều tâm huyết nhất trong suốt cuộc đời." [76, tr. 34]

So với nhiều thể loại văn xuôi nghệ thuật, truyện ngắn Việt Nam là thể loại phát triển nhanh và thu được nhiều thành tựu nhất. "Những tác phẩm như: *Sống chết mặc bay* của Phạm Duy Tồn, *Câu chuyện một tối tân hôn* của Nguyễn Bá Học được xem là những thành tựu đầu mùa của truyện ngắn Việt Nam hiện đại" [25, tr. 12], là mốc báo hiệu cho sự bùng nổ truyện ngắn Việt Nam ở giai đoạn 1930-1945 với những phong cách viết truyện ngắn độc đáo như Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Nguyễn Tuân, Bùi Hiên. Tiếp nối những nhà văn bậc thầy đi trước là các thế hệ nhà văn trưởng thành sau Cách mạng như Trần Đăng, Nguyễn Khải, Nguyễn Kiên, Ma Văn Kháng .. Và sau này là thế hệ các nhà văn trẻ với những phong cách nghệ thuật đáng chú ý như: Chu Lai, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Thị Thu Huệ, Võ Thị Hào, Phan Thị Vàng Anh... Những cây bút mới này đã góp phần tạo cho truyện ngắn Việt Nam một diện mạo mới.

Có lẽ cái hấp dẫn lớn nhất của mỗi truyện ngắn đối với độc giả không chỉ là nội dung được tác gia chuyển tải trong cốt truyện mà còn là nghệ thuật dẫn truyện của mỗi nhà văn, đặc biệt là nghệ thuật mở truyện.

Thế nhưng, việc nghiên cứu đoạn văn mở đầu truyện ngắn chưa được quan tâm nhiều trong nghiên cứu văn học cũng như ngôn ngữ học. Hầu như chưa có một công trình nào khảo sát đầy đủ về đoạn văn

mở đầu trong truyện ngắn Việt Nam. Đề góp phần làm rõ đặc điểm của đoạn văn mở đầu trong văn bản nói chung, đoạn văn mở đầu trong văn bản nghệ thuật nói riêng, chuyên luận sẽ tập trung làm nổi bật những đặc điểm cơ bản của đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn Việt Nam.

1.3. Xét về mặt thực tiễn, trong thực tế giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông hiện nay, học sinh được học nhiều truyện ngắn nhưng chỉ quen tiếp nhận nội dung của truyện mà chưa tìm hiểu sâu về bản chất những đơn vị cấu tạo nên truyện, như: tên truyện, các đoạn văn trong truyện, các kiểu mở đầu của truyện, mối quan hệ giữa các đơn vị ngôn ngữ làm nên cấu trúc của văn bản truyện. Bởi vậy, việc nghiên cứu đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn, trong một chừng mực nào đó, sẽ góp phần tích cực vào việc giảng dạy môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông hiện nay.

Mặt khác, việc nghiên cứu đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn sẽ phần nào giúp người viết văn nhìn nhận đầy đủ hơn về bản chất của đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn, từ đó xác định những kiểu mở truyện thích hợp. Đối với bạn đọc nói chung, cuốn sách cũng sẽ góp phần giúp bạn đọc nhìn nhận về giá trị, vai trò của đoạn văn mở đầu truyện ngắn một cách toàn diện hơn trong quá trình tiếp nhận tác phẩm văn học.

2. LỊCH SỬ VẤN ĐỀ

2.1. Về đơn vị mở đầu văn bản

Khi bàn về đơn vị mở đầu văn bản, các nhà nghiên cứu thường gọi đó là "phần mở đầu văn bản", còn cách gọi "đoạn văn mở đầu" thì ít được dùng hơn.

I. R. Gal'perin (1981), trong khi bàn về tính kha phân của văn bản, đã nói rõ vai trò của phần mở đầu mà ông gọi là "tiền văn bản" như sau: "Đặc trưng văn bản của những lời nói đầu, nhập đề, mào đầu là tính tự nghĩa tương đối của chúng. Có thể gọi chúng là tiền văn bản. Tuy

nhiên, chúng vẫn là bộ phận chính thể: tách khỏi bản thân tác phẩm thì không tồn tại lời nói đầu." [26, tr. 123].

Ở Việt Nam, Diệp Quang Ban (1998), khi bàn đến việc phân đoạn văn bản cũng đã có đề cập đến đoạn văn, trong đó có đoạn văn mở. Theo tác giả, trong loại văn bản cỡ vừa, đoạn văn mở làm nhiệm vụ của phần mở [4, tr. 213]. Tác giả lưu ý: "Cần phân biệt đoạn văn của một bài viết chặt chẽ với việc trình bày mở đầu, thường là của bài nói miệng, về một sự vật, sự việc vấn đề." [4, tr. 215].

Nguyễn Quang Ninh (1993) trong một quyển sách hướng dẫn thực hành xây dựng đoạn văn cũng sử dụng thuật ngữ "đoạn văn mở" và đề cập chức năng của đoạn văn mở đầu, các kiểu mở đầu: "Đoạn văn mở cần phải giới thiệu được nội dung cơ bản của bài viết, tạo điều kiện tốt cho việc viết phần phát triển (phần thân bài, phần chính). Đoạn văn mở có hai loại: mở trực tiếp, mở gián tiếp" [59, tr. 36].

Phan Mậu Cảnh (2005) thì bàn về tính đặc thù và tính thống nhất của đoạn văn mở đầu trong các loại văn bản khác nhau. Tác giả viết: "Đoạn văn, trong đó có đoạn văn mở đầu, là một phần của văn bản; văn bản thuộc phong cách khác nhau thì cách mở đầu cũng không giống nhau. Tuy vậy, chúng vẫn có những điểm chung, nhất là vai trò, chức năng của chúng trong cấu trúc chung của văn bản". [12, tr. 244]

2.2. Về đơn vị mở đầu truyện ngắn

Trong phát biểu của các nhà văn và trong các công trình nghiên cứu về truyện ngắn, giới sáng tác và nghiên cứu mới tập trung khai thác các khía cạnh như quan niệm về thể loại, cốt truyện, nhân vật, tình huống, sự kiện... mà ít chú ý đến chức năng của các đơn vị tạo nên truyện như đoạn văn mở đầu, đoạn văn ở giữa và đoạn văn kết thúc..., nhất là đoạn văn mở đầu văn bản. Tuy nhiên cũng đã có một số ý kiến khẳng định vai trò của đơn vị mở đầu văn bản. Chẳng hạn, A. Chekhov, nhà văn bậc thầy về truyện ngắn, khẳng định: "Theo tôi, viết truyện ngắn cốt nhất phải tô đậm cái mở đầu và kết luận" [57, tr. 92].

Nói về kinh nghiệm viết truyện ngắn, Y U. Nagibin (nhà văn hiện đại Nga) cũng cho rằng "... nên nghĩ cho kĩ về mở đầu và kết luận", "... cần nhớ rằng đoạn đầu và đoạn cuối tác phẩm là một cái gì tinh tế, phức tạp, yêu cầu chú ý thật cao." [57, tr. 121].

Ở Việt Nam, dưới góc độ thi pháp học, Trần Đình Sử đã tìm hiểu về phần mở đầu trong truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan. Tác gia thừa nhận kết cấu 3 phần của văn bản và từ mô hình kết cấu này chỉ ra các phương tiện tu từ văn bản được thể hiện trong truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan như: rút gọn phần mở đầu, mở rộng phần mở đầu, rút gọn phần kết thúc... [70, tr. 35]. Phần mở đầu trong truyện ngắn đã được tác gia quan tâm đến nhưng chỉ trên phương diện là biện pháp tu từ văn bản.

Tác gia Đinh Trọng Lạc, từ góc độ tu từ văn bản, đã phân tích một số đặc điểm của "lối mở đầu". Ông cho rằng: trong văn học dân gian truyền miệng, phần mở đầu luôn có nội dung đầy đủ, trọn vẹn, cô đúc. "Trong tác phẩm văn xuôi ngày nay - khác với các tác phẩm dân gian ngày xưa - phần mở đầu thường không viết tập trung, mà rải dài ra trong suốt cả một đoạn cắt khá lớn." [48, tr. 12-13]

Gần đây đã có một số luận văn thạc sĩ tìm hiểu đoạn văn trong văn bản nghệ thuật, trong đó có đoạn văn mở đầu. Các tác gia đã khảo sát, thống kê các kiểu đoạn văn mở đầu, nêu một số đặc điểm cơ bản về cấu tạo, nội dung của đoạn văn mở đầu trong mối quan hệ các phần khác trong truyện ngắn... Nhưng nhìn chung, đây mới là những tìm hiểu bước đầu, phù hợp với quy mô và yêu cầu của luận văn thạc sĩ.

Lóm lại, có thể nói các công trình nghiên cứu, các luận văn đã có sự quan tâm khảo sát đơn vị mở đầu truyện nhưng chưa có điều kiện nghiên cứu sâu về đơn vị này.

3. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Mục đích của chuyên luận là nghiên cứu một cách toàn diện đặc điểm của đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn Việt Nam trên các mặt hình thức,

nội dung, chức năng và quan hệ với các bộ phận khác trong văn bản. Để thực hiện mục đích này, chuyên luận có những nhiệm vụ sau:

(1) Xác định khái niệm đoạn văn và đoạn văn mở đầu trong văn bản; các tiêu chí phân biệt đoạn đơn thoại và đoạn đối thoại, các tiêu chí phân loại sự tình được phản ánh trong đoạn văn;

(2) Nghiên cứu các đặc điểm về hình thức và nội dung của đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn trên hai dạng thức tồn tại: đoạn văn đơn thoại và đoạn văn đối thoại;

(3) Nghiên cứu chức năng của đoạn văn mở đầu truyện ngắn trên hai phương diện: định hướng về nội dung và định hướng về giọng điệu;

(4) Nghiên cứu mối quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với các bộ phận khác trong truyện ngắn.

4. ĐỐI TƯỢNG VÀ TƯ LIỆU NGHIÊN CỨU

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của chuyên luận là các kiểu đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn của một số tác giả tiêu biểu cho các giai đoạn phát triển của truyện ngắn Việt Nam.

4.2. Tư liệu nghiên cứu

Chúng tôi chấp nhận định nghĩa truyện ngắn của các nhà nghiên cứu văn học và dựa vào sự xác định thể loại thể hiện trên bìa sách để thu thập tư liệu. Tư liệu chính của chuyên luận là truyện ngắn của một số tác giả như: Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Nguyễn Tuân, Bùi Hiển, Nguyễn Khải, Ma Văn Kháng, Nguyễn Kiên,... Đây là những tác giả được xem là các "bậc thầy" về truyện ngắn Việt Nam, đồng thời cũng là những tác giả có truyện ngắn được chọn giảng dạy trong nhà trường. Ngoài ra, chuyên luận còn sử dụng truyện ngắn của một số tác giả đã được khẳng định trong thời gian qua như: Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Thị Thu Huệ, Võ Thị Hào, Phan Thị Vàng Anh và các tác giả trẻ khác có truyện hay được giới thiệu.

Để so sánh đoạn mở đầu trong một số văn bản

K H X A H O I

Vb. 50583

khác, chuyên luận cũng sử dụng các tư liệu thuộc một số văn bản phi nghệ thuật như văn bản báo chí, văn bản chính luận, văn bản khoa học.

5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp sau:

a. Phương pháp phân tích diễn ngôn

Đây là phương pháp chủ đạo được áp dụng để tiến hành khảo sát, phân loại và hệ thống các ngữ liệu, trên cơ sở đó mà áp dụng các thao tác miêu tả thích hợp. Phương pháp nghiên cứu văn bản và phân tích diễn ngôn sẽ giữ vai trò quan trọng, xuyên suốt trong quá trình thực hiện chuyên luận này.

b. Phương pháp miêu tả ngôn ngữ học

Chuyên luận áp dụng phương pháp miêu tả để phân tích các đặc điểm về hình thức, nội dung, chức năng và quan hệ của đoạn văn mở đầu, đồng thời khái quát những đặc trưng cơ bản nhất của đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn.

b. Phương pháp thống kê ngôn ngữ học

Chuyên luận tiến hành thống kê các đoạn văn mở đầu truyện ngắn theo cấu tạo, chức năng và quan hệ của nó với các bộ phận khác trong truyện.

6. ĐÓNG GÓP CỦA CHUYÊN LUẬN

Việc nghiên cứu đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn Việt Nam có thể đóng góp về các mặt sau:

- *Về lí luận*, góp phần làm rõ vai trò và đặc điểm của đoạn văn nói chung, đoạn văn mở đầu nói riêng với tư cách là một đơn vị cơ bản trong việc tạo lập văn bản;

- *Về thực tiễn*, góp phần vào việc hướng dẫn người sử dụng tiếng Việt, trước hết là giáo viên và học sinh phổ thông, đánh giá đúng ý nghĩa của đoạn văn mở đầu các văn bản nghệ thuật, thấy được dụng công và bút pháp của các tác giả qua đoạn văn mở đầu truyện ngắn nói riêng và văn bản nghệ thuật nói chung. Kết quả của chuyên luận, do đó,

có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các nhà phê bình, sáng tác văn học.

7. BỐ CỤC CHUYÊN LUẬN

Ngoài phần mở đầu và kết luận, cuốn sách gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lí luận của đề tài

Chương này xác định khái niệm đoạn văn, tiêu chí nhận diện đoạn văn, phân loại đoạn văn, xác định khái niệm đoạn văn mở đầu trong văn bản nói chung và trong truyện ngắn nói riêng. Đây cũng là chương làm rõ khái niệm về đoạn văn đơn thoại, đoạn văn đối thoại trong văn bản.

Đây là chương có tính chất lí luận, làm tiền đề nghiên cứu các đặc điểm đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn ở các chương sau.

Chương 2: Đặc điểm về hình thức của đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn

Nhiệm vụ của chương này là xác định các đặc điểm về hình thức của đoạn văn mở đầu truyện ngắn trên hai dạng thức: đoạn văn đơn thoại và đoạn văn đối thoại.

Chương 3: Đặc điểm về nội dung của đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn

Chương này có nhiệm vụ lí giải các đặc điểm về nội dung của đoạn văn mở đầu truyện ngắn trên hai dạng thức: đoạn văn đơn thoại và đoạn văn đối thoại.

Chương 4: Chức năng của đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn

Nhiệm vụ của chương này là nghiên cứu 2 chức năng cơ bản của đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn là định hướng về nội dung và định hướng về giọng điệu.

Chương 5: Quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với các bộ phận khác trong truyện ngắn

Đây là chương trình bày về quan hệ của đoạn văn mở đầu trong mối quan hệ với các bộ phận khác trong truyện ngắn như tiêu đề, đoạn văn tiếp theo, đoạn văn kết thúc.

Chương 1

ĐOẠN VĂN VÀ ĐOẠN VĂN MỞ ĐẦU TRONG VĂN BẢN

1.1. Xung quanh khái niệm đoạn văn

Trong các công trình nghiên cứu về văn bản, các nhà nghiên cứu đã dùng nhiều thuật ngữ khác nhau để gọi tên đơn vị trung gian giữa câu và văn bản: A. M. Peshkovskji (1914) gọi là “đoạn văn”, N. S. Paspelov (1946) gọi là “chính thể cú pháp phức hợp”, K. Boost (1949) cho đó là “khối liên hiệp câu”, L.A. Bulakhovskij (1952) gọi là “thể thống nhất trên câu”, A. A. Akisina (1968) gọi là “siêu câu”, K. Hausenblas (1971) gọi là “giao tiếp vị”, Z. J. Turaeva (1986) gọi đây là “tổ hợp quan hệ vị ngữ tính”. Các nhà Việt ngữ học như Trần Ngọc Thêm (1984) gọi là đoạn văn, Nguyễn Quang Ninh, Hoàng Dân (1994) gọi là “chính thể trên câu”,...

Các thuật ngữ nói trên thể hiện những quan điểm rất khác nhau về đơn vị ngôn ngữ được đề cập. Tuy nhiên có thể quy những quan niệm khác nhau ấy về hai khuynh hướng chủ yếu sau:

1.1.1. Khuynh hướng thừa nhận có hai đơn vị cùng tồn tại là đoạn văn và chính thể cú pháp phức hợp

Theo L. M. Loseva: “Không nên đối lập đoạn văn và chính thể cú pháp phức hợp, bởi vì đó không phải là những phạm trù tương tác lẫn nhau. Tuy nhiên, sẽ còn nguy hiểm hơn nếu không phân biệt chúng, coi phạm trù này là hình thức biểu hiện, tri giác, v.v. của phạm trù kia” [Dẫn theo O. I. Moskal'skaja, [56, tr. 49]]. Tác giả quy đoạn văn vào lĩnh vực kết cấu văn bản viết, còn chính thể cú pháp phức hợp vào lĩnh vực cú pháp và khu biệt đoạn văn với chính thể cú pháp phức hợp như

sau: “Không nên quy đoạn văn về các phạm trù cú pháp. Trong cấu trúc cú pháp của văn bản không có đơn vị nào khác ngoài các cụm từ, kết hợp từ, câu, chỉnh thể cú pháp phức hợp.” [56, tr. 48]. Theo tác giả, ranh giới đoạn văn và chỉnh thể cú pháp không trùng nhau: “Mỗi đoạn văn có thể được giải thích như kết hợp của những chỉnh thể cú pháp phức hợp hoặc ngược lại, một chỉnh thể cú pháp phức hợp có thể bao gồm trong mình vài đoạn văn.” [56, tr. 48].

Các tác giả khác như O. I. Moskal'skaja, I. R. Gal'perin cũng có xu hướng phân chia đơn vị trên câu thành thể thống nhất trên câu và đoạn văn. O. I. Moskal'skaja viết: “Thể thống nhất trên câu là những chuỗi câu được tổ chức về mặt cấu trúc (khép kín) và là những thể thống nhất nghĩa và giao tiếp”. Đó là những “văn bản con”, “là một chuỗi câu (khép kín) được tổ chức một cách đặc biệt thể hiện một phát ngôn thống nhất” [56, tr. 26]. Tác giả cũng thừa nhận có đoạn văn không phải là “đơn vị của cấp độ cú pháp mà là của cấp độ kết cấu thuần túy” [56, tr. 119]. Theo tác giả, “đoạn văn chỉ có ở lời nói viết, còn khái niệm thể thống nhất trên câu như một phát ngôn liên kết cấu tạo từ một chuỗi câu thì phổ biến như nhau cho cả lời nói miệng và lời nói viết” [56, tr. 49]. Về quan hệ giữa hai loại đơn vị này, tác giả nêu lên ba trường hợp: “thể thống nhất trên câu chia ra làm vài đoạn văn”, hoặc “một đoạn văn bao gồm vài thể thống nhất trên câu” và “thể thống nhất trên câu “trùng” với đoạn văn.” [56, tr. 119].

Xuất phát từ tính khả phân của văn bản, I. R. Gal'perin cũng thừa nhận đơn vị trên câu là “đoạn văn” và “thể thống nhất trên câu” [26, tr. 104]. Theo tác giả, thể thống nhất trên câu “là một nhất thể kết cấu phức gồm trên một câu độc lập, mang tính hoàn chỉnh về ý nghĩa trong văn cảnh của lời nói mạch lạc và có tư cách là một phần giao tiếp trọn vẹn” [26, tr. 138] và “là đơn vị kết cấu ngữ nghĩa phức mà giá trị thông tin của nó không phải là kết quả của phép cộng giản đơn của những câu độc lập tạo ra nó” [26, tr. 139]. Tác giả cũng cho rằng thể thống nhất trên câu và

đoạn văn có thể trùng nhau hoặc không trùng nhau [26, tr. 144].

Một số nhà ngôn ngữ học Việt Nam như Nguyễn Quang Ninh, Hoàng Dân cũng sử dụng khái niệm đoạn văn và chỉnh thể trên câu. Theo các tác giả: “Nếu đoạn văn được quan niệm là một đơn vị thể hiện phong cách thì chỉnh thể trên câu được quan niệm là một đơn vị ngữ pháp. Đoạn văn có thể không hoàn chỉnh về mặt nội dung nhưng chỉnh thể trên câu không thể như vậy. Chỉnh thể trên câu bao giờ cũng cần sự hoàn chỉnh tương đối về nội dung và biểu hiện cụ thể nhất về điều này là chỉnh thể trên câu luôn thể hiện một tiểu chủ đề. Tiểu chủ đề đồng thời là dấu hiệu phân giới giữa những chỉnh thể trên câu khác nhau” [18, tr. 171].

Từ các quan niệm về đơn vị trên câu của các tác giả theo khuynh hướng thứ nhất, có thể thấy:

Về nội dung, chỉnh thể trên câu biểu thị một tiểu chủ đề trong văn bản với một nội dung tương đối trọn vẹn, có thể tách ra khỏi văn bản mà vẫn hiểu được nội dung của nó, còn đoạn văn có thể hoàn chỉnh về nội dung mà cũng có thể không hoàn chỉnh về nội dung.

Về kích thước, so sánh đoạn văn với chỉnh thể trên câu (viết tắt CTC) có 2 trường hợp:

1.1.1.1. CTC trùng với đoạn văn

Khi CTC trùng với đoạn văn, đoạn văn có sự hoàn chỉnh về nội dung, thể hiện trọn vẹn một tiểu chủ đề. Do đó có thể nói rằng “khi đoạn văn trùng với CTC thì nó cũng tiếp thu luôn nét đặc thù của CTC.” [6, tr. 130]. Ví dụ:

Xu hướng lãng mạn chủ nghĩa thể hiện trực tiếp và sâu sắc cái Tôi trữ tình tràn đầy cảm xúc, đồng thời phát huy cao độ trí tưởng tượng để diễn tả những khát vọng, ước mơ. Nhìn chung các tác giả đề cập đến những quan hệ riêng tư, đến số phận cá nhân với thái độ bất hoà và bất lực trước chế độ thực dân và môi trường xã hội tầm thường, giả dối tù túng (thơ Tản Đà, Trần Tuấn Khải và nhiều nhà Thơ Mới; văn của Hoàng Ngọc Phách,

Khái Hưng, Nhất Linh, Thạch Lam, Nguyễn Tuân,...).

Xu hướng hiện thực chủ nghĩa chú trọng diễn tả, phân tích, lí giải một cách chân thực, chính xác quá trình khách quan của hiện thực xã hội thông qua những hình tượng điển hình. Xu hướng này cũng có thể hiện ở loại thơ trào phúng (“Dòng nước ngược” của Tú Mỡ, “Thơ ngang” của Đồ Phồn...) nhưng chủ yếu phát triển ở các thể văn xuôi: tiểu thuyết, truyện ngắn, phóng sự. Chỉ ở các thể văn này, chủ nghĩa hiện thực mới thể hiện được đầy đủ đặc trưng và sức mạnh của nó.

[*Văn học lớp 11, tập 1 - tr. 72*]

Ví dụ trên gồm 2 đoạn văn, tương ứng với 2 CTC, 2 tiêu chủ đề: “xu hướng lãng mạn chủ nghĩa thể hiện rõ cái Tôi trữ tình” và “xu hướng hiện thực chủ nghĩa chú trọng đến hiện thực của xã hội.”

1.1.1.2. Trường hợp CTC không trùng với đoạn văn

- CTC lớn hơn đoạn văn

Đây là hiện tượng CTC bao gồm nhiều đoạn văn. Các đoạn văn được tách ra từ một CTC tuy có căn cứ ngữ nghĩa nhất định nhưng chủ yếu thể hiện chức năng biểu cảm - nhấn mạnh. Ví dụ:

(1) Trong sự thành công của tùy bút Nguyễn Tuân phải kể đến giá trị văn chương của ông. (2) Đó là một thứ văn chương đích thực được sáng tạo bởi một nghệ sĩ tài hoa. (3) Là một nhà văn yêu tha thiết tiếng mẹ đẻ, Nguyễn Tuân đã dày công trong việc tìm tòi, sáng tạo câu, chữ. (4) Ông có một vốn từ vựng cực kì phong phú, một lối hành văn độc đáo, tinh tế và rất có duyên. (5) Câu văn của ông dường như chứa đựng được mọi âm thanh sắc màu của cuộc sống. (6) Hay nói cách khác đó là sự hoà quyện của thơ ca, nhạc, hoạ. (7) Nguyễn Tuân thật xứng đáng là “một bậc thầy của nghệ thuật ngôn từ”, “một nhà văn độc đáo vô song mà mỗi dòng chữ tuôn ra đầu ngọn bút đều như có đóng một dấu triện riêng”. (8) Để đạt được điều đó, Nguyễn Tuân đã trải qua hơn năm mươi năm lao động nghiêm túc bằng ngòi bút của mình. (9) Đối với ông chẳng có gì dễ dàng. (10) Mỗi lần cầm bút ngồi trước trang

giấy ông đều có cảm tưởng như phải lên “pháp trường trắng”. (11) Sự uyên bác, tài hoa trong sáng tạo ngôn ngữ của ông là điều không ai có thể phủ nhận được.

[Tôn Thảo Miên - *Nguyễn Tuân - Tài hoa văn chương*]

Ví dụ trên là một CTC tập trung thể hiện chủ đề “nghệ thuật sử dụng từ ngữ của Nguyễn Tuân”. CTC này gồm (11) câu và được tách ra thành hai đoạn văn: đoạn văn thứ nhất từ câu (1) đến câu (10), đoạn văn thứ hai là câu (11). Việc tách câu (11) của CTC này thành đoạn văn thứ hai có tác dụng nhấn mạnh vào chủ đề.

- CTC nhỏ hơn đoạn văn

Đây là hiện tượng đoạn văn gồm hai hoặc hơn hai CTC. “Trường hợp để hai hoặc nhiều CTC trong một đoạn văn chỉ có cơ sở khi những chủ đề con mà các CTC này thể hiện có liên hệ rất mật thiết với nhau, và người viết thấy cần làm nổi bật mối liên hệ đó.” [6, tr. 136]. Trong trường hợp này tiêu chủ đề của các CTC có mối quan hệ mật thiết với nhau và quan hệ đó được thể hiện rõ khi chúng cùng nằm trong một đoạn văn. Ví dụ:

(1) Tập truyện ngắn dân gian của ta có đến một trăm bốn mươi tám truyện (theo bản in năm 1957 của NXB Văn Sử Địa), truyện nào cũng đượm một tiếng cười, mỗi truyện một vẻ cười, ở truyện này thì tiếng cười bật lò xo mà tung lên, ở truyện kia thì tiếng cười như cốt mìn nổ chậm, và vân vân. (2) Tìm ở “Tiểu lâm” một khoé cười, một nét cười, một khía cạnh của cái cười nhiều tính vệ sinh và vui sống. (3) Nhưng theo tôi nghĩ, còn tìm ở “Tiểu lâm” một cái gì có tính chất kỹ thuật và nghệ thuật viết truyện ngắn thật ngắn nữa. (4) Nhiều truyện tiểu lâm chỉ ngắn không tới mười dòng. (5) Như truyện kể lại cái việc anh nhà nghèo phải đứng quạt hầu thằng nhà giàu. (6) Lập trường giai cấp rất vững, và trong nghệ thuật tiếng cười Việt Nam, lại phảng phất cái gì rất là u-mua (humour) Âu Châu. (7) Nó rất hồn nhiên mà cũng rất là trí tuệ. (8) Sê khốp (Tchekhov) nổi tiếng vì những truyện ngắn hóm hỉnh

viết rất ngắn. (9) Nhưng, nói chung, so với truyện vui Tiểu lâm, thì Sê khốp vẫn cứ là người dài dòng về truyện ngắn.

[Nguyễn Tuân - *Nhân đọc Tiểu lâm*]

Trong ví dụ trên có một đoạn văn nhưng lại có hai CTC với hai tiểu chủ đề: CTC thứ nhất gồm câu (1) và câu (2): tiếng cười trong truyện tiểu lâm và CTC thứ hai từ câu (3) đến câu (9): kĩ thuật viết truyện ngắn.

1.1.2. Khuynh hướng thừa nhận cấp độ trên câu chỉ có một đơn vị

Khuynh hướng này cho rằng cấp độ trên câu chỉ có một đơn vị. Những tên gọi khác nhau về các đơn vị trên câu như đã nêu chỉ khác nhau về thuật ngữ, còn khái niệm là một. Tiêu biểu cho khuynh hướng này trên thế giới là L.G. Pritman và ở Việt Nam là Trần Ngọc Thêm.

L.G. Pritman phủ nhận CTC, chỉ thừa nhận đoạn văn. Tác giả cho rằng: “Không có một dấu hiệu tương thích nào cho phép xác định địa vị của đơn vị cú pháp, chính thể cú pháp phức hợp. Chính vì vậy mà theo chúng tôi không thể xem là có một đơn vị như thế... Chúng tôi cho rằng đơn vị cú pháp trên câu có bộ các dấu hiệu tương thích khu biệt nó về mặt phẩm chất với những đơn vị thuộc cấp độ thấp hơn - các câu - đó là đoạn văn” [Dẫn theo O. I. Moskal'skaja [56, tr. 47]].

Tác giả Trần Ngọc Thêm (1984) cho rằng một đơn vị ngôn ngữ phải đáp ứng những tiêu chuẩn như sau:

1) Đơn vị ngôn ngữ phải có khả năng khu biệt: có hình thức nhất định với ranh giới rõ ràng cho phép có thể nhận diện và sử dụng.

2) Theo F. de Saussure, khi xác định một đơn vị ngôn ngữ thì “những sự phân chia trên dòng âm thanh phải tương ứng với những sự phân chia trên dòng khái niệm”, tức là giữa nội dung và hình thức phải có sự thống nhất. Sự thống nhất này dẫn đến hệ quả: mỗi cấp độ chỉ có một đơn vị duy nhất tương ứng (chứ không thể có nhiều đơn vị trong cùng một cấp độ).

3) Một đơn vị ngôn ngữ phải có khả năng sản sinh và có tính biến thể (đa dạng) trên cơ sở những mô hình cấu trúc nhất định.

Từ những tiêu chuẩn trên, tác giả cho rằng trên câu chỉ có một đơn vị là đoạn văn: “Nhìn đi nhìn lại, chỉ có chấp nhận đoạn văn là đơn vị mới thoả mãn được tiêu chuẩn một. Và chỉ có chấp nhận nó là đơn vị duy nhất mới có khả năng đáp ứng được các tiêu chuẩn hai và ba”. Tác giả định nghĩa đoạn văn “là một bộ phận của văn bản, gồm một chuỗi phát ngôn được xây dựng theo một cấu trúc và mang một nội dung nhất định (đầy đủ hoặc không đầy đủ), được tách ra một cách hoàn chỉnh về hình thức: ở dạng nói, nó có những kiểu ngữ điệu nhất định và kết thúc bằng quãng ngắt hơi dài; ở dạng viết, nó bắt đầu bằng dấu mở đoạn (gồm thụt đầu dòng + viết hoa) và kết thúc bằng dấu ngắt đoạn (gồm dấu ngắt phát ngôn + xuống dòng)” [79, tr. 43].

Việc xác định đoạn văn là đơn vị trên câu, đứng giữa câu và văn bản có nhiều ưu điểm: đây là đơn vị có hình thức rõ ràng, dễ nhận diện, có thể phân tích được về mặt cấu trúc - ý nghĩa và quan hệ nội tại giữa các câu trong đó, có giá trị trong quá trình rèn luyện tạo lập văn bản. Do đó, chúng tôi chỉ sử dụng khái niệm *đoạn văn*.

1.2. Tiêu chí xác định đoạn văn

Khi bàn về khái niệm *đoạn văn*, hầu hết các nhà nghiên cứu đều dựa vào các tiêu chí hình thức và nội dung để xác định. Điển hình là quan niệm về đoạn văn của Trần Ngọc Thêm. Theo quan niệm của Trần Ngọc Thêm, đoạn văn có những đặc điểm sau:

Về mặt hình thức, đoạn văn luôn có hình thức hoàn chỉnh, rõ ràng. Tính hoàn chỉnh đó được thể hiện bằng các dấu hiệu mở đoạn và kết thúc đoạn: mở đoạn lùi đầu dòng, viết hoa chữ cái đầu dòng; kết thúc đoạn ngắt câu, xuống dòng

Về mặt nội dung, đoạn văn thể hiện một nội dung nhất định. Nội dung của đoạn văn có thể đầy đủ hoặc không đầy đủ. Khi đoạn văn đạt mức hoàn chỉnh (đầy đủ) về nội dung, đoạn văn sẽ trùng với chỉnh thể

trên câu. Khi đoạn văn không hoàn chỉnh (không đầy đủ) về nội dung, đoạn văn mang chức năng nhấn mạnh - biểu cảm.

Chẳng hạn, theo Trần Ngọc Thêm, mỗi ngữ đoạn được in nghiêng trong các ví dụ sau đây vẫn đủ tư cách là một đoạn văn, mặc dù nội dung của nó có thể không đầy đủ, không hoàn chỉnh. Ví dụ:

(1) *Ba tháng đã qua.*

Màn bí mật vẫn đóng kín, lấp những việc tà khuất bên trong. Con mắt những nhà trinh thám vẫn mãi mãi trên cổ tổ tôm hoặc trên các mặt phẩn, nhưng cũng không đủ sức để nom thấu.

[Nguyễn Công Hoan - *Bà chủ mắt trộm*]

(2) *Chín giờ.*

Chị đứng lên.

Đằng sau.

Anh đốt thuốc khói phả mù mịt. Đặc quánh...

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Tân cảng*]

Từ quan niệm của Trần Ngọc Thêm, ta thấy sẽ có hai loại đoạn văn: đoạn văn bình thường và đoạn văn không bình thường. Đoạn văn bình thường là đoạn văn có hình thức rõ ràng, có cấu trúc nhất định (gồm nhiều câu), có nội dung đầy đủ. Đoạn văn không bình thường là đoạn văn cũng có hình thức rõ ràng, nhưng có cấu trúc đặc biệt (chỉ gồm một câu bình thường hoặc câu đặc biệt) và có nội dung không đầy đủ. Đây là một quan niệm tương đối đầy đủ về đoạn văn. Tuy nhiên, về tiêu chí hình thức xác định đoạn văn cần phải bàn thêm.

Theo chúng tôi, chỉ có thể giữ tiêu chí hình thức đối với đoạn văn (đoạn văn là ngữ đoạn nằm giữa hai lần xuống dòng) nếu chủ trương phân biệt đoạn văn với chỉnh thể trên câu, còn nếu thừa nhận chỉ có đoạn văn là đơn vị giữa câu với văn bản thì tiêu chí đoạn văn là “ngữ đoạn giữa hai lần xuống dòng” sẽ không giải quyết được một số vướng mắc sau:

Thứ nhất, trong văn bản, đặc biệt là văn bản hành chính và văn bản

nghệ thuật, không hiếm trường hợp một chuỗi câu đơn thoại cùng biểu đạt một tiểu chủ đề được ngắt dòng nhiều lần, mỗi lần chỉ có một câu.

Ví dụ:

(1) Trường hợp mở đầu văn bản:

Từ chiều, lại bắt đầu trở rét.

Gió.

Mưa.

Não nùng.

[Nguyễn Công Hoan – *Anh Xâm*]

(2) Trường hợp kết thúc văn bản:

Đặt giăng lầy đưa cho bà cời. Bà chia cho mỗi đứa một nửa. Hai cháu ăn đi. Đặt ngòm ngoàm. Ninh thong thả. Bà nhìn cháu mà ái ngại. Bà chép miệng...

Một tiếng thờ dài.

Một tiếng thờ dài tiếp theo...

[Nam Cao - *Từ ngày mẹ chết*]

Nếu quan niệm đoạn văn là ngữ đoạn nằm giữa hai lần xuống dòng thì trong những trường hợp như trên, phải thừa nhận có hơn một đoạn văn mở đầu hoặc kết thúc văn bản. Trong khi đó, nếu quan niệm đoạn văn là một đơn vị tương đối hoàn chỉnh về nghĩa, có khả năng biểu đạt một chủ đề thì có thể coi cả mấy câu có cách xuống dòng đặc biệt như trên là một đoạn văn và có chức năng mở đầu hoặc kết thúc văn bản.

Thứ hai, trong văn bản nghệ thuật thường có một chuỗi câu đối thoại cùng xoay quanh một chủ đề, được ngắt dòng nhiều lần tương ứng với lượt lời và vai thoại. Ví dụ:

- Sa, cô nghe tôi nói đây. Tôi với cô tuy không cưới xin, không hôn thú nhưng đã là vợ chồng, có đúng thế không?

- Đúng.

- Cô ở với tôi, muốn gì được nấy, lúc nào cũng sẵn tiền tiêu, cô tron lông đỏ da, cả hàng phố phải ghen với cô, đúng không?

- Đúng.
- Vậy mà cô tráo trở, cô phản tôi?
- Anh muốn kết tội em thế nào là quyền của anh.
- Cô đừng lảng tránh. Cô yêu ai? Yêu thằng nào, nói lại đi!
- Anh đã bắt buộc thì em phải nói lại. Em yêu anh Tòng.

[Nguyễn Kiên - *Những mảnh vỡ*]

Trong ví dụ trên, có 8 lượt lời thoại, 4 cặp lời trao đáp và có hai vai giao tiếp. Các lời thoại của các nhân vật liên kết với nhau tạo thành một đoạn văn thể hiện một chủ đề: tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến sự đổ vỡ trong quan hệ tình cảm của một đôi tình nhân.

Nếu quan niệm đoạn văn là ngữ đoạn nằm giữa hai lần xuống dòng thì ví dụ trên có tới 8 đoạn văn, mỗi đoạn văn là một lời thoại của nhân vật. Tách đoạn như thế sẽ không phân biệt được đoạn văn với câu. Trong khi đó, nếu quan niệm đoạn văn là đơn vị có khả năng biểu đạt một chủ đề thì cả ví dụ trên là một đoạn văn.

Thứ ba, trong văn bản nghệ thuật có hiện tượng nhà văn nhiều khi không xuống dòng, tách đoạn đúng chỗ khi văn bản đã chuyển sang nội dung khác.

O. I. Moskal'skaja cho rằng: “Tuỳ thuộc vào phong cách cá nhân của tác giả, cũng như vào thể loại phong cách chức năng của văn bản mà kích thước của đoạn văn có thể dao động từ vài trang chứa tới hàng chục thể thống nhất trên câu cho đến một hai câu.” [56, tr. 48]. Chẳng hạn: “Trong truyện ngắn của G. Kêle *Rômêô và Juyliét thôn quê*, sau đoạn văn đầu dài 8 dòng thì đến một đoạn văn dài 97 dòng có thể dễ dàng phân chia về mặt chủ đề. Tiếp theo các đoạn văn (3 - 9) có kích thước từ 2 đến 21 dòng lại đến một đoạn văn cực lớn với kích thước 138 dòng. Ở Hópman các đoạn văn thường cũng chiếm vài trang, ở Vinkenman, các đoạn văn thường trùng với ranh giới các chương...” [56, tr. 48]. Tác giả khẳng định tiếp điều này bằng việc đưa ra đoạn trích từ truyện ngắn “*Trên một đường phố dài*” của V. Borchet:

Nếu như đó không phải là đêm tối. Mỗi tiếng động là một con thú. Mỗi bóng tối là một người đàn ông màu đen. Người ta sẽ không bao giờ thoát khỏi nỗi sợ sệt trước những người đàn ông màu đen ấy. Trên gối đầu tiếng ca nông vắng vắng suốt đêm. Giá như mẹ không bỏ con một mình mẹ ạ. Bây giờ thì ta chẳng bao giờ tìm thấy nhau nữa. Chẳng bao giờ nữa. Đáng nhẽ mẹ không bao giờ được làm như vậy. Mẹ đã biết bóng đêm rồi đó thôi. Nhưng mà mẹ đã để con gào lên tìm mẹ. Gào lên trong thế giới này với những bóng đêm. Và từ đó mỗi tiếng động là một con thú trong đêm tối. Và trong những góc tối đen hai người đàn ông màu đen đã chờ sẵn. Mẹ ơi, mẹ ơi! Trong tất cả các góc đều là những người đàn ông màu đen. Và mỗi tiếng động là một con thú. Mỗi tiếng động là một con thú. Và cái gối đầu mới nóng làm sao. Trên gối đầu tiếng ca nông vắng vắng suốt đêm. Và rồi họ đã chôn 57 người ở Varônhet. Và cái đồng hồ như tiếng guốc của người đàn bà cứ gõ, gõ và gõ. Đồng hồ cứ gõ, gõ và gõ và chẳng có ai hãm nó lại. Và những bức tường cứ sát lại gần. Và trần nhà càng ngày càng sụt xuống. Và mặt đất, mặt đất chao đi như những “đợt sóng” trong vũ trụ. Mẹ, mẹ ơi! Tại sao mẹ lại bỏ con một mình, tại sao? Chao đi như những đợt sóng chao đi trong vũ trụ. 57. Rumzor. Và tôi muốn chạy ra tàu điện. Tiếng đại bác đã nổ. Mặt đất chao đi. Rumzor. 57. Và tôi còn sống sót. Và tôi muốn chạy ra tàu điện. Đó là màu vàng trên phố xám ngoét này. Màu vàng tuyệt đẹp trên nền xám ngoét. Nhưng mà tôi đã không đến đó được. Tôi đã hai lần ngã xuống. Bởi vì tôi đói. Và vì thế mà mặt đất chao đi. Chao đảo màu vàng tuyệt đẹp của những đợt sóng vũ trụ. Chao đảo trong thế giới đói. Chao đảo như cái đói của thế giới và màu vàng của đường phố [56, tr. 132].

Theo O. I. Moskal'skaja, đoạn trích trên đối lập hoàn toàn với những văn bản phân chia thành các đoạn văn ngắn và cực ngắn.

Toàn bộ đoạn văn này chiếm gần một trang và chứa 48 câu. Đoạn văn này mang tính chất hỗn tạp, trong đó có sự đan chéo nhau của một

số tuyên chủ đề như: những cơn ác mộng ban đêm dẫn vật nhân vật (“nếu như đó không phải là đêm tối...”); sự tưởng nhớ về người mẹ và những trách móc đáng cay rằng bà đã sinh anh ra trên thế giới này (“giả như mẹ không bao giờ bỏ con một mình mẹ ạ...”); về những người lính trong đại đội của anh ta đã chết (“và rồi họ đã chôn 57 người ở Varônhet...”).

O. I. Moskal'skaja cho rằng những đoạn văn hỗn tạp (đa chủ đề) như thế “phản ánh phong cách cá nhân của nhà văn không muốn chia cắt sự tường thuật ra quá nhỏ, mà chỉ chia tách ra thành những phần chính” [56, tr. 134].

Tương tự như ví dụ của O. I. Moskal'skaja, trong tiếng Việt, chúng ta cũng gặp không ít trường hợp tác giả không chấm xuống dòng khi văn bản đã chuyển chủ đề. Ví dụ:

(1) Dòng sông như dải lụa vắt ngang vùng đồng bãi tươi xanh. (2) Ở một khúc quanh có một doi cát hoang vắng nhưng lại mang cái tên trái khoáy là doi bến Cốc. (3) Bởi nơi đây từng có một thời trên bến dưới thuyền tấp nập đông vui. (4) Thời ấy có một gã trai gốc gác ở trong đồng tìm ra bến Cốc làm ăn. (5) Gã không nhớn nhưng lại biệt danh là cu Nhớn. (6) Cu Nhớn làm mọi việc, xoay đủ trò, dần dà tích cóp được chút ít lưng vốn. (7) Nhưng thời vận của gã chưa đến, chỉ vài lần vấp rủi ro lưng vốn lại sạch trơn. (8) Gã nằm dài nơi quán trọ, đầu óc quay cuồng tìm cách gỡ, làm sao chỉ trong chốc lát kiếm được món tiền kha khá.

[Nguyễn Kiên - *Bến Cốc*]

Ví dụ trên có hai tiểu chủ đề: tiểu chủ đề thứ nhất, miêu tả khái quát về bến Cốc (từ câu (1) đến câu (3)); tiểu chủ đề thứ hai (từ câu (4) đến câu (8)) giới thiệu khái quát hoàn cảnh nhân vật. Nếu căn cứ vào tiêu chí hình thức, thì ví dụ trên là một đoạn văn nhưng nếu căn cứ vào khả năng biểu đạt chủ đề của đoạn thì đây là hai đoạn văn. Sở dĩ không có sự phân đoạn là do ý thức chủ quan của tác giả.

Như vậy, trong văn bản nghệ thuật, việc xuống dòng, tách đoạn còn phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của nhà văn. Đúng như I. P. Gal'perin nhận định, trong văn bản nghệ thuật có hiện tượng phân đoạn không theo tổ chức logic: “Có những quãng ngắt đột nhiên, những bước nhảy cóc, những bước chuyển bất thành linh từ những ấn tượng, ý nghĩ này sang những ấn tượng, ý nghĩ và tả cảnh khác, đôi lúc hoàn toàn không phải gắn bó với thông tin nội dung sự việc chung.” [26, tr. 110]. Do đó nếu chỉ căn cứ vào dấu hiệu xuống dòng chúng ta sẽ khó xác định được ranh giới của những đoạn văn này.

Một số nhà phân tích diễn ngôn như Hinds (1977), Longacre (1979), trong khi thừa nhận việc mô tả đoạn văn theo chính tả (*orthographic paragraph*) vẫn đề cập tới tính thống nhất về nghĩa của đơn vị này. Hinds (1977) viết: “Sự thống nhất của đoạn văn bắt nguồn từ việc nó chỉ cơ bản nói về một đối tượng tham gia.” Còn Longacre (1979) cho rằng: “Trong diễn ngôn tường thuật, đoạn văn tường thuật thường được xây dựng quanh một đối tượng tham gia chủ đề (*thematic participant*), đôi khi là một tập hợp nhỏ các đối tượng tham gia chủ đề.” [Dẫn theo G. Brown & G. Yule [10, tr. 159]].

Như vậy, việc chia cắt diễn ngôn tường thuật, đánh dấu ranh giới đoạn văn ở đây xuất phát chủ yếu từ nội dung biểu đạt trong đoạn. G. Brown & G. Yule đã chứng minh điều này bằng việc dẫn bài viết của Hinds (1977): “Rất dễ hiểu là tại sao một đoạn văn có kết cấu hay có ngữ nghĩa trong phân tích của Hinds lại có thể dài đến năm đoạn văn theo chính tả. Mỗi một đoạn văn theo chính tả này viết về cùng một cá nhân”. Các tác giả còn lập luận thêm: “Tuy nhiên, có những cáo phó dài đến hai mươi hay nhiều hơn đoạn văn theo chính tả về cùng một người, và toàn bộ các chương tiểu thuyết, gồm trên trăm đoạn văn theo chính tả dài lê thê, có thể về cùng một cá nhân. Có chắc chắn là những đoạn diễn ngôn viết được kéo dài như thế không phải là một đoạn văn đơn lẻ?” [10, tr. 160]. Do vậy, đối với nhà phân tích diễn ngôn, việc

xác định và miêu tả đoạn văn không thể đơn thuần dựa vào dấu hiệu đoạn văn theo chính tả. Bởi vì trong văn bản nghệ thuật, như trên đã nói, không có dấu hiệu hình thức nhất định để chỉ ra việc phân giới đoạn văn. G. Brown & G. Yule còn dẫn ra một trích đoạn trong một cuốn tiểu thuyết Anh, trong đó các ranh giới đoạn văn theo chính tả, như chúng xuất hiện trong trang sách đã bị bỏ qua:

(1) Sau một vài ngày đầu tiên, khi tôi bước vào phòng, Birdie ở trên sàn của một chiếc lồng, chạy lui chạy tới, nhìn ra song chắn đứng đúng trên mặt sỏi đá. (2) Tôi nghĩ nó rất mừng khi thấy tôi, không chỉ bởi vì tôi cho nó ăn uống mà còn vì nó đang đơn độc. (3) Bây giờ tôi là bạn của nó, sinh vật duy nhất nó được gặp. (4) Vào cuối tuần tôi buộc chiếc khay ăn bằng dây cao su vào đầu cành phụ rồi đặt lại vào lồng qua cánh cửa. (5) Tôi dùng kẹp giấy để giữ cánh cửa mở. (6) Thoạt tiên Birdie xấu hổ, nhưng sau đó nó nhảy lên trên cành tôi đang cầm và chuyển về phía khay thức ăn. (7) Ngắm nhìn nó mà không có song chắn thật thú vị. (8) Nó ngồi ăn ở gần cửa và nhìn tôi. (9) Làm thế nào mà nó biết nhìn vào mắt tôi mà không dùng vào các ngón tay to đùng cạnh nó. (10) Sau khi ăn xong nó rút lui vào giữa cành chuyển. (11) Tôi nhẹ nhàng nhắc bổng nó lên và đưa ngón tay đi một vòng và làm cho nó có cảm giác cái cành chuyển là một phần của tôi, chứ không phải của chiếc lồng. (12) Nó chuyển thân người và khẽ đập cánh để giữ thăng bằng, sau đó nhìn tôi và kêu lên lãnh lói qui ip. (13) Nó nhảy ra khỏi cành chuyển xuống dưới sàn lồng. (14) Tôi lấy cành ra và cố nói với nó nhưng nó phớt lờ tôi. (15) Nó uống nước. (16) Nó không nhìn tôi nữa, mãi cho đến khi chùi sạch mỏ và duỗi hai cánh ra, mỗi cánh một lần. (17) Nó dùng chân để duỗi cánh. (18) Rồi nó kêu lên một tiếng nhỏ qui ip. (19) Nói chung, Birdie nhìn tôi bằng mắt phải nhiều hơn mắt trái. (20) Cho dù tôi đứng về phía bên nào lồng cũng thế. (21) Nó xoay người để có thể nhìn tôi bằng mắt trái. (22) Cũng như vậy, khi nó đưa chân ra để nắm khay thức ăn, hay thậm chí khay thức ăn

thường, nó dùng chân phải. (23) Giả như có tay thì nó sẽ thuận tay phải: nó thuận chân phải hay thuận bên phải. (24) Nó tiếp cận và làm mọi thứ từ bên phải.

[William Wharton, *Birdy. Jonathan Cape*, 1979, tr. 47 - Dẫn theo G. Brown & G. Yule]

G. Brown & G. Yule cho rằng: “Nếu có phân chia đoạn văn theo chính tả trong độc bản gốc của văn bản này vốn theo hình thức trang sách, thì chúng ta hầu như không có hi vọng gì xác định được sự phân chia như thế dưới bất kì hình thức nào.” [10, tr. 161]. Theo các tác giả, có thể chia cắt diễn ngôn trên thành các đoạn văn theo chính tả nếu như tìm thấy dấu hiệu chuyển chủ đề trong diễn ngôn bằng các biểu thức trạng ngữ: “Chúng tôi bắt đầu bằng cách lấy đi một trong số các chỉ tố “chuyển chủ đề” quan trọng nhà văn có được, đó là việc lùi đầu dòng trong văn bản. Thay vì xử lí việc lùi đầu dòng, như Longacre từng làm đơn giản là một công cụ thẩm mỹ nào đó, thì chúng tôi lại xem đó như là dấu hiệu cho thấy tác giả muốn chúng ta xử lí nó như mở đầu của một phần mới trong văn bản của mình. Nếu như nhà văn cũng dùng các biểu thức trạng ngữ ở vị trí đầu câu trong câu đầu tiên của phần mới này trong văn bản, thì chúng ta có thể nói rằng chúng ta có thừa chứng cứ cho thấy người viết đang đánh dấu “chuyển chủ đề” trong diễn ngôn của mình.” [10, tr. 164].

Như vậy, việc đánh dấu ranh giới bằng cách lùi vào một chữ khi bắt đầu một đoạn văn viết ở đây phải tương ứng với việc đánh dấu chuyển chủ đề của đoạn văn. Các dấu hiệu chuyển chủ đề này cũng được G. Brown & G. Yule chỉ ra như: các trạng ngữ chỉ không gian, thời gian; các từ nối “vĩ kết” đứng đầu đoạn văn như *nhưng, hơn nữa, tuy nhiên, ..* [10, tr. 165].

Trên đây là một số căn cứ xác định đoạn văn trong diễn ngôn viết, còn xác định đoạn văn nói lại không thể dựa vào tiêu chí hình thức của đoạn văn. G. Brown & G. Yule khẳng định: “Trong diễn ngôn nói,

không có các dấu hiệu nhắc nhở có thể nhận được, đó là việc lùi vào đầu hàng mỗi một đoạn văn, để cho thấy sự phân chia trong cấu trúc diễn ngôn.” [10, tr. 166]. Việc xác định đoạn văn trong diễn ngôn nói, phần lớn dựa vào ngữ điệu của lời nói và khả năng biểu đạt chủ đề của các phát ngôn.

Từ những điều đã trình bày ở trên, chúng tôi thấy, cần phải đánh giá lại tiêu chí “xuống dòng” cho đúng. Theo chúng tôi, hết đoạn thì cần xuống dòng nhưng xuống dòng chưa chắc đã là dấu hiệu hết đoạn (vì còn nhiều nhân tố khác chi phối việc xuống dòng như: sở thích riêng của người viết, nhu cầu biểu cảm, yêu cầu mạch lạc của văn bản,...).

O. I. Moskal'skaja cũng cho rằng: “Việc phân chia văn bản hoàn chỉnh thành các đoạn văn phản ánh vận động logic từ một tiểu chủ đề này sang một tiểu chủ đề khác. Nó có tính chất tuyến tính, nếu như tất cả các tiểu chủ đề ngang nhau về mặt ý nghĩa...” [56, tr. 121]. Điều đó có nghĩa là khi văn bản gồm nhiều tiểu chủ đề thì mỗi khi chuyển từ tiểu chủ đề này sang tiểu chủ đề khác có thể thành đoạn văn; mỗi đoạn văn chỉ chứa một tiểu chủ đề.

Sự phân chia đoạn văn như trên được thấy rõ nhất trong các văn bản khoa học và giáo khoa. Ở các văn bản này, đoạn văn mang tính chất đơn chủ đề. Sự chuyển tiếp từ tiểu chủ đề này sang tiểu chủ đề khác là dấu hiệu cơ bản phân giới, chỉ ra chỗ kết thúc của một đoạn văn và chỗ bắt đầu của một đoạn văn tiếp theo. Theo G. Brown & G. Yule, “Giữa hai diễn ngôn cận kề, về trực giác được xem như là có chủ đề khác nhau, nên có một điểm mà ở đó việc chuyển từ chủ đề này sang chủ đề kia được đánh dấu. Nếu chúng ta có thể mô tả được việc đánh dấu sự chuyển chủ đề này, thì chúng ta sẽ tìm ra cơ sở cấu trúc cho việc chia cắt các đoạn diễn ngôn thành chuỗi các đơn vị nhỏ hơn, mỗi một đơn vị về một chủ đề riêng biệt...” [10, tr. 157].

Theo các nhà nghiên cứu, chủ đề của đoạn văn là “chủ đề bộ phận

nhỏ nhất”, nó không thể “câu tạo từ những chủ đề nhỏ hơn trong các câu cấu thành nên nó, và cũng không thể chia nhỏ ra thành các chủ đề chi tiết hơn nữa” [56, tr. 28]. Trong đoạn văn, những câu riêng biệt không có chủ đề độc lập, chúng bổ sung lẫn nhau và cùng hướng tới việc thể hiện một chủ đề chung của đoạn văn. Vì thế nếu chia nhỏ đoạn văn thành các câu thì các câu không có khả năng biểu đạt được chủ đề. Đây cũng là điểm phân biệt khá rõ giữa đoạn văn với câu. O. I. Moskal'skaja cũng chỉ ra rằng, sự thống nhất chủ đề của các câu trong đoạn được thể hiện ở tính truy hồi - tính lặp lại thường xuyên của các từ khoá liên quan đến chủ đề. Tác giả đã minh chứng điều này bằng ví dụ sau:

(1) Bằng chứng rất có giá trị về phong cách sống và nền văn hoá của một trong những dòng họ Slavơ sống ở vùng sông Haven là việc khai quật lâu đài cổ Brandebuc. (2) Brandebuc, ngai vàng của vua trước kia của người dân Havenơ, thuộc vào những trung tâm kinh tế chính trị có giá trị nhất, quan trọng nhất của dòng họ Slavơ giữa vùng sông Enơ và sông Ôđê. (3) Trong quá trình khai quật, sự hưng thịnh và sự sụp đổ của lâu đài cổ Kenbuc đã được đánh dấu một cách rõ ràng. (4) Cả vùng dân di cư mà tư liệu gốc từ thế kỉ thứ X cho biết đã được người ta thể hiện ra. (5) Những sự phân tích ngày nay cần đưa ra những lời giải thích về việc đó, như bản thân sự di cư của những người dân lục địa đến lâu đài cổ đã tự chỉ ra. [56, tr. 30].

Theo O. I. Moskal'skaja, trong ví dụ trên, tính truy hồi của các từ khoá có thể được thể hiện ra trong sự lặp lại nguyên văn của chúng (sự khai quật - sự khai quật - sự khai quật), trong việc sử dụng các từ gần về chủ đề và các từ đồng nghĩa (sự khai quật - sự thể hiện/ thể hiện - phân tích).

Cũng theo O. I. Moskal'skaja, trong trường hợp vắng mặt các từ khoá thì chủ đề được xác định bằng cách quy các yếu tố của nội dung văn bản vào một khái niệm khái quát. Tác giả dẫn ra ví dụ sau:

Quặng sắt không có ích đối với chúng ta trong cuộc sống hàng ngày nếu như nó ở dạng tồn tại trong tự nhiên. Trước hết nó phải được vỡ ra từ lòng đất và được khai thác lên. Đó là những công việc của người thợ mỏ. Những lò cao luyện quặng thành sắt tự nhiên. Những xí nghiệp gang thép biến sắt tự nhiên thành gang thép. Cuối cùng những xí nghiệp gang thép sản xuất từ thép thành sắt tây và thép tấm. [56, tr. 33].

Chủ đề của đoạn văn trên có thể được hình thành bằng cách khái quát hoá quá trình lao động nhằm khai thác và xử lí quặng sắt như một sự “phân công lao động trong việc sản xuất thép”.

Như vậy, việc nhận diện đoạn văn và xác định ranh giới giữa các đoạn văn chủ yếu dựa vào khả năng biểu đạt chủ đề của đoạn. Các dấu hiệu đánh dấu chủ đề của đoạn văn có thể được xác định bằng các từ khoá như O. I. Moskal'skaja nêu, hoặc có thể đánh dấu bằng sự thay đổi về trình tự thời gian, không gian, nhân vật,...

O. I. Moskal'skaja còn cho rằng: “Vấn đề giới định bất kì một đơn vị ngôn ngữ nào cũng không thể giải quyết được nếu tách rời khỏi vấn đề về cơ cấu bên trong và về các tiêu chí xác định sự hoàn chỉnh của nó...” [56, tr. 49]. Để tìm được một định nghĩa đoạn văn thoả mãn yêu cầu thống nhất giữa “cơ cấu bên trong” và “tiêu chí xác định sự hoàn chỉnh của nó” như ý kiến của O. I. Moskal'skaja, chúng tôi cho rằng có thể dựa theo cách định nghĩa các đơn vị ngữ pháp tiếng Việt của Nguyễn Tài Căn trong cuốn “*Ngữ pháp tiếng Việt: tiếng - từ ghép - đoàn ngữ*” (1999).

Theo Nguyễn Tài Căn, các đơn vị ngữ pháp được chia thành hai loại: loại đơn vị thuần nhất về cấu trúc và loại đơn vị nửa cấu trúc nửa chức năng.

Thuộc loại đơn vị thuần cấu trúc là các tổ hợp tự do như đoàn ngữ, mệnh đề. Các đơn vị này không phân thành cấp bậc lớn bé khác nhau; không xác định được bằng chức năng. Muốn xác định các đơn vị này, phải dựa vào một tiêu chuẩn duy nhất, đó là dựa vào quy cách tổ chức

cấu tạo bên trong của chúng, bởi vì đây là những kiểu đơn vị có một nét thuần nhất tối thiểu về mặt cấu tạo bên trong: được xây dựng trên một kiểu quan hệ cú pháp nhất định, theo một số thể thức nhất định. Để định nghĩa các đơn vị thuần cấu trúc này, người ta chỉ có thể dựa vào cấu trúc của chúng. Chẳng hạn, đoạn ngữ sẽ được quan niệm là “một tổ hợp tự do gồm một thành tố trung tâm và một hay một số thành tố phụ vây quanh xung quanh trung tâm đó để bổ sung thêm một số chi tiết thứ yếu về mặt ý nghĩa.”

Thuộc loại đơn vị nửa cấu trúc nửa chức năng là một hệ thống nhỏ gồm tiếng, từ, cú vị, câu. Các đơn vị này không có sự thuần nhất nội bộ về mặt cấu tạo, đã được phân cấp rành mạch về mặt lớn bé; khi xác định các đơn vị này phải dựa đồng thời vào sự tổng hợp hai tiêu chuẩn: một tiêu chuẩn về chức năng, một tiêu chuẩn về so sánh khối lượng. Hai tiêu chuẩn này bổ sung cho nhau: đơn vị bậc trên bao giờ cũng gồm đủ các chức năng của bậc dưới và phải có thêm một chức năng khu biệt với đơn vị bậc dưới; đơn vị bậc dưới bao giờ cũng có chức năng trùng với bậc trên, muốn khu biệt với bậc trên thì chỉ có cách duy nhất là phải so sánh về khối lượng.

Như vậy, để định nghĩa một đơn vị ngữ pháp thuộc loại này vừa phải dựa vào chức năng để phân biệt đơn vị được định nghĩa với đơn vị bậc dưới nó; vừa phải dựa vào cấu trúc để phân biệt đơn vị được định nghĩa với đơn vị bậc trên nó. Chẳng hạn, câu được định nghĩa như sau: “Câu là đơn vị nhỏ nhất có thể mang một thông báo tương đối hoàn chỉnh”. Định nghĩa này thể hiện 2 đặc điểm: *Về chức năng*, câu có chức năng thông báo. Đặc điểm này phân biệt câu với các đơn vị bậc dưới nó là từ (chức năng cơ bản của từ là định danh). *Về cấu trúc*, trong số các đơn vị có khả năng thông báo, câu là đơn vị nhỏ nhất. Đặc điểm này phân biệt câu với đơn vị bậc trên nó là đoạn văn (đoạn văn có thể chia nhỏ thành các câu mà vẫn có khả năng thông báo).

Từ những điều trình bày ở trên, chúng tôi nhận thấy, trong hệ

thống các đơn vị ngôn ngữ, đoạn văn là đơn vị do câu tạo thành và không có sự thuần nhất về cấu tạo nên đoạn văn thuộc loại thứ hai - đơn vị nửa cấu trúc, nửa chức năng. Do đó, việc nhận diện đoạn văn cũng cần phải dựa trên hai tiêu chí là cấu trúc và chức năng, trong chức năng phải nhấn mạnh đến khả năng biểu đạt chủ đề.

Theo chúng tôi, đoạn văn có thể được định nghĩa như sau: “*Đoạn văn là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất có khả năng biểu đạt một chủ đề.*”

Định nghĩa này nêu lên hai đặc điểm của đoạn văn:

Về chức năng, đoạn văn có khả năng biểu đạt một chủ đề (thể hiện ở chỗ có thể đặt cho nó một tiêu đề). Nhờ đặc điểm này mà đoạn văn được phân biệt với các đơn vị bậc dưới nó là câu và từ.

Về cấu trúc, trong số những đơn vị có khả năng biểu đạt chủ đề, đoạn văn là đơn vị nhỏ nhất, không thể chia nhỏ hơn được nữa (nếu chia đoạn văn thành những đơn vị nhỏ hơn thì các đơn vị ấy không còn khả năng biểu đạt chủ đề). Nhờ đặc điểm này mà đoạn văn được phân biệt với đơn vị bậc trên nó là văn bản. Văn bản còn có thể được chia nhỏ thành các đoạn văn, mỗi đoạn văn vẫn có khả năng biểu đạt chủ đề.

1.3. Phân loại đoạn văn

Để nắm bắt được cách tổ chức và sử dụng đoạn văn, người ta đã quy đoạn văn thành một số loại cơ bản. Sau đây là một số cách phân loại thường gặp:

1.3.1. Phân loại dựa vào hình thức

Dựa vào hình thức, có thể chia đoạn văn thành hai loại: đoạn văn bình thường và đoạn văn tối giản.

1.3.1.1. Đoạn văn bình thường: là đoạn văn có cấu tạo từ hai câu trở lên. Ví dụ:

Mặt trời rùng rục nặng nề thả mình vào dòng sông êm ả khúc quanh thật xa. Những luồng sáng rục rờ vẫn vươn lên, vươn mãi lên không trung chẳng khác nào những nan quạt lung linh muôn màu. Khi

ây tưởng như dòng sông sắp mù mịt khói mờ và sỏi bọt rêu sôi, dùn lên mặt nước hàng đàn cá trắng xác bông bênh ..

[Chu Lai - *Tiếng Hà Nội*]

1.3.1.2 Đoạn văn tối giản: là đoạn văn chỉ có một câu. Ví dụ:

Mặt trời lên đến đỉnh đầu. Chẳng thừa một mẩu bóng râm nào ra ngoài.

Chợ đã vắng dần.

[Nguyễn Công Hoan - *Bữa no ... đòn*]

1.3.2. Phân loại dựa vào nội dung

1.3.2.1. Dựa vào cấu trúc nội dung

Dựa vào cấu trúc nội dung, có thể quy đoạn văn về 5 loại sau:

- Đoạn văn diễn dịch

Đoạn văn diễn dịch là những đoạn văn mà chủ đề được phát triển theo hướng từ khái quát đến cụ thể, từ chung đến riêng. Câu đầu nêu chủ đề khái quát đứng trước, các câu còn lại cụ thể hoá nội dung khái quát của câu mở đầu. Ví dụ:

Người Việt Nam rất hiếu học. Trong các tầng lớp xã hội, người sĩ phu chiếm địa vị hàng đầu. Có con học giỏi là một vinh hạnh cho cha mẹ. Cho nên dù nghèo đói đến đâu, cha mẹ cũng tìm cách cho con cái được học hành. “Nửa bụng chữ là một hũ vàng” là câu tục ngữ biểu hiện nhiệt tình ham muốn có học thức của dân tộc Việt Nam. Ở làng xã nào cũng có trường công và trường tư. Chữ Nho rất khó học thế mà hầu hết người Việt Nam đều biết kí tên bằng chữ Hán.

[Hồ Chí Minh - *Chính sách ngu dân*]

Đối với đoạn văn diễn dịch, câu mở đầu rất quan trọng vì nó biểu hiện khái quát tiểu chủ đề của đoạn. Khi tóm tắt nội dung đoạn văn, chỉ cần giữ lại câu mở đầu là có thể đảm bảo nội dung chính của đoạn. Loại đoạn văn này được dùng phổ biến trong văn nghị luận.

- Đoạn văn quy nạp

Đoạn văn quy nạp là đoạn văn trong đó chủ đề của đoạn được phát

triển theo hướng từ cụ thể đến khái quát, từ riêng đến chung. Các câu diễn đạt ý cụ thể đứng trước, câu khái quát (câu chủ đề) đứng ở vị trí cuối đoạn. Ví dụ:

Khung cảnh xung quanh tôi bắt đầu mờ dần rồi trắng xoá, sương xuống dày đặc đến không còn trông rõ một cái gì nữa. Phảng phất trong không khí có thứ mùi quen thuộc, không hẳn là mùi nhang ngày Tết, cũng không phải là một thứ mùi nào khác có thể gọi tên được, có lẽ đã lâu lắm, nay tôi lại cảm thấy nó. Thôi tôi nhớ ra rồi... Đó là thứ mùi vị đặc biệt, mùi vị của quê hương.

[Nguyễn Khải - *Tình quê hương*]

- Đoạn văn song hành

Đây là loại đoạn văn có các câu triển khai nội dung song song với nhau. Các câu đều có tầm quan trọng như nhau trong việc biểu đạt nội dung của toàn đoạn văn, không có câu nào mang ý chính và có thể bao quát được ý của câu khác. Đoạn văn này không có câu chủ đề, mỗi câu nêu một khía cạnh của chủ đề. Chủ đề đoạn văn ở dạng hàm ẩn. Ví dụ:

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để xây dựng nên đất nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hoà.

[Hồ Chí Minh - *Tuyên ngôn độc lập*]

- Đoạn văn móc xích

Trong loại đoạn văn này, các câu móc nối vào nhau như những mắt xích, câu trước là tiền đề của câu sau. Thông thường có một bộ phận của câu trước được nhắc lại ở câu sau nhờ phương thức lặp lại hoặc phương thức thế. Cách trình bày này thường tạo ra được sự liên tục nối tiếp của các ý trong nội dung của đoạn văn. Ví dụ:

Vì là tiếng nói chung nên văn học dân gian có rất nhiều cốt truyện, nhân vật, tình tiết, hình ảnh,... được lặp đi lặp lại ở nhiều tác phẩm khác nhau. Những cái lặp đi lặp lại ấy được gọi là những truyền thống của văn

học dân gian. Sự lặp đi lặp lại, sự giống nhau ở nhiều tác phẩm có thể gây nên ấn tượng nhàm chán, song mặt khác lại nói lên sự ưa thích của người bình dân tập trung vào những điểm nào. Sự ưa thích này đã tạo nên những truyền thống độc đáo của văn học dân gian nói chung và của văn học dân gian từng dân tộc, từng địa phương nói riêng.

[*SGK Văn 10* - tr. 15 - NXBGD 2000]

- Đoạn văn tổng - phân - hợp (còn gọi là diễn dịch - quy nạp)

Đây là loại đoạn văn có cấu trúc khép kín, có tính độc lập khá cao. Các câu trong đoạn liên kết với nhau theo kiểu: câu chủ đề - các câu chi tiết - câu tổng hợp. Ví dụ:

Thời gian trong nhiều tác phẩm của Nam Cao như là đông đặc lại. Nó tù đọng, đóng kín, xoay theo cái quỹ đạo tưởng chừng như không thay đổi. Thế giới bên ngoài dường như không bị thống trị bởi nó. Có thể nói, cùng với việc phác họa những chi tiết chân thực, khắc họa những tính cách điển hình, mô tả những quan hệ nhân sinh, Nam Cao đã sáng tạo ra những tác phẩm của ông một kiểu thời gian hiện thực hàng ngày luẩn quẩn với những lo âu về sinh kế, mòn mỏi về tinh thần, góp phần tạo nên hình ảnh một cuộc sống mòn bé tẮc, ngột ngạt khá điển hình.

[Trần Đăng Xuyên - *Thời gian và không gian nghệ thuật Nam Cao*]

1.3.2.2. Dựa vào cách thức phản ánh nội dung trong đoạn văn

Đoạn văn được chia thành các loại: đoạn văn miêu tả, đoạn văn tự sự, đoạn văn lập luận và đoạn văn biểu cảm.

- Đoạn văn miêu tả

Đoạn văn miêu tả là đoạn văn sử dụng các yếu tố miêu tả để làm rõ đặc điểm của sự vật, sự việc trong thực tế khách quan. Đoạn văn miêu tả thường được sử dụng nhiều trong văn bản nghệ thuật. Ví dụ:

Năm nay, ông đã ngoại tứ tuần. Ông vẫn lấy cái tuổi của ông để lên mặt tiền bối, khinh những ông huyện trẻ khác, nếu tụi này dám coi ông là bậc ngang hàng. Ông liền khoe, thằng Cả nhà ông đã hai mươi năm, rồi

ông cặp ngón tay trở và ngón tay cái với nhau, vê vê trên mép. Trên mép ông, ông đã bao công trình mới cấy được từng ấy râu. Ông để râu cho khác hẳn với tụi huyện trẻ nhãi. Nguyên cái da mặt ông nhỏ, mà có lẽ vì ông béo quá, nên lỗ chân lông căng ra, căng thẳng quá, đến nỗi râu không có chỗ nào lách ra ngoài được. Đến nỗi năm bốn mươi tuổi, mà mặt ông nó cứ nhăn thín như thường. Ông bực mình, bèn ra lệnh cấm thợ cạo lia lưỡi dao lên môi ông một dạo, để ông nuôi râu. Thì sau hết những lông tơ của nó cũng dài ra, và trông rõ hơn. Và đến bây giờ, đứng ở hai bên miệng ông, nó thành hình cái dấu chua nghĩa.(...)

[Nguyễn Công Hoan - *Đồng hào có ma*]

- Đoạn văn tự sự

Đoạn văn tự sự là đoạn văn dùng để kể lại những sự việc, sự kiện đã xảy ra. Ví dụ:

Ngày ấy, ở Hua Tát có một gia đình ngụ cư không biết ở mừng nào chuyển đến. Họ dựng nhà ở ngoài rìa bản, chỗ gần rừng ma. Nhà ấy chỉ có hai vợ chồng đều luống tuổi. Họ đi đâu cũng có nhau. Người vợ lúc nào cũng âm thầm im lặng, suốt ngày không hề nói một tiếng... Người chồng cao lớn gầy guộc, mặt sắt lại, mũi như mỏ chim. Đôi mắt của lão đục và sâu hoắm, phảng phất những tia lân tinh lạnh lẽo.

[Nguyễn Huy Thiệp - *Những ngọn gió Hua Tát*]

- Đoạn văn lập luận

Đoạn văn lập luận là đoạn văn có các câu nêu lí lẽ dẫn chứng để chứng minh cho kết luận về một vấn đề. Đoạn văn này thường được sử dụng nhiều trong văn bản chính luận. Ví dụ:

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng Minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta sống cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm này, từ Quảng Trị tới Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

[Hồ Chí Minh - *Tuyên ngôn độc lập*]

- Đoạn văn biểu cảm

Đoạn văn biểu cảm là đoạn văn thể hiện thái độ, tình cảm, cách đánh giá của người viết. Đoạn văn này thường sử dụng nhiều trong văn bản nghệ thuật. Ví dụ:

Vinh dự thay, anh Kép Tư Bền! Nhưng mà khôn nạn thân anh! Người ta biết đâu rằng hiện giờ này, ở nhà, cha anh đương dò chừng khò khè, chỉ chờ từng phút để thở một hơi nữa là hết nợ, và ở trong buồng trò, anh cũng đương nấu ruột nhàu gan.

[Nguyễn Công Hoan - *Kép Tư Bền*]

1.3.2.3. Dựa vào tính độc lập của đoạn văn trong văn bản

Dựa vào tiêu chí này, có các loại đoạn văn sau:

- Đoạn văn tự nghĩa

Đoạn văn tự nghĩa là đoạn văn thể hiện một chủ đề trọn vẹn, tương đối độc lập. Đoạn văn tự nghĩa không chứa những từ ngữ chuyển tiếp hoặc những từ ngữ liên đới với những đoạn văn trước đó hoặc sau đó. Vì vậy có thể tách nó ra khỏi văn bản mà vẫn hiểu được nội dung. Ví dụ:

Ánh nắng lên tới bờ cát, lướt qua những thân tre nghiêng nghiêng, vàng óng. Nắng đã chiếu sáng loà cửa biển. Và xóm lưới cũng ngập trong nắng đỏ.

[Anh Đức - *Hòn đất*]

Tuy nhiên, tính độc lập của đoạn văn tự nghĩa chỉ là tương đối. Trong sự phát triển của văn bản, đoạn văn tự nghĩa như là chỗ ngưng tạm thời để rồi sau đó lại hoà nhập với mạch chung, thể hiện sự liên tục về nội dung của văn bản.

- Đoạn văn hợp nghĩa

Đoạn văn hợp nghĩa là đoạn văn có nội dung liên quan chặt chẽ với ít nhất một đoạn văn khác (thể hiện ở các phương tiện liên kết nhất định), không tách rời khỏi văn bản. Chúng ta không thể hiểu đầy đủ đoạn văn này nếu không đặt bên cạnh đoạn văn mà nó liên quan. Đoạn

văn hợp nghĩa thường chứa các từ ngữ liên kết với các đoạn văn kế cận như: các từ ngữ chuyển tiếp, các từ thay thế,... Ví dụ:

Nhung Thanh cũng vẫn theo lời bà. Chàng đến bên bể mức nước vào thau rửa mặt. Nước mát rượi và Thanh cúi nhìn bóng chàng lay động trong lòng bể với những mảnh trời xanh tan tác.

[Thạch Lam - *Dưới bóng hoàng lan*]

Đoạn văn trên không có tính độc lập cả về nội dung lẫn hình thức thể hiện. Do vậy nó không thể đứng tách ra khỏi văn bản.

1.3.3. Phân loại dựa vào chức năng

Dựa vào chức năng, có thể chia đoạn văn thành 4 loại: đoạn văn mở đầu, đoạn văn triển khai, đoạn văn chuyển tiếp và đoạn văn kết thúc.

1.3.3.1. Đoạn văn mở đầu

Đoạn văn mở đầu là đoạn văn đứng đầu văn bản, thường nêu chủ đề, giới thiệu khung cảnh chung của văn bản. Ví dụ, đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn sau giới thiệu về khung cảnh thiên nhiên của truyện:

Buổi sáng hôm nay, mùa đông đột nhiên đến, không báo cho biết trước. Vừa mới ngày hôm qua giờ hãy còn nắng ấm và hanh, cái nắng về cuối tháng mười làm nứt nẻ đất ruộng và làm giòn khô những chiếc lá rơi. Sơn và chị chơi cò gà ngoài cánh đồng còn thấy nóng bức, chảy mồ hôi.

[Thạch Lam - *Gió lạnh đầu mùa*]

1.3.3.2. Đoạn văn triển khai

Đoạn văn triển khai là những đoạn văn nằm ở vị trí sau đoạn văn mở đầu, đảm nhận chức năng triển khai nội dung của văn bản. Đoạn văn triển khai có thể là một đoạn văn tự nghĩa, có thể là một đoạn văn hợp nghĩa. Ví dụ:

1) (1) Đây không phải là một người điều độ vì điều độ. Hải điều độ vì bắt buộc - Hấn không có sức dư để bừa bừa - Hấn cũng không có tiền - Hải mới hăm nhăm. Cái tuổi đương xuân, cái mạch máu đây

căng. Ngực phồng lên. Đôi môi chẳng chán cười. Bắp thịt dẻo nên chân đi không biết mỏi. Dạ dày có thể giãn ra như một cái túi cao su. Đôi mắt nhìn cũng khoái trá như ăn. Ham muốn là một cái phễu chẳng biết đặt vào đâu. Tin tưởng mạnh ngay với đôi tay cứng cáp. Bởi vậy chẳng cái gì có thể gọi là thái quá. Ấy là nói cái lúc đương xuân của những thanh niên khác. Không kể Hải.

(2) Hải đương xuân mà không biết cái sướng của người lúc đương xuân. Hấn có bệnh tim. Hấn lại đau phổi nữa. Ông bố hấn là một người nghiện rượu. Bà mẹ hấn chết non vì bệnh sản hậu lao. Hấn yếu ngay từ lúc chưa sinh ra. Đã thiế nuôi nấng lại sơ sài. Hấn không chết yếu cũng là may đấy. Năm hấn lên sáu, thấy hấn hiền, người ta đoán: thằng này học được đấy, nó không ham chạy nhảy như con nhà khác. Người ta nhốt hấn vào lớp học. Ông thầy quát mắng. Ông thầy đánh đập - Hấn nhát nên chăm chỉ - Học chẳng có gì lan lợi nhưng hay thuộc bài.

[Nam Cao - *Quên điều độ*]

Trong ví dụ trên, đoạn văn triển khai (2) đứng kế tiếp đoạn văn mở đầu (1) là một đoạn văn tự nghĩa, có nhiệm vụ triển khai nội dung của đoạn văn mở đầu. Đoạn văn này có thể đứng độc lập ngoài ngữ cảnh.

2) (1) Xưa nay, người ta chỉ thường được nghe thấy bọn thằng quýt con đòi kẻ lẽ ông Tham nó ác, bà Phán nó nghiệt, chứ đố ai đã nghe thấy các ông chủ bà chủ phàn nàn đũa ở ác nghiệt bao giờ.

(2) Vậy mà đối với chủ, chúa ác nghiệt là đũa đầy tứ đầy. Điều ấy ai đã từng nuôi kẻ hầu người hạ, tất cũng biết. Mà có lẽ trời sinh ra chúng được thế, chẳng qua là cái quả báo của những câu chửi, những ngọn roi ngày thường chủ đã rộng lượng ban phát thêm vào số lượng ít ỏi của chúng chẳng.

[Nguyễn Công Hoan - *Thằng Quýt*]

Ở ví dụ này, đoạn văn triển khai (2) là đoạn văn hợp nghĩa, triển khai tiếp nội dung của đoạn văn (1), thông qua quan hệ từ “vậy mà”.

1.3.3.3. Đoạn văn chuyên tiếp

Đoạn văn này có chức năng liên kết, chuyển tiếp ý của đoạn văn trên với đoạn văn tiếp theo trong văn bản. Về nội dung, đoạn văn thường có phần nêu những ý đã trình bày, sau đó giới thiệu nêu những ý tiếp theo. Các từ ngữ liên kết thường được dùng là: *trên đây, dưới đây, phần trên, như đã nói, tiếp theo, chúng tôi đã, sau đây sẽ, ...* Đoạn văn chuyển tiếp có tác dụng liên kết, làm cho các phần các đoạn trong văn bản gắn bó mật thiết với nhau. Ví dụ:

Như đã nói ở trên, Hộ là một nhân vật yêu nghệ thuật tha thiết; nhưng khi cần, Hộ vẫn có thể hi sinh nghệ thuật cho cuộc sống. Hộ xót xa ân hận không phải chỉ vì mình kiếm được quá ít tiền, mà chính vì đã có những lúc chà đạp phũ phàng lên những người anh vốn yêu thương trân trọng. Từ đó, Hộ khẳng định được triết lí sống nhân đạo. Bài học sâu sắc có thể rút ra từ toàn bộ cuộc đời nhân vật Hộ, cũng như nhân vật Điền trong Trăng sáng là “nhà văn muốn viết cho nhân đạo trước hết hãy sống cho nhân đạo.”

[Hà Bình Tri- Về truyện ngắn “Đời thừa” - Trích Nhà văn và tác phẩm trong nhà trường, tr. 84, NXBGD, 1999]

1.3.3 4. Đoạn văn kết thúc

Đoạn văn này làm nhiệm vụ kết thúc văn bản. Nó là dấu chấm đặc biệt của văn bản. Ví dụ:

Sáng hôm sau, Điền ngồi viết - giữa tiếng con khóc, tiếng vợ gặt gồng, tiếng léo xéo đòi nợ ngoài đầu xóm. Và cả tiếng chửi bới của một người láng giềng ban đêm mất gà.

[Nam Cao - *Giăng sáng*]

1.3.4. Phân loại dựa vào cách thức tồn tại

Dựa vào cách thức tồn tại, có thể chia đoạn văn thành 2 loại: đoạn văn đơn thoại và đoạn văn đối thoại.

1.3.4.1. Đoạn văn đơn thoại

Theo Nguyễn Đức Dân, giao tiếp có hai dạng: giao tiếp một chiều và giao tiếp hai chiều. Trong giao tiếp một chiều, “chỉ có một bên nói

và bên kia tiếp nhận.” [20, tr. 76]. Đó là độc thoại. Trong giao tiếp hai chiều, “bên này nói bên kia phản hồi trở lại. Lúc đó vai trò của hai bên thay đổi: bên nghe trở thành bên nói và bên nói trở thành bên nghe”. Đó là hội thoại. Như vậy, hai hình thức giao tiếp độc thoại và hội thoại phân biệt nhau chủ yếu ở số lượng chủ thể phát ngôn: một bên chỉ có một người, còn một bên có hai hoặc hơn hai người tham gia vào hành vi nói năng.

Nghiên cứu về các dạng lời nói trong văn bản, O. I. Moskal'skaja cũng cho rằng có hai kiểu loại văn bản: văn bản độc thoại và văn bản đối thoại. Tác giả quan niệm: “Văn bản độc thoại là lời nói liên kết nói hoặc viết của một người, thành viên thứ hai của hành vi nói năng là người nhận lời nói. Văn bản độc thoại là một chuỗi tuyến tính các câu. Còn văn bản đối thoại là một chuỗi luân chuyển các câu được tạo nên bằng sự chuyển đổi các phát ngôn của hai hoặc một số thành viên tham gia hành vi nói năng; mỗi thành viên tham gia vào quá trình hành vi nói năng lúc thì ở cương vị người nói, lúc thì ở cương vị người nhận nói”. [56, tr. 177, 178]. Như vậy, hai kiểu loại văn bản độc thoại và đối thoại ở đây cũng được phân biệt bởi số lượng chủ thể phát ngôn: một bên là lời nói hoặc viết của một người còn một bên là có sự chuyển đổi lời nói của các chủ thể phát ngôn.

O. I. Moskal'skaja còn chỉ ra rằng “các văn bản độc thoại và đối thoại có thể xuất hiện dưới dạng thuần túy hoặc tạo nên văn bản hỗn hợp với ưu thế của dạng độc thoại hoặc đối thoại”. [56, tr. 179]. Do đó, sẽ có văn bản thuần túy độc thoại như lời chào mừng, bài tóm tắt, bài báo khoa học,...; sẽ có văn bản thuần túy đối thoại như đối thoại khẩu ngữ (thảo luận, tranh cãi), đối thoại sân khấu, và sẽ có văn bản hỗn hợp vừa có lời nói độc thoại vừa có lời nói đối thoại. Dạng văn bản hỗn hợp này chủ yếu phổ biến ở các văn bản văn học.

Văn bản độc thoại (sau đây được gọi là đơn thoại) cũng như văn bản đối thoại đều có thể được phân tích thành các đoạn văn.

Đoạn văn đơn thoại là một chuỗi tuyến tính các câu phục vụ cùng một chủ đề, bao gồm lời của tác giả (trong văn bản nghệ thuật còn gọi là lời người kể chuyện), lời độc thoại của nhân vật, hoặc sự kết hợp giữa lời của tác giả với lời độc thoại của nhân vật.

Đoạn văn đơn thoại có thể chia thành một số dạng như sau:

- Đoạn văn chỉ gồm lời của tác giả. Ví dụ:

Sáng hôm sau mặt trời lên bằng con sào, Tràng mới trở dậy. Trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hắn có vợ đến hôm nay mà hắn vẫn còn ngỡ ngàng như không phải.

[Kim Lân - *Vợ nhặt*]

- Đoạn văn chỉ gồm lời độc thoại của nhân vật. Đoạn văn này được tạo nên bởi những lời nói bên trong của nhân vật. Nhân vật tự bộc lộ suy nghĩ của mình với chính mình. Ví dụ:

Mình chẳng ra gì cũng là cậu ruột nó, em mẹ nó, mà sao nó không biết nể mặt. Chẳng biết nó có dám ngờ mình hay không, mà sao nó nói lảm câu nghe rất tai quá.

[Nguyễn Công Hoan - *Mắt cái ví*]

- Đoạn văn xen kẽ giữa lời của tác giả với lời độc thoại của nhân vật. Ví dụ:

+ Lời của nhân vật đưa vào dưới dạng lời nói trực tiếp:

Thẩm thoát đã vài năm trôi qua, Thịnh tíu tít trong cơ chế thị trường. Đêm đêm, anh bàn bạc với vợ: "*Cố gắng làm, chi tiêu tằn tiện để dành tiền mua một khoảnh đất khác mới làm ăn lâu dài được*". Hai vợ chồng Thịnh cả năm ăn vừa đủ, ngủ vừa tới, cách làm của họ đơn giản lạng lẽ như mạch nước ngầm ngày ngày rả rích vun đầy cho ước mơ của họ

[Hà Nguyên Huyền - *Người thừa kế*]

+ Lời của nhân vật đưa vào dưới dạng lời nói gián tiếp:

Bà lão pháp phòng bước theo con vào trong nhà. Đến giữa sân, bà lão ngạc nhiên hơn. *Quái sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ?*

Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Dục mà. Ai thế nhỉ? Bà lão hấp háy cặp mắt cho đỡ nhoèn - Vì tự dung bà lão thấy mắt mình nhoèn ra thì phải - Bà lão nhìn kĩ người đàn bà lần nữa, vẫn chưa nhận ra người này. Bà lão quay lại nhìn con tỏ ý không hiểu.

[Kim Lân - *Vợ nhặt*]

1.3.4.2. Đoạn văn đối thoại

Khác với đoạn văn đơn thoại, đoạn văn đối thoại liên quan đến các lượt lời nên việc xác định có phức tạp hơn.

Đề cập tới đoạn văn đối thoại trong văn bản, các nhà nghiên cứu thường sử dụng thuật ngữ đoạn thoại (*sequence*).

Malcolm Coulthard (1985), khi đề cập đến sự kiện lời nói “*Speech even*” trong “*An Introduction to Discourse Analysis*” (Dẫn luận phân tích diễn ngôn), có nhắc tới đoạn thoại nhưng tác giả chưa làm rõ khái niệm về đơn vị này. [99, tr. 42 - 55]. Một số nhà Việt ngữ học, khi bàn đến các đơn vị hội thoại cũng đã đưa ra các quan niệm về đoạn thoại. Theo Đỗ Hữu Châu, đoạn thoại là “Một mảng diễn ngôn do một số cặp trao đáp liên kết chặt chẽ với nhau về ngữ nghĩa hoặc về ngữ dụng. Về ngữ nghĩa, đó là sự liên kết chủ đề: một chủ đề duy nhất và về ngữ dụng, đó là tính duy nhất về đích.” [17, tr. 313]. Nguyễn Đức Dân cũng cho rằng: “Một cuộc thoại có thể có chứa đựng nhiều chủ đề. Mỗi chủ đề lại có nhiều vấn đề. Quá trình thảo luận một vấn đề sẽ gồm nhiều lượt lời khác nhau. Tập hợp các lượt lời trao đổi về một vấn đề sẽ thành một đoạn thoại.” [20, tr. 86]. Thống nhất với quan niệm của Nguyễn Đức Dân, trong cuốn “Dụng học Việt ngữ”, tác giả Nguyễn Thiện Giáp cũng khẳng định: “Mỗi cuộc thoại bao giờ cũng có lúc bắt đầu và lúc kết thúc, chúng làm nên ranh giới của một cuộc thoại. Mỗi cuộc thoại có thể chứa đựng nhiều chủ đề, mỗi chủ đề lại có nhiều vấn đề. Tập hợp các lượt lời trao đổi về một vấn đề làm thành một đoạn thoại.” [29, tr. 65].

Với các quan niệm như trên, đoạn thoại chính là đoạn văn đối thoại - là một chuỗi tuyến tính các lượt lời trao đáp của các nhân vật, có thể kèm theo lời bình giải của tác giả, với điều kiện tất cả đều cùng phục vụ một chủ đề.

Đặc trưng cơ bản của đoạn thoại là:

+ Về nhân vật giao tiếp: có hai hoặc hơn hai chủ thể phát ngôn tham gia giao tiếp.

+ Về nội dung giao tiếp: có sự thống nhất về chủ đề giữa các lượt lời.

O. I. Moskal'skaja đã chỉ ra sự thống nhất giữa các lượt lời như sau:

Bản chất của lời đối thoại trong văn bản đối thoại là sự thống nhất giữa lời hỏi và lời đáp. Không một câu - lời hỏi, không một câu lời đáp nào có thể tồn tại với tư cách là những phát ngôn riêng biệt cô lập khỏi nhau. Lời thoại hỏi chưa phải là một phát ngôn, nó chỉ là một kích thích xuất phát từ một trong những người tham gia nói chuyện và kích thích phát ngôn. Lời thoại đáp cũng không có sự độc lập về nghĩa - những câu trả lời vạn năng cho mọi câu hỏi chung là sự khẳng định hoặc phủ định, không có ý nghĩa gì nếu tách khỏi lời thoại hỏi kích thích sự xuất hiện của nó và chỉ cùng với nó mới có sự hoàn chỉnh về nghĩa [56, tr. 62].

Chúng ta có thể hình dung về cuộc thoại và đoạn văn đối thoại qua trích đoạn sau:

Lúc ấy, bà Chánh Tiên đang đi vội vàng trên vỉa hè. (...) Bà đang nhìn vào hiệu Phúc An, bỗng tiếng cười khanh khách giòn tan ngay bên cạnh tai, làm bà giật nảy mình:

- Hé! Hé! Hé! Bà chị lên tinh từ bao giờ thế? (1)

Cụ lớn Tuần nắm lấy cổ tay bà Chánh, và vồn vã hỏi thế. Thì không ngờ bà này, được hân hạnh bất thần, sung sướng quá, đến nỗi rú lên một tiếng “ôi”, và thậm cảm động suýt rơi nước mắt. Bà ta vội vàng

chấp hai tay đê vái, lùi lại một bước cung kính chào:

- Lạy cụ lớn ạ. (2)

Cụ lớn nhăn mặt xua tay:

- Không, không cụ lớn cụ bé gì, chị em mình bạn gái, ai hơn tuổi là chị, ai kém tuổi là em. Có các ông ấy làm việc với nhau thì muốn gọi nhau là gì thì gọi?

- Dạ, lạy cụ lớn. (3)

- Ô, đừng cụ lớn, cụ bé gì mà! Hé! Hé! Hé! (4)

- Lạy cụ lớn cho phép con gọi thế ạ. (5)

- Gớm các bà chị đến khó bảo. Thế nào, bà chị lên tỉnh từ bao giờ, sao không vào trong dinh chơi? (6)

- Lạy cụ lớn tha tội cho, chúng con ăn mặc sỗ sề, sợ vào thì làm bận mắt cụ lớn. (7)

Cụ lớn cười xoa:

- Ô, bà chị cứ dạy thế. Tôi trách đấy! (8)

- Lạy cụ lớn, cụ lớn là chỗ cha mẹ, cụ lớn tha tội cho con cháu. (9)

- Thế thì bây giờ vào chơi vậy. (10)

- Lạy cụ lớn, dạ. (11)

- Vào ăn cơm với tôi cho vui nhé. (12)

- Lạy cụ lớn, chúng con đã vô phép cụ lớn rồi ạ. Nhà quê chúng con hay ăn cơm sớm. (13)

- Thì vào chơi nói chuyện vậy. Ông Tuấn tôi đổi về đây, tôi đến thăm các bà chị một lượt, thế mà các bà chị lên tỉnh, không bà nào vào chơi với tôi. Tôi giận lắm đấy. (14)

- Lạy cụ lớn, chỗ chúng con là con cháu, chỉ sợ ăn nói thất thố, nên không dám vào đó mà thôi. (15)

- Thì tôi đã bảo chỗ chị em mình là bạn gái với nhau, ta cần gì. Các bà chị đong bán, tôi cũng đong bán. Các bà chị làm ruộng, tôi cũng làm ruộng. Thật đấy, ở nhà, tôi cũng vẫn giặt giũ, quét tước, chứ có xem xếp ngồi không như các bà quan đâu Hé! Hé! Hé! (16)

- Dạ. (17)
- Vào chơi trong dinh nhé. (18)
- Dạ, chúng con xin theo hầu cụ lớn. (19)
- Ủ, lên xe tôi mà đi. (20)

Nói đoạn, cụ lớn gọi chiếc xe hàng, để nhường bà Chánh Tiền ngồi xe nhà.

[Nguyễn Công Hoan - *Hé! Hé! Hé!*]

Ví dụ trên kể về cuộc thoại giữa hai nhân vật là “Cụ lớn Tuấn” và bà Chánh Tiền. Cuộc thoại này có 20 lượt lời, tương ứng với 2 đoạn thoại thể hiện hai tiểu chủ đề, đoạn thoại 1 (từ lượt lời 1 đến lượt lời thứ 5): xác lập vai giao tiếp giữa hai nhân vật; đoạn thoại 2 (còn lại): “Cụ lớn” mời bà Chánh vào chơi.

Đoạn văn đối thoại có thể chia thành một số dạng như sau:

- Đoạn văn đối thoại chỉ gồm lời thoại của các nhân vật. Ví dụ, đoạn văn đối thoại sau chỉ có lời thoại của hai nhân vật:

- Chắc có bão gần, bão xa gì đây.
- Không phải đâu, tôi theo dõi tin thời tiết chặt chẽ lắm. Mùa này là mưa rước cá.

- Sao lại gọi là mưa rước cá thưa bác?

- Ờ... hồi đầu mùa trong tiết sa mưa giông khoảng cuối tháng ba đến giữa tháng tư âm lịch, năm nào cũng có những trận mưa dầm dề như vậy nhưng thường là mưa to để đưa cá từ sông lên đồng tìm chỗ đẻ. Còn đợt mưa cuối năm này là để rước chúng nó trở về sông trước khi mùa mưa chấm dứt.

- Ngộ quá! Té ra quê hương của cá đồng là kinh rạch sông ngòi. Đìa bàu ao vũng trên đồng ruộng chỉ là nơi tạm trú để sinh sôi. Bác nói cháu mới rõ. Nơi cháu ở tiếp giáp với nông thôn hồi nhỏ từng bắt cá mắc cạn vậy mà tự thờ giờ đâu có biết.

[Trang Thế Hy - *Con cá không biết tắm*]

- Đoạn văn đối thoại xen kẽ giữa lời tác giả với lời nhân vật. Ví dụ:

Vào khoảng mười giờ, tôi đang lang thang ở bờ hồ, bỗng có người đập vào vai, làm tôi phải quay lưng lại:

- Kia quan bác!

Nghe thấy chức sang trọng người ấy phong cho tôi, tôi lấy làm ngạc nhiên, tuy chưa đoán ra là ai, nhưng vẫn ngỡ ngỡ nhớ rằng đã gặp nhau một lần ở đâu vậy.

- Quan bác mới về Hà Nội?

Ông ấy tươi cười, vồn vã bắt tay tôi, và hỏi tôi thế. Tôi đáp:

- Vâng.

- Lâu lắm mới gặp quan bác. Sao không quá bộ lại chơi với tiêu đệ?

- Tôi cũng định đến thăm ông đây!

Cái lời nói đăi bôi ấy, tôi tưởng là thường, ngờ đâu ông ấy hỏi ngay:

- Bây giờ quan bác có bận gì không?

- Không.

- Thế thì ta đi chơi với nhau một lúc vậy.

[Nguyễn Công Hoan - *Xà lù*]

1.4. Đoạn văn mở đầu trong văn bản, truyện ngắn

1.4.1. Về đơn vị mở đầu văn bản

Khảo sát các công trình nghiên cứu về đơn vị mở đầu văn bản, chúng tôi nhận thấy nổi lên hai ý kiến sau:

1.4.1.1. Ý kiến gọi đơn vị mở đầu văn bản là phần mở đầu

Dựa vào sự liên kết và tính hoàn chỉnh của văn bản, I. R. Gal'perin cho rằng: “Trong dạng thức đúng đắn, văn bản có mở đầu và kết thúc. Văn bản không có mở đầu và kết thúc chỉ có thể tồn tại như sự sai lệch với mẫu văn bản đã xác định loại hình.” [26, tr. 262]. Tìm hiểu một số loại văn bản như văn kiện ngoại giao, công ước, hiệp định,... tác giả gọi đơn vị mở đầu văn bản là phần mở đầu văn bản: “Đa số văn kiện ngoại giao đều có cái gọi là phần mở đầu. Chính thuật ngữ phần mở đầu theo

từ điển thì có nghĩa là chỉ ra một giá trị thông tin: phân nhập đề, giải thích của một hiệp định quốc tế, một đạo luật hay một văn bản pháp luật khác. Trong nhiều công ước, hiệp định hiến chương, nghị định thư, phần mở đầu có thể được coi như bao hàm đề khởi chính thông tin” [26, tr. 71].

O. I. Moskal'skaja quan niệm về phần mở đầu như sau: “Phần đầu của văn bản được đánh dấu bằng việc sử dụng các tên gọi hoàn chỉnh và sự vắng mặt của các từ thay thế...” [56, tr. 60]. Tuy nhiên, đây chỉ là phần mở đầu trong văn bản theo nghĩa hẹp. Còn phần mở đầu trong văn bản theo nghĩa rộng (sản phẩm lời nói hoàn chỉnh [56, tr. 21]) chưa được tác giả đề cập nhiều mà chỉ thừa nhận nó khi xét cấu trúc của một văn bản cụ thể. Chẳng hạn, phần đầu của một lá thư, phần đầu của một truyện ngắn, truyện ngụ ngôn,...

Ở Việt Nam, nhiều tác giả cũng chia văn bản thành 3 phần - phần mở đầu, phần phát triển, phần kết thúc - và chỉ ra một số nhiệm vụ của phần mở đầu như sau: phần mở đầu có nhiệm vụ giới thiệu chủ đề, xác lập mối quan hệ giữa tác giả với đối tượng giao tiếp; chỉ ra hệ thống vấn đề và phạm vi khảo sát. Ngoài ra, các tác giả còn chỉ ra điểm khác biệt giữa nhiệm vụ phần mở đầu trong các văn bản khoa học với nhiệm vụ phần mở đầu trong các văn bản mang tính chất giao tiếp công cộng rộng lớn như tin tức, bài báo. [18, tr. 56].

1.4.1.2. Ý kiến đồng nhất phần mở đầu với đoạn văn mở đầu

Dựa vào kết cấu văn bản và cách chia tách đoạn văn theo chức năng, tác giả Diệp Quang Ban trong cuốn “Văn bản và liên kết trong tiếng Việt” cho rằng một văn bản thông dụng thường có kết cấu 3 phần - phần mở, phần thân, phần kết - và mỗi phần có thể ứng với một đoạn văn. Như vậy, tương ứng với phần mở đầu là đoạn văn mở đầu và “Đoạn văn mở làm nhiệm vụ của phần mở”. [4, tr. 213].

Dựa vào cách phân chia đoạn văn theo chức năng, Nguyễn Quang Ninh (1997) phân chia đoạn văn thành các loại như: đoạn văn mở, đoạn

văn kết, đoạn văn nối và đoạn văn phát triển. Tác giả đã chỉ ra chức năng, nhiệm vụ của đoạn văn mở tương ứng với các kiểu mở đầu: mở trực tiếp và mở gián tiếp. Tuy nhiên, tác giả không đi sâu vào việc chỉ ra đặc điểm của đoạn văn mở đầu trong từng thể loại văn bản cụ thể.

Như vậy, từ các quan niệm của các tác giả trên, chúng tôi thấy: Phần lớn các tác giả đều thừa nhận đơn vị mở đầu văn bản và gọi đó là phần mở đầu hoặc đoạn văn mở đầu.

Nhìn chung, các văn bản có dung lượng bình thường (lớn hơn 2 đoạn văn) đều có phần mở đầu. Ở mỗi loại văn bản, phần mở đầu có dung lượng khác nhau và có thể có nhiệm vụ cụ thể khác nhau. Ví dụ: Trong văn bản luật, có thể phần mở đầu xuống dòng nhiều lần nhưng vẫn là một đoạn văn mở đầu nêu lên căn cứ và mục đích ban hành luật; trong văn bản hành chính, phần mở đầu cũng có thể xuống dòng nhiều lần nhưng vẫn là một đoạn nêu căn cứ, cơ sở cho việc triển khai nội dung của văn bản, còn phần mở đầu văn bản tin tức, báo chí là một đoạn văn thông báo tin tức chính.

1.4.2. Về đơn vị mở đầu truyện ngắn

Trong phát biểu của các nhà văn và trong các công trình nghiên cứu về truyện ngắn, giới sáng tác và nghiên cứu mới tập trung khai thác các khía cạnh như quan niệm về thể loại, cốt truyện, nhân vật, tình huống sự kiện, ... mà ít chú ý đến chức năng của các đơn vị tạo nên truyện như đoạn văn mở đầu, đoạn văn ở giữa, đoạn văn kết thúc... nhất là đoạn văn mở đầu văn bản. Tuy nhiên cũng đã có một số ý kiến khẳng định vai trò của đơn vị mở truyện. Chẳng hạn, A. Tsêkhốp, nhà văn bậc thầy về truyện ngắn, khẳng định: “Theo tôi, viết truyện ngắn cốt nhất phải tô đậm cái mở đầu và kết luận.” [57, tr. 92]. Nói về kinh nghiệm viết truyện ngắn, Y. U. Nagibin (nhà văn hiện đại Nga) cũng cho rằng: “... nên nghĩ cho kỹ về mở đầu và kết luận”, “... cần nhớ rằng đoạn đầu và đoạn cuối tác phẩm là một cái gì tinh tế, phức tạp, yêu cầu chú ý thật cao.”

Theo chúng tôi, truyện ngắn có dung lượng không lớn. Vì vậy, trong trường hợp bình thường, phần mở đầu là một đoạn văn hoàn chỉnh; trong trường hợp không bình thường, phần mở đầu là một đoạn văn không hoàn chỉnh.

1.4.3. Đoạn văn mở đầu

1.4.3.1. Khái niệm

Căn cứ vào chức năng, cấu trúc nội dung và hình thức của đoạn văn mở đầu trong văn bản, có thể hiểu: đoạn văn mở đầu là bộ phận đầu tiên của văn bản, thể hiện một chủ đề tương đối trọn vẹn được tách biệt với phần còn lại của văn bản.

1.4.3.2. Một số đặc điểm cơ bản của đoạn văn mở đầu

Về hình thức, đoạn văn mở đầu nằm ở vị trí đầu tiên sau tiêu đề của văn bản. Đoạn văn mở đầu văn bản có thể có thêm dấu hiệu hình thức rõ ràng, tách biệt hẳn với phần còn lại của văn bản (bằng các kí hiệu như: chữ số, các dấu sao, giã dòng,...).

Về cấu tạo ngữ pháp, đoạn văn mở đầu có hai loại: đoạn văn bình thường và đoạn văn không bình thường.

- Đoạn văn mở đầu bình thường là đoạn văn có từ hai câu trở lên, thể hiện một nội dung đầy đủ. Ví dụ:

Phía tây thành B, trên một nền đất rộng đồ sát vào chân thành cho lẫn gạch ngoài thành được thêm vững chãi, lũ cây chuối mật tha hồ mặc sức mà mọc. Nó um tùm, tàu lá rộng và không bị gió đánh rách, che kín cả bóng mặt trời. Trên áng cỏ bốn mùa ẩm ướt, loài nấm đại sinh nở hết sức bừa bộn.

[Nguyễn Tuân - *Chém treo ngành*]

- Đoạn văn mở đầu không bình thường (còn gọi là đoạn văn đặc biệt) là những đoạn văn có hình thức cấu tạo là một câu (có thể là: một câu bình thường hay một câu đặc biệt). Đoạn văn mở đầu đặc biệt có giá trị về mặt tu từ và có tác dụng nhấn mạnh. Ví dụ:

Nhà chị bên sông Hời.

Vườn cây um tùm giấu một mái bồi cói. Tuổi thơ, một cánh áo gụ, một chiếc quần láng đen, đôi má lúm đồng tiền của khuôn mặt tròn như vàng trắng 16. Chị lặng lẽ và ngoan ngoãn nghe lời bố mẹ - ông bà đồ của làng, chăm vườn, đi bắt cáy ở bãi biển, đi chợ đông gạo...

[Đỗ Xuân Thanh - *Mai-anh về*]

Về nội dung, trong văn bản, đoạn văn mở đầu có vai trò quan trọng trong quá trình triển khai nội dung chủ đề. Nhìn trong tổng thể, đoạn văn mở đầu thường biểu thị một nội dung tương đối hoàn chỉnh, các nội dung được phản ánh trong đoạn văn mở đầu là: nêu đề tài, khái quát chủ đề văn bản, giới hạn, định hướng triển khai nội dung phần tiếp theo. Ví dụ:

Đã có mưa bụi về. Về buổi sáng, từng cơn mưa nhỏ rây bụi nước bay vân vân, phủ mịn mờ trong cánh đồng. Cỏ xanh rờn rợn. Cây lên ngút ngàn. Mùa xuân mới đã sang rồi.

[Tô Hoài - *Mùa ăn chơi*]

Đoạn văn mở đầu trên giới thiệu khung cảnh chung của truyện. Đó là khung cảnh của một mùa xuân mới tràn đầy sức sống, dự báo nhiều điều tốt đẹp và các đoạn văn tiếp theo sẽ triển khai tiếp nội dung này.

1.5. Tiểu kết

Từ những điều đã trình bày, có thể tóm tắt những hiểu biết của chúng ta về đoạn văn và đoạn văn mở đầu văn bản nói chung truyện ngắn nói riêng như sau:

1.5.1. Về tiêu chí xác định đoạn văn

- Hình thức: Đoạn văn là ngữ đoạn nằm giữa hai lần xuống dòng. Chỉ có thể giữ tiêu chí hình thức nếu chủ trương phân biệt đoạn văn với chính thể trên câu.

- Chức năng: Đoạn văn có khả năng biểu đạt một chủ đề (thể hiện ở chỗ có thể đặt cho nó một tiêu đề). Nhờ đặc điểm này mà đoạn văn được phân biệt với các đơn vị bậc dưới nó là câu và từ.

- Cấu trúc: Trong số những đơn vị có khả năng biểu đạt chủ đề,

đoạn văn là đơn vị nhỏ nhất, không thể chia nhỏ hơn được nữa. Nhờ đặc điểm này mà đoạn văn được phân biệt với đơn vị bậc trên nó là văn bản.

1.5.2. Về phân loại đoạn văn

- Dựa vào hình thức: Có 2 loại đoạn văn là đoạn văn bình thường và đoạn văn tối giản.

- Dựa vào nội dung:

+ Dựa vào cấu trúc nội dung: Có 5 loại đoạn văn: đoạn văn diễn dịch, đoạn văn quy nạp, đoạn văn song hành, đoạn văn móc xích và đoạn văn tổng - phân - hợp.

+ Dựa vào cách thức phản ánh nội dung trong đoạn văn: Có 4 loại đoạn văn: đoạn văn miêu tả, đoạn văn tự sự, đoạn văn lập luận và đoạn văn biểu cảm.

+ Dựa vào tính độc lập của đoạn văn trong văn bản: Có 2 loại đoạn văn: Đoạn văn tự nghĩa và đoạn văn hợp nghĩa.

- Dựa vào chức năng: Có 4 loại đoạn văn: đoạn văn mở đầu, đoạn văn triển khai, đoạn văn chuyển tiếp và đoạn văn kết thúc.

- Dựa vào cách thức tồn tại: Có 2 loại đoạn văn: đoạn văn đơn thoại và đoạn văn đối thoại.

1.5.3. Về đoạn văn mở đầu văn bản, truyện ngắn

Đoạn văn mở đầu là bộ phận đầu tiên của văn bản, thể hiện một chủ đề tương đối trọn vẹn được tách biệt với phần còn lại của văn bản.

Miêu tả các loại đoạn văn nói chung và đoạn văn mở đầu nói riêng trong truyện ngắn là nội dung cơ bản trong các chương tiếp theo.

Chương 2

ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO CỦA ĐOẠN VĂN MỞ ĐẦU TRONG TRUYỆN NGẮN

2.1. Cấu tạo của đoạn văn mở đầu đơn thoại

2.1.1. Đoạn văn bình thường

Đoạn văn bình thường là những đoạn văn do nhiều câu tạo thành, mỗi câu biểu thị một nội dung tương đối hoàn chỉnh, có hình thức rõ ràng. Đó là những đoạn văn mang những đặc điểm cơ bản của đoạn văn nói chung, làm cơ sở để tạo lập văn bản.

Xét theo số lượng câu trong đoạn, đoạn văn bình thường gồm từ hai câu trở lên. Ví dụ:

(1) Hơn hai mươi năm về trước, đã có thời kì tôi ở huyện Chương Mỹ. (2) Hồi ấy, tôi mới độ chín, mười tuổi.

[Nguyễn Công Hoan - *Con ngựa già*]

Ở dạng tối đa, đoạn văn có cấu tạo trên mười câu. Ví dụ:

(1) Hắn hút đến điều này là điều thứ ba. (2) Ba điều thông luôn. (3) Cái thuốc lào, hút vào buổi sáng lành lạnh như sáng hôm nay sao mà ngon thế! (4) Khói đậm đà như vị mật, thấm qua lưỡi để đi vào với máu, lan đi từng thớ thịt, làm da thịt dê mê. (5) Đôi mắt hấn gà gà; hơi thở phì phò như ống bễ lò rèn; những ngón tay lơ rờ trên không khí mơn man một dáng hình tưởng tượng. (6) Như thế trong vài ba phút. (7) Rồi cơn say lại nhạt. (8) Cái thú vị chính là ở chỗ đó. (9) Những cơn say, nếu kéo dài ra tất thành nôn nao. (10) Người ta đâm chúc đầu vào bức vách hoặc xều dãi ra như một con chó trước khi hoá dại! (11) Còn cái gì thô tục bằng? (12) Đẳng này những cơn say rất chóng qua.

(13) Người hút, vừa hút xong, đã lại muốn hút luôn điếu nữa. (14) Hút bằng nào cũng không biết chán. (15) Hút đi hút lại mà vẫn còn thấy ngon.

[Nam Cao - *Trẻ con không được ăn thịt chó*]

Xét theo cấu tạo ngữ pháp của câu, đoạn văn đơn thoại mở đầu truyện ngắn có thể chỉ gồm thuần nhất một kiểu câu nhưng cũng có thể xen kẽ nhiều kiểu câu khác nhau. Cụ thể:

2.1.1.1. *Đoạn văn chỉ gồm các câu đơn và câu ghép bình thường*

+ Đoạn văn gồm các câu đơn bình thường

Trời rét như cắt. Không kể tiểu hàn, không kể cả đến đại hàn, buổi sớm mùa đông nào, cụ ẩm cũng dậy từ lúc còn tối đất. Từ trên bàn thờ đức Thánh Quan, cụ nhắc cây đèn để xuống. Được khêu hai tim bắc nữa, cây đèn dầu sở phơ thêm màu xanh lá mạ phủ trên chất sứ Bát Tràng.

[Nguyễn Tuân - *Chén trà trong sương sớm*]

+ Đoạn văn gồm các câu đơn kết hợp với câu ghép

Tổng Cốc ngồi nhìn ra ngoài cửa. Ông ngắm cái sân gạch Bát Tràng lâu ngày đã rỗ rạn. Do cống thoát nước đã mấy năm nay tắc nên mưa là nước tràn cả vào sân. Để thế không những sân mà cả ngôi từ đường cũng hư nát. Thông cống thì sức nhà này không làm riêng được, cái cống đục chạm đến bao nhiêu nhà.

[Nguyễn Huy Thiệp - *Chút thoáng Xuân Hương*]

2.1.1.2. *Đoạn văn chỉ gồm các câu đặc biệt*

Và bụi Và tanh Và ồn ào Và hơi người Và chen chúc..

Chợ họp mỗi lúc một đông.

[Nguyễn Công Hoan - *Bữa no... đòn*]

2.1.1.3. *Đoạn văn xen kẽ câu bình thường với câu đặc biệt*

Đóng sầm cánh cửa toà soạn, Tự thất thểu bước ra đường. *Chiều thu!* Ánh nắng không có cái màu vàng non mỏng mảnh của mọi chiều mà nhuộm đỏ Không khí rắc xám như có bột chì...

[Thiên Sơn - *Lời của im lặng*]

2.1.1.4. Đoạn văn xen kẽ câu bình thường với câu rút gọn

Ngày thuở bé - phải, năm ấy tôi mới độ mười một, mười hai tuổi, chứ không hơn - bốn buổi đi học, về học qua phố Hàng Bông Đem, tôi thường đứng lại dán mũi vào mặt kính tủ hàng của hiệu tạp hoá Tự Hưng để nhìn vào trong. Nhiều thứ thích mắt lắm. Nhưng tôi thú nhất là cái ví. Cái ví ấy nhỏ thôi. *Dài độ một gang tay tôi hồi bấy giờ. Và rộng độ một nửa. Bằng da thì phải. Nhuộm màu nâu xẫm. Trên mặt, có in hình cô tiên, rắc bằng kim nhũ.* Giá đề có hào tám. Nhiều thằng bạn tôi cũng có ví. Ví của chúng nó, tôi đã xem, thấy hẹp hơn và xấu hơn. Nhưng cái thì hai hào hai, cái thì hai hào rưỡi. Vậy cái ví bán ở nhà người Hoa kiều này vừa đẹp, vừa rẻ. Tôi ước ao có cái ví như mấy thằng bạn. Cố nhiên cái ví mà tôi chọn để mua là cái có hình cô tiên giá hào tám này. Nhưng tôi làm gì có tiền để sắm thứ đồ xa xỉ ấy? Tiền nhà gửi hàng tháng cho anh em chúng tôi ăn học và tiêu vặt ở Hà Nội, thì anh tôi giữ. Thành thử muốn có ví, tôi càng thèm cái ví ấy. Tôi đam mê cái ví bày ở hiệu Tự Hưng. Tôi xin anh tôi hào tám để mua. Nhưng anh tôi không cho. *Nói rằng để mua sách, vở, có ích hơn.* Tôi đành phải hậm hực mà nghe lời. Và muốn đỡ cơn thèm thường hầu như mắc nghiện, tôi chỉ còn cách là ngày ngày đi ngắm ví. Ngắm nhiều quá, đến nỗi tôi thuộc lòng cả những nét vẽ cô tiên. Về nhà, những lúc rỗi tôi lấy bút vẽ lại cô ta ra tờ giấy. *Cái mặt trái xoan. Cái mũi dọc dừa. Mái tóc uốn lượn cong cong. Tà áo và giải dây lưng bay bay tha thướt. Giống đảo để.*

[Nguyễn Công Hoan - *Chuyện cái ví*]

2.1.1.5. Đoạn văn xen kẽ câu bình thường với câu đặc biệt, câu rút gọn

Chiều muộn. Cuối tháng mười. Trời se se. Mưa bụi lây phây. Một chiếc Tôyôta trắng muốt lướt êm trên mặt đường. Chậm dần rồi đỗ lại trước nhà nổi Hồ Tây.

[Nguyễn Thị Ngọc Tú - *Buổi chiều toà hương*]

2.1.2. Đoạn văn đặc biệt

Đoạn văn đặc biệt là đoạn văn do một từ, một cụm từ hay một câu tạo thành. Về nội dung: đoạn văn đặc biệt biểu thị một nội dung độc lập hoặc phụ thuộc nhưng phần lớn là không trọn vẹn. Để khôi phục lại sự hoàn chỉnh về nội dung của đoạn văn này, phải dựa vào những đoạn văn khác trong văn bản. Diệp Quang Ban gọi đoạn văn này là “đoạn văn bất thường”, “có nội dung không trọn vẹn và có hình thức không hoàn chỉnh” [4, tr. 210].

Đoạn văn mở đầu đặc biệt gồm những loại sau:

2.1.2.1. Đoạn văn là một câu đặc biệt có hình thức một từ

Xét về mặt từ loại, đoạn văn đặc biệt một từ đứng ở vị trí mở đầu văn bản thường do các từ loại danh từ, số từ đảm nhận.

Các danh từ sử dụng ở loại đoạn văn này chủ yếu là những từ chỉ tên nhân vật hoặc xác định không gian, thời gian làm bối cảnh cho truyện. Ví dụ:

+ Gọi tên nhân vật

Nguyễn Lê Kỳ Niệm.

Nguyễn họ bố, Lê họ mẹ, Kỳ Niệm là tên chú bé ấy.

[Nguyễn Thị Ngọc Tú - *Kỳ Niệm*]

+ Xác định không gian, thời gian

(1) *Bến đò.*

Sang đò có một nhà sư, một nhà thơ, một nhà giáo, một tên cướp, hai tên buôn đồ cổ, hai mẹ con, một cặp tình nhân và chị lái đò.

[Nguyễn Huy Thiệp - *Sang sông*]

(2) *Tháng năm.*

Những chùm phượng đỏ vút cong trên các ngõ phố. Không gian im ỉm tiếng ve gọi cảm giác hồi hộp và sôi động. Nàng đứng nơi góc phố chờ chàng. Đường Nguyễn Du. Nắng tràn lan thừa thãi xối xuống các hàng cây. Mặt hồ sóng sánh nước màu ráng nắng.

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Tình yêu ơi, ở đâu*]

Các số từ được sử dụng để mở truyện thường là những từ chỉ số thứ tự.
Ví dụ:

Thứ nhất.

Nó lấy một tấm gỗ của bố và đặt lên trên hai cái ghế. Một cao. Một thấp. Tấm gỗ dán ở trên giống như chiếc cầu trượt.

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Phù thủy*]

Nói chung, ở vị trí mở đầu văn bản, các đoạn văn đặc biệt một từ thường có quan hệ chặt chẽ với đoạn văn tiếp theo. Và phải nhờ vào đoạn văn tiếp theo mới khôi phục đầy đủ nội dung của chúng.

Trong các văn bản nghệ thuật như kịch, tiểu thuyết, đoạn văn đặc biệt một từ ở vị trí mở đầu xuất hiện rất hãn hữu. Trong các văn bản phi nghệ thuật như văn bản báo chí, văn bản chính luận, văn bản khoa học yêu cầu độ chính xác, tính khách quan cao, nội dung được chuyển tải trong đoạn văn phải đầy đủ, vì thế ít khi xuất hiện đoạn văn đặc biệt một từ.

2.1.2.2. *Đoạn văn là một câu đặc biệt có hình thức một cụm từ*

+ Đoạn văn mở đầu là câu đặc biệt có hình thức cụm danh từ

Đoạn văn này thường xác định bối cảnh không gian, thời gian cho sự việc nêu ở đoạn văn tiếp theo. Ví dụ:

(1) *Đêm đầu tiên.*

Nàng nép vào khuôn cửa nhà tôi. Trong tiếng mưa, có tiếng nàng xì mũi. Mưa nhẹ dần. Tôi mở cửa nhìn nàng. Một bóng hình gầy gò xác xơ yếu đuối. Tôi kéo nàng vào nhà. Nàng nhìn tôi như nhìn quân cướp.

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Những đêm thấp sáng*]

(2) *26 Tết.*

Anh bảo: “Chiều nay về quê, mừng năm anh lên”. Tôi làm tính nhẩm.

[Phan Thị Vàng Anh - *Mười ngày*]

(3) *Ba giờ.*

Căn nhà của họ một tầng. Rộng hai trăm năm mươi mét vuông, với

năm phòng nằm trên con đường gần phi trường, bên cạnh vài chục biệt thự của những thương gia đang giàu lên thời cơ chế thị trường. Mặt tiền của căn nhà rộng mười bốn mét chia hai phần lệch nhau. Bên nhỏ giành cho đường ô tô vào ga ra. Bên to, là hàng rào thưa và cao, màu xanh lá cây thẫm.

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Tân cảng*]

Ở ví dụ (1), truyện được mở đầu bằng một cụm danh từ chỉ thời gian, xác định thời điểm xuất hiện của nhân vật. Đồng thời, đó là mốc thời gian mở đầu cho những mốc thời gian kế tiếp trong truyện (đi vào tìm hiểu cốt truyện ta thấy, mỗi mốc thời gian tương ứng với một hành động của nhân vật). Ở ví dụ (2), đoạn văn mở truyện có hình thức một câu - cụm danh từ chỉ thời điểm xuất hiện của nhân vật. Đây cũng là mốc thời gian mở đầu cho hàng loạt mốc thời gian tiếp theo như tiêu đề của truyện đã gợi ra: “Mười ngày”. Ở ví dụ (3), truyện cũng được mở đầu bằng một cụm danh từ có tác dụng xác định rõ mốc thời gian đồng thời gợi ra cho bạn đọc nhiều liên tưởng.

Ở các ví dụ trên, xét về cấu tạo, các cụm danh từ ở vị trí mở truyện thường không đầy đủ các thành tố, chỉ có thành tố trung tâm với thành tố phụ trước hoặc phụ sau. So với đoạn văn đặc biệt là một danh từ, đoạn văn đặc biệt là cụm danh từ có ý nghĩa xác định, cụ thể hơn.

+ Đoạn văn mở đầu là câu đặc biệt có hình thức cụm động từ

Loại đoạn văn này thường được dùng để biểu thị hành động của nhân vật, xác định sự tồn tại của sự vật hoặc nêu diễn biến, kết quả của một sự việc. Ví dụ:

(1) *Thuận rồi đấy!* . .

Phải nếu thời gian vẫn giữ được cái nhịp thường của nó thì về rày đêm dài ngày ngắn! Ban đêm đã có sương, người ta đắp một cái chăn đơn vừa dễ chịu, ban ngày thì mát mẻ, trời rất xanh không khí trong veo, nắng dịu heo may giữa đồng...

[Nam Cao - *Làm tổ*]

(2) *Có tiếng gõ cửa.*

Rồi, một cái gì đó ném vào nhà, nghe soạt. Bà Nội giật mình, bỏ vội mớ rau băm dờ, chạy ra.

[Nguyễn Thị Ngọc Tú - *Khoảng trời phía sau nhà*]

Phân tích các ví dụ trên, chúng ta thấy:

Ở ví dụ thứ (1), cụm động từ mở truyện chỉ có hai thành tố: thành tố trung tâm là một động từ chỉ trạng thái của sự vật (động từ *thuận*); thành tố phụ sau là một phó từ chỉ kết quả. Ở ví dụ thứ (2), cụm động từ dùng mở truyện có hai thành tố: thành tố trung tâm là một động từ chỉ sự xuất hiện tồn tại (*có*); một thành tố phụ sau là một cụm danh từ (*tiếng gõ cửa*), có chức năng giải thích, làm rõ nghĩa cho thành tố trung tâm.

Nhìn chung, so với loại đoạn văn một từ, đoạn văn một cụm từ có ý nghĩa xác định hơn, mức độ độc lập cao hơn: tách khỏi văn cảnh vẫn có thể hiểu được nội dung mà nó biểu đạt.

2.1.2.3. *Đoạn văn mở đầu có hình thức là một câu*

Theo tác giả Trần Ngọc Thêm, hiện tượng “câu trùng với đoạn văn” là kiểu cấu trúc tối giản của đoạn văn. Tác giả Đỗ Hữu Châu cũng quan niệm loại đoạn văn - một câu là “đoạn văn tối giản” [16. tr. 76].

So với các đoạn văn đặc biệt là một từ và một cụm từ, đoạn văn đặc biệt một câu ở vị trí mở đầu trong truyện ngắn có tần số xuất hiện nhiều hơn. Xét về cấu tạo, những câu tạo thành đoạn văn một câu có thể là câu đơn hoặc câu ghép, câu rút gọn hoặc câu bình thường. Cụ thể như sau:

+ Đoạn văn mở đầu có hình thức là câu đơn

(1) Ở cuốn lịch năm ấy bìa vàng nhoè nét son dấu kim ấn toà Khâm Thiên Giám có niên hiệu Duy Tân thập niên, người ta thấy tiết thu phân và ngày lập thu qua đã lâu rồi.

[Nguyễn Tuân - *Báo oán*]

(2) Một kho quân nhu và bốn cò gài nấu mình dưới tán cây rừng Trường Sơn.

Bốn cô gái trẻ măng nhưng mái tóc chỉ còn là một đùm xơ xác. Dòng nước khe màu xanh đen thớ lợ đã dần dà vật trụi tóc họ.

[Võ Thị Hào - *Người sót lại của rừng cười*]

Chúng ta có thể gặp cấu trúc câu đơn hai thành phần này ở dạng tối giản, có nghĩa là câu không mở rộng các thành phần C và V. Ví dụ:

(1) *Phà rời bến.*

Thành phố trên sông vào ban đêm huyền ảo và lung linh lạ thường. Đèn sáng loé trên các con tàu ra khơi đánh cá, những chiếc tàu lớn ghé vào cảng ăn than.

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Biển ám*]

(2) *Bão tan.*

Bảy giờ sáng tôi lên tàu về phía Nam. Tàu đi qua những miền đất xác xơ, cây cối đổ hoang tàn. Càng xa thành phố, cuộc sống càng như lao xao bởi trận bão vừa qua cuốn theo nó sự yên bình.

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Nước mắt đàn ông*]

Trong các ví dụ trên, các câu đều có một mô hình cấu tạo như nhau, đó là chỉ có hai bộ phận chính, nòng cốt của câu là C và V.

Bên cạnh những đoạn văn mở đầu là câu đơn đầy đủ hai thành phần C - V, ta còn gặp những đoạn văn mở đầu là câu đơn không có chủ ngữ, chỉ có vị ngữ và thành phần phụ đi kèm theo vị ngữ. Mô hình của các câu này thường là: TN - VN (trạng ngữ - vị ngữ). Ví dụ:

Giữa quăng đời vua Thành Thái và đời Hoàng Tôn Tuyên hoàng đế,

TN

đất Thuận Hoá// có ba người đàn bà rất đẹp và rất lẳng lơ.

VN

[Nguyễn Tuân - *Đánh thơ*]

+ Đoạn văn mở đầu có hình thức là câu ghép

Hễ bao giờ ông chủ nhiệm tờ Đời Mới đến toà báo mà ngậm cái tẩu thuốc lá chệch sang một bên hàm và hay khịt mũi, thì y như hôm

ấy. ông có việc chẳng bằng lòng.

[Nguyễn Công Hoan - *Ông chu báo chẳng bằng lòng*]

Cũng như đoạn văn có hình thức là câu đơn, đoạn văn có hình thức câu ghép có cấu trúc chặt chẽ, thể hiện nội dung hoàn chỉnh và có khả năng nêu được chủ đề khái quát của truyện.

Nhìn chung, so với đoạn văn - một cụm từ, đoạn văn - một câu có hình thức cấu tạo đa dạng hơn. Nó có tính tự nghĩa cao hơn đoạn văn một từ và một cụm từ. Nó có thể đứng độc lập ngoài ngữ cảnh. Về ý nghĩa, các câu thường biểu thị một nội dung thông báo trọn vẹn. Những thông báo này là tiền đề quan trọng giúp người đọc tiếp nhận thông tin trong văn bản tốt hơn.

2.2. Cấu tạo của đoạn văn mở đầu đối thoại

2.2.1. Xét theo số lượt lượt lời

Lượt lời là đơn vị cơ bản của hội thoại. “Đó là một lần nói xong của một người trong khi những người khác không nói, để rồi đến lượt một người tiếp theo nói.” [20, tr. 87]. Sự luân phiên lượt lời trở thành nguyên lí của hội thoại. Cơ chế của sự luân phiên lượt lời là sự trao lời và đáp lời của các nhân vật tham gia đối thoại. Sự trao đáp của các nhân vật có thể diễn ra trong hai lượt hoặc hơn hai lượt. Mỗi lượt lời có thể gồm một câu hoặc nhiều câu. Số lượng các lượt lời ở đoạn thoại mở truyện phụ thuộc vào chủ đề của đoạn thoại. Ví dụ:

+ Đoạn thoại có hai lượt lời:

Trước khi tôi đi chơi phố, bạn tôi lại dặn với thêm câu nữa rằng:

- Thế nào đến mười một giờ, anh cũng về ăn cơm với tôi nhé!
- Tôi không sai hẹn đâu, đến Hà Nội, tôi chẳng ăn ở đây thì ăn ở đâu?

[Nguyễn Công Hoan - *Xà lù*]

+ Đoạn thoại có nhiều lượt lời, mỗi lượt lời có thể gồm một phát ngôn hoặc nhiều phát ngôn:

Trong bữa cơm chiều do chủ tịch xã Đông Sơn mời, đột nhiên anh báo tôi:

- Anh phải gặp ông Sinh xã tôi mới được. Ông ta là người duy nhất không chịu thay đổi một chút gì trong cái thời buổi kinh tế thị trường.

Trưởng công an xã hỏi:

- Nghe vợ bảo lại đi Hưng Hà không rõ đã về chưa?

Chủ tịch xã buông đũa nhìn chúng tôi bằng cặp mắt lừ đừ rồi nói rất từ tốn:

- Mới về trưa nay. Hấn là đại đội trưởng của tôi hồi tiểu đoàn chúng tôi phụ trách một tuyến cầu đường trên đất bạn. Sang đất bạn có hai tháng hấn đã nói thông thạo tiếng Lào, như dân Lào. Thông minh tốt đĩnh. Gan dạ cũng tốt đĩnh.

[Nguyễn Khải - *Lãng tử*]

Như vậy, xét về cấu tạo, một đoạn thoại tối thiểu phải có hai lượt lời của hai nhân vật tham gia đối thoại. Tuy nhiên trong mở đầu của một số truyện ngắn, cá biệt vẫn có thể gặp trường hợp đoạn văn mở truyện chỉ có một lượt lời duy nhất. Các lời thoại này không cần sự hồi đáp. Xét về bản chất, đây chưa phải là đoạn đối thoại nhưng nhờ có hình thức đối thoại mà những đoạn văn mở truyện này vẫn có tư cách là một đoạn thoại. Đây là đoạn thoại không bình thường, bởi vì lời thoại chỉ phát đi từ một phía mà không có sự hồi âm. Ví dụ:

- Mai tôi lấy chồng Rân ạ!

Nàng cúi xuống nhìn hấn lọt thõm trong chiếc xe lăn tay. Khoé mắt màu biển tối mà nàng rọi xuống hấn chứa chan vẻ âu yếm cười cợt như cô chủ đồng đánh đang nhìn xuống chú cún nhỏ.

[Võ Thị Hảo - *Người đàn ông duy nhất*]

Phân tích ví dụ trên, ta thấy, truyện được mở đầu bằng một lời thoại duy nhất của nhân vật trữ tình là cô gái. Đây là lời thoại chỉ có thông tin một chiều không có lời đáp của đối tượng nhận tin. Lời thoại này bộc lộ tâm trạng day dứt của người con gái trước khi đi lấy chồng đối với người mà mình quan tâm. Cho nên, mặc dù có hướng đến đối tượng nhưng lời thoại không cần sự hồi đáp. Cách mở truyện như thế

này hấp dẫn và gây ấn tượng ở người đọc, buộc người đọc phải theo dõi truyện để tìm ra lời giải cho lời thoại trên. (Theo dõi cốt truyện ta thấy: cô gái thực sự có cảm tình pha lẫn sự nể trọng đối với người đàn ông tật nguyền (Rân) nhưng cô không thể vượt qua được cái ngưỡng cửa khắc nghiệt của số phận để đến với Rân. Lời thoại mở truyện được phát ra là kết quả dồn nén tâm trạng của cô gái. Theo dõi phần tiếp theo của truyện, chúng ta thấy vẫn chỉ là lời thoại của cô gái: “Đời này... chỉ còn Rân thực lòng thương tôi”).

2.2.2. Xét theo số lượng cặp thoại

Trong hội thoại, các lượt lời luôn có mối quan hệ với nhau: lượt lời này kéo theo lượt lời kia, lượt lời kia quy định giá trị của lượt lời này. Do đó có khái niệm cặp thoại. Theo Nguyễn Đức Dân, “các cặp thoại không phải nói ra một cách ngẫu nhiên, tùy tiện. Chúng được tổ chức thực hiện theo một quy cách chặt chẽ... Trong một cặp thoại, lượt lời thứ nhất có chức năng định hướng cho lượt lời thứ hai.” [20, tr. 96]. Như vậy, có thể quan niệm cặp thoại là hai lượt lời có quan hệ mật thiết với nhau. Mối quan hệ giữa hai lượt lời được thể hiện trực tiếp qua mối quan hệ giữa các phát ngôn. Đó là các kiểu quan hệ như: hỏi - hỏi; hỏi - trả lời; chào - chào; đề nghị - đáp ứng; đề nghị - từ chối;...

Khảo sát đoạn thoại mở truyện, chúng tôi nhận thấy, mỗi đoạn thoại có thể có một cặp thoại hoặc có nhiều cặp thoại. Ví dụ:

+ Đoạn thoại có một cặp thoại:

Vào bàn ăn thấy chỉ mình bạn với tôi, tôi không sao giấu nổi sự ngạc nhiên. Hùng như cũng đoán ra điều ấy, mỉm cười hỏi tôi:

- Chắc anh lấy làm lạ vì không có Nga ngồi cùng ăn với chúng ta như năm trước?

- Quả có thể. Ý hẳn chị đi chơi đâu?

[Nam Cao - *Dui mù*]

+ Đoạn thoại có nhiều cặp thoại:

- Đây có phải nhà ông chủ ô tô “Con Cọp” hay không? (1)

- Phải, ông hỏi gì? (2)

- Thưa cụ, ông chủ có nhà không ạ? (3)

- Ông ấy đi vắng chưa về. (4)

- Thưa cụ, tôi hỏi thế này khi không phải, cụ có phải là cụ sinh ra ông chủ tôi không ạ? (5)

- Không phải, con vú già đây! (6)

Người khách đương luống cuống, sượng sùng, vì sợ mình làm con vú già với mẹ ông chủ, thì trông thấy một người đàn bà béo tốt và trẻ ở nhà trong đi đến sân. Muốn cho khỏi lảm lẩn lần thứ hai, người khách vội hỏi ngay người vú:

- Kia có phải là bà chủ không? (7)

- Không phải, đây là mẹ đây! (8)

[Nguyễn Công Hoan - *Báo hiếu: trả nghĩa mẹ*]

Đoạn thoại trên có 4 cặp thoại là: cặp 1 - 2; cặp 3 - 4; cặp 5 - 6; cặp 7 - 8.

2.2.3. Xét theo số lượng vai thoại

Vai thoại là chủ thể của lời thoại, là các nhân vật tham gia hội thoại. Trong hội thoại bao giờ cũng có sự tương tác giữa các nhân vật tham gia đối thoại. Đó là sự tương tác bằng lời thoại giữa các nhân vật qua sự luân phiên lượt lời. Khi đoạn thoại chỉ gồm lời thoại của hai nhân vật, ta có song thoại (*dialogue*); khi đoạn thoại gồm lời thoại của ba nhân vật, ta có tam thoại (*trilogue*); khi đoạn thoại gồm lời thoại của nhiều nhân vật, ta có đa thoại (*polylogue*). Đoạn thoại mở truyện chủ yếu là song thoại, các đoạn tam thoại và đa thoại không nhiều. Chẳng hạn:

2.2.3.1. Đoạn song thoại

- Anh Bình!

Tôi đang mãi ngắm một cửa hàng, vội vàng quay lại, ngơ ngác nhìn xem ai gọi. Trên bờ hè phía bên kia, một người nhỏ bé, bận quần áo ta, miệng cười và giơ tay vẫy.

- À, anh Bào.

Chúng tôi mừng rỡ. Bào nắm chặt lấy tay tôi lay đi lay lại:

- Anh chưa quên tôi cơ à?

Tôi đáp:

- Quên thế nào được một người bạn học cũ. Nhất là anh thì tôi lại càng nhớ lắm.

[Thạch Lam - *Người bạn tre*]

2.2.3.2. Đoạn tam thoại

Đoạn tam thoại xuất hiện ở vị trí mở truyện rất hạn chế. Nếu như ở đoạn song thoại, lời thoại của các nhân vật có thể được đặt nối tiếp nhau liên tục thì ở đoạn tam thoại, tính liên tục của các lời thoại có phần lỏng hơn. Để phân định được các cặp thoại, ta phải dựa vào lời dẫn truyện của người kể chuyện. Ví dụ:

Ông chánh hội dò mắt tía tai, trợn mắt nhìn ông lí và ông phó hội, rồi đập nắm tay xuống chiếu, nghiêng răng nói: (1)

- Từ ngày lão ấy về huyện ta, chính sách hay chưa thấy đâu, mà nay đục đám này, mai khoét đám khác, bịa ra những việc không có nghĩa lí gì để sách nhiễu dân, ăn cắp từ hai hào của con mẹ Nuôi ăn cắp đi, thì phỏng các ông thử nghĩ xem, quan gì lại quan thế? (a)

Ông lí cũng đây về uất ức, thở dài và lắc đầu: (2)

- Phải, mà lệ đâu lại có cái lệ khoán cho người ta món tiền để lễ tết mình bao giờ. Hôm ấy, bực quá, tôi cãi phăng ngay rằng làng ta nghèo, lí trưởng xin tết một đồng, chánh hội một đồng, phó hội năm hào, còn thì xin miễn ráo. (b)

Ông phó hội nói: (3)

- Ông nói có thể mà lão ấy gắt, còn bảo ông là bướng? (c)

- Phải, ông ấy lại đe tôi nữa kia. Không hiểu những người địa vị hơn kẻ khác, họ cho bướng là thế nào. Đối với họ, hình như khi người dưới cố ý không để họ đè nén được thì họ cho là bướng. (d)

[Nguyễn Công Hoan - *Ngượng mồm*]

Trong đoạn thoại trên có 3 vai thoại: ông chánh hội, ông phó hội và ông lí. Đoạn thoại này gồm có 2 cặp thoại. Các cặp thoại này phân định được nhờ có lời dẫn truyện (1, 2, 3). Cặp 1 a - b gồm lời ông chánh hội và lời ông lí; Cặp 2 c - d gồm lời ông phó hội và ông lí. Các cặp thoại này hướng tới nội dung của cả đoạn: phê phán những thói xấu của quan huyện, phản đối việc “tét” quan vào các ngày lễ.

2.2.3.3. Đoạn đa thoại

Các vai thoại thường chia thành hai loại: vai trung tâm do nhân vật chính đảm nhiệm; vai phụ do một nhóm nhân vật đảm nhận. Cũng giống như đoạn tam thoại, để phân định các cặp thoại trong đoạn phải có sự tham gia của lời dẫn truyện. Đoạn thoại này ở vị trí mở truyện xuất hiện cũng rất hãn hữu. Ví dụ:

Anh em trong trại cơ đứng xúm xít quanh chú quyền Ván - cách và hỏi:

- Thế này? Toạ phải phạt nặng thế à?

- Nặng lắm, nhưng mình có lỗi, thì kêu ca làm gì? Có gì đâu, đêm hôm qua, đảng này đi tuần với thầy quản, vào mé rừng làng cổ tích. Lúc tang tảng sáng có một người đàn bà thu thu cái gì trong bọc, ở đảng kia đi lại. Người ấy thấy thầy quản và tôi, thì vùng té chạy. Thầy quản nghi tình mới hô đuổi theo, bắt đứng lại để khám. Thì ra con mẹ ấy...

- Khoan, con mẹ ấy mặt mũi có khá không?

- À, chà, sộp phải biết! Hai con mắt nó mới lẳng làm sao!

- Thôi được. Con mẹ ấy tại làm sao mà chạy?

- Lúc nó bị bắt thì tay nó cầm một chai thuốc phiện lậu! Nó van lạy thầy quản xin tha và hứa sẽ biện chè lá.

- Nó khẩn bao nhiêu?

- Nó khẩn thầy quản một chục và đảng này năm đồng.

[Nguyễn Công Hoan - *Lập - giòong*]

Đoạn thoại trên có nhiều vai thoại, trong đó có vai chính: chú

quyền Ván - cách và một nhóm vai phụ gồm “anh em trong trại cơ”, các vai phụ được thể hiện dưới dạng lời thoại của vai đại diện trong nhóm. Có 4 cặp thoại. Các cặp thoại này đề cập nguyên nhân chú Ván - cách bị phạt tội nặng liên quan đến việc bắt trói một người đàn bà đem theo thuốc phiện trong người.

2.3. Tiểu kết

Từ những điều đã trình bày ở trên, có thể rút ra những đặc điểm chính về cấu tạo của đoạn văn mở đầu truyện ngắn như sau:

2.3.1. Về cấu tạo của đoạn văn mở đầu đơn thoại

Đoạn văn mở đầu đơn thoại có hai loại: đoạn văn bình thường và đoạn văn đặc biệt (đoạn văn một từ, đoạn văn một cụm từ và đoạn văn một câu). Đoạn văn đặc biệt có tính độc lập thấp, để hiểu đầy đủ phải dựa vào đoạn văn tiếp theo. Sự xuất hiện đoạn văn đặc biệt mở đầu truyện ngắn cho thấy sự khác biệt so với đoạn văn mở đầu trong một số văn bản phi nghệ thuật như văn bản khoa học, văn bản báo chí,... (các đoạn văn mở đầu đặc biệt ở các văn bản này xuất hiện rất hãn hữu và chừng mực nào đó là “phi nguyên tắc”).

Đặc trưng chung của các câu trong đoạn văn mở đầu đơn thoại là ngắn gọn, có tác dụng dồn nén thông tin, nhấn mạnh hoặc biểu cảm.

2.3.2. Về cấu tạo của đoạn văn mở đầu đối thoại

Đoạn văn mở đầu đối thoại được cấu tạo đa dạng, gồm đoạn thoại hai lượt lời, đoạn thoại có nhiều lượt lời, đoạn thoại có một cặp thoại, đoạn thoại có nhiều cặp thoại, đoạn song thoại, đoạn tam thoại và đoạn đa thoại. Việc xác định cấu tạo của đoạn thoại phụ thuộc vào lượt lời, vai thoại, chủ đề của đoạn thoại.

2.3.3. Ý nghĩa

Ở hai dạng thức tồn tại là đơn thoại và đối thoại, đoạn văn mở truyện có cấu tạo đa dạng với nhiều kiểu loại phong phú. Đây là đặc điểm cơ bản để phân biệt cấu tạo của đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn với cấu tạo đoạn văn mở đầu trong các văn bản phi nghệ thuật,

đồng thời giúp bạn đọc định hướng được cách cấu tạo các đoạn văn tiếp theo trong truyện.

Các đặc điểm về cấu tạo của đoạn văn mở đầu truyện ngắn có thể tóm tắt thành các bảng sau:

Bảng 2.1: Đặc điểm cấu tạo của đoạn văn mở đầu đơn thoại bình thường

Đặc điểm	Kiểu đoạn văn	Số lượng	Tỉ lệ
Xét theo số lượng câu	ĐV ¹ gồm hai câu	29/260	11,1%
	ĐV trên hai câu	231/260	88,9%
Xét theo cấu tạo ngữ pháp của câu	ĐV gồm các câu đơn bình thường	115/260	44,1%
	ĐV gồm câu đơn kết hợp câu ghép	71/260	27,4%
	ĐV chỉ gồm các câu đặc biệt	2/260	0,9%
	ĐV xen kẽ câu bình thường với câu đặc biệt	52/260	20%
	ĐV xen kẽ câu bình thường với câu rút gọn	10/260	3,8%
	ĐV xen kẽ câu bình thường với câu đặc biệt, câu rút gọn	10/260	3,8%

Bảng 2.2: Đặc điểm cấu tạo của đoạn văn mở đầu đơn thoại đặc biệt

Đặc điểm	Kiểu đoạn văn	Số lượng	Tỉ lệ
ĐV có hình thức cấu tạo là câu đặc biệt - một từ	ĐV có hình thức là câu đặc biệt - một danh từ	4/111	3,6%
	ĐV có hình thức là câu đặc biệt - một số từ	1/111	0,9%
ĐV có hình thức cấu tạo là	ĐV có hình thức là câu đặc biệt - một cụm danh từ	5/111	4,5%

¹ Đoạn văn

câu đặc biệt - một cụm từ	ĐV có hình thức là câu đặc biệt - một cụm động từ	3/111	2.7%
ĐV có hình thức cấu tạo là một câu	ĐV có hình thức một câu đơn	76/111	68,5%
	ĐV có hình thức một câu ghép	22/111	19,8%

Bảng 2.3: Đặc điểm cấu tạo của đoạn văn mở đầu đối thoại

Đặc điểm	Kiểu đoạn văn	Số lượng	Tỉ lệ
Xét theo số lượng lượt lời	Đoạn thoại có hai lượt lời	40/94	42,6%
	Đoạn thoại có nhiều lượt lời	54/94	57,4%
Xét theo số lượng cặp thoại	Đoạn thoại có một cặp thoại	40/94	42,6%
	Đoạn thoại có nhiều cặp thoại	54/94	57,4%
Xét theo vai thoại	Đoạn song thoại	82/94	87,2%
	Đoạn tam thoại	8/94	8,5%
	Đoạn đa thoại	4/94	4,3%

Chương 3

ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG CỦA ĐOẠN VĂN MỞ ĐẦU TRONG TRUYỆN NGẮN

3.1. Đặc điểm nội dung của đoạn văn mở đầu đơn thoại

3.1.1. Xét theo câu chủ đề

Câu chủ đề là câu mang những thông tin chính, định hướng cho sự phát triển của đoạn văn. Việc xác định câu chủ đề trong đoạn văn có tác dụng sau:

Thứ nhất, về phía người viết, việc xác định câu chủ đề giúp cho sự trình bày được rành mạch, duy trì sự thống nhất về nội dung cho toàn đoạn văn.

Thứ hai, về phía người tiếp nhận, việc xác định câu chủ đề giúp cho sự tiếp nhận nội dung được nhanh chóng, chính xác.

Dựa vào câu chủ đề, đoạn văn mở đầu đơn thoại có thể được quy về hai loại chính là đoạn văn có câu chủ đề và đoạn văn không có câu chủ đề.

3.1.1.1. Đoạn văn mở đầu có câu chủ đề

Ở loại cấu trúc này, câu chủ đề có thể đứng đầu hoặc cuối đoạn văn. Căn cứ vào vị trí câu chủ đề trong đoạn, ta có hai loại đoạn văn mở đầu: đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp.

+ Đoạn văn diễn dịch

Đây là đoạn văn có câu chủ đề đứng ở vị trí mở đoạn, các câu tiếp theo triển khai nội dung câu chủ đề. Ví dụ:

Đã hai mươi năm rồi, cứ tết đến là bà giáo Phụng lại xón xang mong đợi. Mắt bà luôn hướng ra cửa. Bà trông chờ. Bà hi vọng. Thời gian lạnh lùng cứ trôi, phủ lên nhan sắc của bà vốn mặn mà một màu

sương khói. Ông giáo Thành chồng bà mỗi lần thấy mắt bà đau đau nhìn tận nơi xa xăm nào chi biết thờ dài. Hai đứa con thường nhìn cha mẹ vào những lúc đó bằng cặp mắt dò xét lạ lẫm. Nhưng từ khi chúng biết chuyện đến giờ, cha mẹ chưa bao giờ kể cho chúng nghe nguyên do vì sao mẹ luôn buồn bã u uất.

[Nguyễn Thị Diệp Mai - *Người trở lại*]

+ Đoạn văn *quy nạp*

Đây là đoạn văn có câu chủ đề đứng ở vị trí cuối đoạn, thu tóm nội dung đã trình bày ở các câu mở đoạn. Ví dụ:

Tôi nhớ đích rằng năm ấy tôi mới có mười chín tuổi. Cái tuổi mười chín, như hoa xuân đương nhị, như trăng tròn đương gương, các ngài phải hiểu cho rằng là cái tuổi dễ chịu nhất. Trai gái mười chín tuổi, đều dễ thương, nên thương cả.

[Nguyễn Công Hoan - *Nhân tình tôi*]

3.1.1.2. *Đoạn văn mở đầu không có câu chủ đề*

Các câu trong đoạn văn này có quan hệ ngang hàng với nhau, không có câu nào chứa đựng trọng tâm nội dung của cả đoạn. Nội dung của đoạn văn được hợp thành bởi nội dung của tất cả các câu. Cận cứ vào mối quan hệ giữa các câu trong đoạn, chúng ta có các kiểu đoạn văn mở đầu sau:

+ Đoạn văn *song hành*

Các câu trong đoạn văn có quan hệ song hành với nhau, không có câu nào chứa đựng trọng tâm nội dung của đoạn. Ví dụ:

(1) Sáng nay, mây bốc mù chân núi, vây quanh lấy cánh đồng Điện Biên, nhưng trong đỉnh chóp lại hết sức trong trẻo trông thấy rõ những thân cây đứng trơ trụi và thấp thoáng mấy vệt trắng của mái nhà người Mèo. Đàng đông ửng dần lên những mảng sáng óng ánh vàng như vỏ trai, và hơi gió rất mát mẽ lay động những ngọn lá lăn tăn của cây me dại và cây rút đồng.

[Nguyễn Khải - *Mù lạc*]

(2) Thằng bé con 11 tuổi. Nó chạy dọc bờ đê. Mưa bụi giăng giăng. Bây giờ là mùa xuân. Những cánh bướm đang ngược gió.

[Nguyễn Huy Thiệp - *Lòng mẹ*]

+ Đoạn văn *móc xích*

Các câu trong đoạn văn có quan hệ móc xích với nhau, ý của câu sau nối tiếp, phát triển ý câu trước và cứ thế cho hết đoạn. Cách trình bày này chặt chẽ và tạo ra sự liên tục các ý trong nội dung của đoạn văn. Ví dụ:

Trong vòng một tháng, Khiêm nhận được liền hai bức thư của Lãng, em gái anh. Thư thứ nhất làm anh điên đầu. Đến thư sau lại càng điên đầu hơn, khiến anh phải lập tức thu xếp công việc để về thành phố quê hương gặp em. Nhưng Khiêm chưa kịp về thì sự thế đã xoay ra khác hẳn.

[Nguyễn Kiên - *Lãng*]

3.1.2. Xét theo cách thức phản ánh nội dung các câu trong đoạn

Đoạn văn mở đầu có các dạng sau:

3.1 2.1. Đoạn văn miêu tả

Các câu trong đoạn văn miêu tả những khía cạnh khác nhau của sự vật, hiện tượng. Đoạn văn mở đầu thường miêu tả nhân vật hoặc miêu tả cảnh vật. Ví dụ:

+ Miêu tả nhân vật

Nàng là người sau cùng bước lên xe và ngồi ở hàng cuối. Nàng gián dị trong bộ đồ đen, trái với những người đàn bà khác trong đoàn. Đôi mắt buồn. Nàng không còn trẻ lắm nhưng hình như vì thế lại mượt mà hơn, ít người chú ý đến nàng. Họ mãi chuyện về khu di tích và vùng suối sắp tham quan, và chẳng cùng cơ quan, hằng ngày nhìn nhau quen mắt.

[Nguyễn Bản - *Tâm tã mưa rơi*]

+ Miêu tả cảnh vật

Đoạn sông chảy qua bên Cốc lia một vòng cung đầy những doi cát

bên bồi về mãi phía Tây. Bến đò ở ngay gốc gạo đơn độc đầu xóm Con sông bên nước mơ màng và buồn cô liêu, nửa như chờ đợi nửa như hờn dỗi. Mùa hoa, trên ngọn cây gạo màu đỏ xao xuyến lạ lùng. Nước lờ lững trôi, giữa tim dòng sông rạch một mũi sóng dập dờn, ở đầu mũi sóng có một điểm đen tựa như mũi giáo. Bến đò tĩnh lặng rất ít người qua lại. Mùa đông có cả những con sáo lông đen chân vàng đậu trên sợi thép níu đò căng từ gốc gạo sang phía bên kia sông. Chúng nghiêng nghiêng đầu xuống dòng nước chảy thao thiết lú ra lú rú. Chiều xuống, tiếng chuông nhà thờ ở giữa bến Cốc lan trên mặt sông mang mang vô tận. Con sông tựa như giật mình phút chốc sau đó lại lặng im trôi, giống như một người hiểu biết tất cả nhưng đang mãi mê suy nghĩ, chẳng cần mà cũng chẳng thêm biết đến xung quanh chộn rộn những gì.

[Nguyễn Huy Thiệp - *Chạy đi sông ơi*]

Xét trong nội tại, đoạn văn miêu tả thường bao gồm các câu đơn và câu ghép phối hợp với nhau, nhưng có khi tác giả sử dụng toàn câu đặc biệt. Việc sử dụng các câu đặc biệt này làm tăng mức độ liệt kê, miêu tả của cả đoạn. Ví dụ:

... Và bụi. Và tanh. Và ồn ào. Và hơi người. Và chen chúc...

Chợ họp mỗi lúc một đông.

[Nguyễn Công Hoan - *Bữa no. . đò*]

3.1.2.2. Đoạn văn tự sự

Các câu trong đoạn văn liệt kê sự kiện theo trình tự trước sau về thời gian hoặc không gian. Cách sắp xếp các câu theo trình tự này trong đoạn văn mở truyện có tác dụng xây chuỗi sự kiện được nêu. Các đoạn văn mở đầu tự sự thường được mở đầu bằng các cụm từ như: *cách đây, hồi ấy, chuyên thế này...* Ví dụ, các câu trong các đoạn mở truyện sau quan hệ với nhau theo trình tự thời gian (được đánh dấu bằng các cụm từ in nghiêng):

Câu chuyện này xảy ra *cách đây đã lâu*. *Hồi đấy* tôi còn là một cô

bé học lớp năm ở Kép. *Đạo đó* đang mùa hè. Chúng tôi được nghỉ hơn ba tháng. Tôi trở về làng Tía ở với mẹ và em Nụ.

[Nguyễn Thị Ngọc Tú - *Chuyện nhỏ*]

3.1.2.3. Đoạn văn lập luận

Các câu trong đoạn văn thể hiện lập luận, suy nghĩ của nhân vật. Trong đoạn văn này, các câu thường liên kết với nhau bằng các từ ngữ chỉ lập luận như: *vì, vậy, bởi vậy, do đó...*

Ví dụ 1:

Có giới biết đây; quả thật Sinh không ác. Nhưng mà Sinh nhẹ dạ. Ấy là cái tật chung của những người trẻ tuổi. Và lại Sinh vẫn tưởng không đời nào lại có những người ngờ ngẩn như thế được. Vẫn biết ông đồ tính thật thà. Nhưng còn bà cụ chứ! Bà phải hiểu rằng Sinh đùa cợt. Có ai ngờ bà đồ cũng lẩn thẩn như ông đồ nốt. Bởi thế mới đầu năm mà hàng xóm đã được một mẻ tức cười. Nhưng nói thế thì ai hiểu. Truyện phải kể cho có đầu có đuôi. *Vậy* đầu đuôi như thế này...

[Nam Cao - *Đón khách*]

Ví dụ 2:

(1) Tôi cực lực công kích sách vệ sinh đã dạy ta ăn uống phải sạch sẽ, nếu ta muốn được khoẻ mạnh béo tốt. (2) Thuyết ấy sai. (3) Trăm lần sai! (4) Nghìn lần sai! (5) Vì tôi thấy sự thực, ở đời này, bao nhiêu những anh béo, khoẻ đều là những anh thích ăn bản cả.

[Nguyễn Công Hoan - *Đông hào có ma*]

Trong các ví dụ trên, suy nghĩ của nhân vật được thể hiện dưới hình thức lập luận. Ví dụ 1, lập luận của nhân vật có tính chất xâu chuỗi sự kiện mở truyện. Đó là những suy nghĩ của nhân vật về chuyện đã xảy ra liên quan đến nhân vật Sinh. Ví dụ 2, lập luận của nhân vật có tính chất phản đề. Câu (1) nêu khái quát chủ đề của đoạn, đó là phê phán lí thuyết “dạy ăn uống vệ sinh sạch sẽ, nếu muốn béo khoẻ”- lí thuyết ấy hoàn toàn sai. Câu (2 - 4) tiếp tục phủ nhận nội dung đã nêu trong câu đầu. Câu (5) nêu dẫn chứng thực tế “những người béo đều thích ăn bản”.

3.1.2.4. Đoạn văn biểu cảm

Các câu trong đoạn văn trực tiếp bày tỏ cảm xúc của nhân vật. Nhân vật ở đây thường là nhân vật “tôi” đóng vai người kể chuyện, trình bày cảm xúc của mình trước một sự việc. Ví dụ:

(1) Thế là xong. Anh chết rồi đấy nhỉ? Không lẽ *tôi* lại vui khi được một cái tin như thế. Nhưng thật *tôi* cũng không biết có nên buồn không đấy. Có người bảo: “Sống khổ đến đâu cũng còn hơn chết; cái tâm lí chung của người đời là như vậy.”

[Nam Cao - *Điếu văn*]

(2) Nghề làm thơ khổ quá! Cơ cực quá! Cô đơn và nhọc nhằn đến héo hắt cả người. Tóc tai bơ phờ, mặt mũi nhàu nát cứ như cái xơ mướp rửa bát của bà bán phở đầu ngõ. Trời ơi! Làm sao mà mình lại đi vào cái nghiệp chướng ngày ngày tự ăn linh hồn mình thế này? Vâng, *tôi* - một kẻ làm thơ có thể tạm gọi là chuyên nghiệp, đã có chút ít tên tuổi, đã có vài tập thơ gây được tiếng vang cứ thi thoảng lại lâm bầm tự trách chửi mình như thế.

[Chu Lai - *Thi nhân trên sàn đấu*]

3.1.3. Xét theo mục đích giao tiếp của các câu

Đoạn văn mở đầu có các dạng sau:

3.1.3.1. Đoạn văn chỉ gồm câu trần thuật

Ở vị trí mở truyện, các câu trần thuật được dùng để xác nhận về sự hiện diện của nhân vật, đặc điểm của nhân vật, hoặc miêu tả cảnh vật. Ví dụ:

+ Đặc điểm của nhân vật

Bà chủ là một mẹ tây đủ cung cách. Nghĩa là bà cũng có một đôi má chày, một cái mồm đỏ, một hòm khăn châu áo ngực, và một thằng bếp đẹp trai. Bà lại có cái kèn hát chạy điện, cả ngày vô tình làm phúc cho hàng xóm được nghe hò, từ điệu nhảy đầm đến bài niệm phật.

[Nguyễn Công Hoan - *Bà chủ mắt trộm*]

+ Miêu tả cảnh vật

Sau Tết Nguyên Đán một tháng là thời gian thích nhất ở rừng. Cây cối đều nhú lộc non. Rừng xanh ngắt và ẩm ướt. Thiên nhiên vừa trang trọng vừa tình cảm. Điều ấy một phần là do mưa xuân.

[Nguyễn Huy Thiệp - *Muối của rừng*]

3.1.3.2. Đoạn văn chỉ gồm các câu cảm thán

Đoạn văn này thường bộc lộ cảm xúc, thái độ của người kể chuyện, tâm trạng của nhân vật trước một sự việc. Ví dụ:

Phải đòn trận này thì nó cạch đến già! Nhưng đáng kiếp! Ai thương? Ai bảo mới nứt mắt ra đã đi ăn cắp?

[Nguyễn Công Hoan - *Thằng ăn cắp*]

3.1.3.3. Đoạn văn xen kẽ câu trần thuật với câu nghi vấn

Câu nghi vấn được sử dụng trong đoạn văn dưới hình thức các câu hỏi tu từ. Tác giả đặt ra câu hỏi nhưng không cần có câu trả lời. Sự đan xen giữa câu trần thuật với câu nghi vấn có giá trị biểu cảm, nhấn mạnh nội dung cần diễn đạt trong đoạn. Ví dụ:

Hà Thị E là con gái trưởng bản Hà Văn Nó. Hiếm có người xinh đẹp như E. Lưng như lưng kiến vàng, mắt long lanh như sao Khun Lú - Nàng Uả, tiếng nói của nàng dịu dàng. Khi nàng cười tiếng cười trong vắt và vô tư lự. E xinh đẹp đã đành nhưng đức hạnh của nàng cũng ít người bì kịp. Nàng là niềm tự hào của người Hua Tát. Cả bản mong nàng tìm được người chồng xứng đáng. Trưởng bản Hà Văn Nó cũng muốn thế, các bô lão trong bản cũng muốn thế. Trao người con gái xinh đẹp như E cho người chồng không xứng đáng là có tội với Then vì nàng là quà tặng của Then đối với người Hua Tát. Chọn ai bây giờ? Người ta đưa việc chọn chồng của E ra bàn. Người muốn xin làm con rể trưởng bản Hà Văn Nó rất nhiều. Trai trong bản Hua Tát cũng có. Các bô lão trong bản Hua Tát thức trắng một đêm, uống hết năm vò rượu cần, rồi quyết định sẽ làm một cuộc thi tài để chọn một người nào có đức tính quý nhất mà khó kiếm nhất làm chồng của E. Đức tính quý nhất và khó kiếm nhất là đức tính gì? Ai là người có đức tính ấy? Các

chàng trai ngồi tùm bên các bếp lửa bàn bạc, không biết bao nhiêu là thịt và rượu tiêu ma. Lớp trẻ bây giờ không thể suy nghĩ bằng nước lã được, đã đành.

[Nguyễn Huy Thiệp - *Truyện thứ tư - Những ngọn gió Hua Tát*]

3.1.3.4. Đoạn văn xen kẽ câu trần thuật với câu cảm thán

Trong đoạn văn kiểu này các câu trần thuật nêu sự kiện, hiện tượng còn các câu cảm thán bộc lộ thái độ của nhân vật trước sự kiện, hiện tượng ấy. Ví dụ:

Anh Ba Cốc, từ ngày lấy được vợ, thì đâm lo. Lo ngày, lo đêm. Sao cho chóng trả được món nợ cưới. Không thì rầy rà to chứ chẳng chơi! Đứng vào những chỗ hóc búa lắm lúc rát cả mặt!

[Nguyễn Công Hoan - *Vợ*]

3.1.3.5. Đoạn văn xen kẽ câu trần thuật với câu nghi vấn, câu cảm thán

Ví dụ:

Phải hiểu cụ Chánh Bá có thương nhà này thế nào, cụ mới quá bộ đến xoi rượu, chứ như nhà khác, dễ mà mời nổi cụ đấy hẳn? Cụ lại không mắng cho vô số, chứ lại thêm đi à? Ấy thế mà mới chập tối, họ đã để ngay đũa nào xà lộn mất đôi giày của cụ, có chết không! Ủ thì đông người thì đông chứ, nhà có việc, nhà nào chả có nhiều kẻ ra vào! Nhưng cụ ngồi chơi tận trên nhà thăm thăm, thì còn kẻ gian nào dám lên vào đó? Va riêng mình cụ ngồi ở sập giữa thì còn ngò ai đi lẫn được giày? Chẳng qua là lỗi tại chủ nhà không biết trông nom cẩn thận người nhà người cửa, trong khi chúng hầu hạ mà thôi! Mà đũa nào lấy đôi giày ấy cũng to gan thực! Hồn của ai thì hồn, chứ sao được hồn ngay cụ Chánh Bá! Thực là vuốt râu hùm!

[Nguyễn Công Hoan - *Cụ Chánh Bá mất giày*]

3.1.4. Xét theo chủ thể của đoạn văn đơn thoại

Chủ thể của đoạn văn đơn thoại có thể là người kể chuyện, có thể là nhân vật, có thể xen kẽ giữa người kể chuyện với nhân vật. Dựa vào

chủ thể của đoạn văn đơn thoại, có thể phân biệt các dạng sau:

3.1.4.1. *Đoạn văn mở đầu thuần nhất (là lời của người kể chuyện, hoặc là lời của một nhân vật)*

+ Đoạn văn chỉ gồm lời kể của người kể chuyện

Hình thức thứ nhất: người kể chuyện là nhân vật xưng “tôi”, kể lại khái quát những vấn đề có liên quan đến mình. Ví dụ:

Khi viết những dòng này, tôi đã thức tỉnh trong vài người quen những cảm xúc mà thời gian đã xoá nhoà, và tôi đã xâm phạm đến cõi yên tĩnh nắm mồ của chính cha tôi. Tôi buộc lòng làm vậy, và xin người đọc vì nể nang những tình cảm đã thúc đẩy tôi viết mà lượng thứ cho ngòi bút kém cỏi của tôi. Tình cảm này, tôi xin nói trước, là sự bênh vực của tôi đối với cha mình.

[Nguyễn Huy Thiệp - *Tướng về hưu*]

Hình thức thứ hai: người kể chuyện là người ngoài cuộc không có mặt trong truyện, kể lại chuyện. Ví dụ:

Người lính khố xanh bước lên toa, đứng lại, nhìn xem chỗ ghế nào rộng để ngồi, rồi dắt theo một thằng bé con bé loắt choắt đi đến. Cái xích sắt, một đầu người ấy cầm, một đầu buộc vào cổ tay thằng bé, nó võng xuống và đưa đi đưa lại, kêu xùng xoèng. Người lính ra dáng mệt nhọc, bỏ nón để lên đầu gối, trật khăn quàng vào cánh tay, tựa đầu vào thành toa, rồi đưa cả cái xích cho kẻ bị xích cầm. Tội nhân vo gọn dây sắt và thu tất cả vào bụng, rồi phủ vạt áo lên trên cổ tay.

[Nguyễn Công Hoan - *Giá ai cho cháu một hào*]

+ Đoạn văn chỉ gồm lời nói bên trong của nhân vật

Trong một số truyện ngắn, đoạn văn mở truyện được cấu tạo bởi lời nói bên trong của nhân vật. Lời nói bên trong là hình thức độc thoại nội tâm của nhân vật. Nhân vật tự đặt câu hỏi, tự hướng vào mình, nói với bản thân mình những suy nghĩ, nhận thức bên trong của mình. Ví dụ:

(1) *Một. Hai. Ba.*

Một. Hai. Ba.

Cứ bắt đầu đến chỗ rẽ là Trân lẩm bẩm đếm. Ba tầng gác đầu, cô còn đếm được một cách không dứt quãng. Tầng gác thứ tư. Trân hơi dừng để thở. Một... Hai... Ba.

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Cầu thang*]

(2) *Mình có phải là một đứa con tệ bạc?*

Cuối cùng, những day dứt tàn mạt mập mờ đã kết tủa, thành một câu hỏi và Nhân đã phải ứa nước mắt tự vấn mình. Bảy năm trước, chia tay mẹ để theo chồng về phương Nam, ôm mẹ, chị vật vã, như đứt từng khúc ruột...

[Ma Văn Kháng - *Bến bờ*]

Ở ví dụ (1), đoạn văn mở đầu được cấu tạo bởi ba câu có hình thức là các số từ chỉ thứ tự liên tiếp đặt cạnh nhau, vừa mang ý nghĩa liệt kê, vừa là một tín hiệu nghệ thuật gắn liền với tâm trạng của nhân vật trong truyện. Để đến được tầng thứ 4 của toà nhà - nơi gắn bó nhiều kỉ niệm với mình, cô Trân, nhân vật chính của truyện, phải đi qua 3 tầng đầu, mỗi lần đếm một tầng là một lần cô nhớ lại những kỉ niệm cũ và hồi hộp đón nhận giây phút đặt chân lên tầng 4. Ở ví dụ (2), đoạn văn mở đầu truyện chỉ là một lời độc thoại nội tâm của nhân vật. Đó là những day dứt bản khoăn trong tâm trạng nhân vật. Nhân vật tự đặt câu hỏi cho chính mình và không cần sự trả lời.

3.1.4.2. *Đoạn văn mở đầu không thuần nhất*

+ Đoạn văn xen kẽ lời người kể chuyện với lời nói trực tiếp của nhân vật

Trong đám trai làng cùng lứa với tôi, Hạng là người thành đạt hơn cả. Làng tôi ở lãnh ngoài bãi sông, vừa nghèo vừa lạc hậu. Lũ chúng tôi đều học hành dở dang, chỉ thạo việc bùn đất. Nhưng Hạng lại giỏi giang, thình thoảng có đi đây đi đó, hẳn có thể nói thao thao trên trời dưới bể và cả lũ chúng tôi cứ há hốc mồm ra nghe. Tuy nhiên nghe mãi rồi cũng chán. Hạng muốn chúng tôi phải say mê chứ không được chán. Hắn nói: “Trong cái vỏ sọ của lũ chúng mày chỉ chứa đầy đất thó. Tao phải khai

sáng cho chúng mày!”. Chúng tôi không cãi chi lẳng lẳng đi. Hạng âm ỨC, hấn nhìn chúng tôi bằng đôi mắt vừa giận dữ, vừa thương hại. Hấn càu nhàu: “Tao chán lũ chúng mày. Chán lên đến tận cổ. Chán muốn nôn oẹ ra!”. Rồi một hôm hấn bỗng dưng dặc tuyên bố: “Tao sắp đi công tác. Đi thật xa. Làm thẳng đàn ông mà chịu sống mù mịt như lũ chúng mày thì nhục lắm!”. Tuy nói vậy nhưng Hạng vẫn loanh quanh ở nhà.

[Nguyễn Kiên - *Nhân chứng thầm lặng*]

+ Đoạn văn xen kẽ lời người kể chuyện với lời nói gián tiếp của nhân vật

Hấn vừa đi vừa chửi... Không ai lên tiếng cả. *Tức thật, tức thật! Ô! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất!... Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không?... A ha!* Phải đấy, hấn cứ thế mà hấn chửi, hấn cứ chửi đứ đả mẹ nào đã đẻ ra Chí Phèo? Có trời mà biết! Hấn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết.

[Nam Cao - *Chí Phèo*]

+ Đoạn văn xen kẽ lời người kể chuyện với lời nói bên trong của nhân vật

Lời nói bên trong của nhân vật có thể được đặt bên cạnh lời người kể chuyện, giải thích cho lời người kể chuyện:

Mười giờ đêm, khách đã bắt đầu lục đục ra về, anh và em đã bắt đầu ngáp vặt, (chúng mình thân nhau quá mà, điều này đâu còn phải là cái để gọi là “xúc phạm” nhau như hồi mới quen cách đây hai năm!). Trình tự của một buổi cà phê đã diễn ra đủ: đã kể chuyện ở cơ quan anh, ở lớp em cho nhau nghe, đã chửi người này, khen người nọ, xong đến chuyện hai đũa, lại giận nhau rồi khóc rồi xin lỗi..., và đến mục kể chuyện cười. những chuyện không vui lắm cũng cười (đôi lúc, trong bóng tối, em cảm thấy mình thật giả dối, những cơ cười cứ nhếch ra cầu tài...).

[Phan Thị Vàng Anh - *Si tình*]

Lời nói bên trong của nhân vật cũng có thể đặt xen kẽ với lời người kể chuyện dưới hình thức lời nói trực tiếp:

Thái vò nát tờ giấy kẻ khuông nhạc ném vào sọt rác. Những tờ giấy trắng tinh, ngoại hạng thi nhau cùng chung số phận bị vút bỏ nhưng chủ nhân không tài nào viết thêm được nữa. Thái chán nản buông bút. Anh rót cho mình một li rượu mạnh. Rượu cũng không giúp gì được anh ngoài nhịp tim đập dồn dập và cổ họng rát đắng. Anh thảm trách: “Hừ tại sao mình lại dấy vào cái chuyện chết tiệt này nhỉ. Viết nhạc nền cho một vở kịch về tâm lòng người mẹ. Lẽ ra mình phải chối phăng cái công việc trái khoáy, ngớ ngẩn này ngay từ đầu. Thằng giám đốc nhà hát cáo thật. Hắn buộc tá bằng món tiền tạm ứng màu mỡ. Trước lúc chia tay hắn căn dặn mãi: “Ông phải thể hiện sao cho thật xúc động tha thiết, có hồn”. Con khi cả đời chưa bao giờ mình được sống chung với mẹ. Lòng tốt và bôn phận người dung không sao thay thế được tình thương thực sự của người mẹ! - Ta lớn lên, khắp khiêng cô đơn... Thái nghe cay sè sống mũi. Nỗi hờn dỗi cố hữu lại dâng lên. Anh lắc đầu tự nhủ: “Không được đa cảm, Thái ạ, đã nhờ nhận tiền đành phải vắt óc trả nợ vậy”. Thái cố gắng ngồi vào bàn nhưng tài năng đã phán bội anh. Những dòng chữ vô duyên, những tiết tấu hợp âm tẻ nhạt, đơn điệu luôn lì lợm, thách đố với ý đồ thể hiện của anh. Thái cúi bẻ gãy bút ném. Anh lại cầu cứu đến rượu. Nhưng lạ thay, càng say, anh càng cảm thấy buồn, một nỗi buồn không gọi thành tên, mênh mông sâu thẳm... Cho đến một lúc nỗi buồn chìm vào trong cơn buồn ngủ. Thái lẩm bầm: “Mấy giờ rồi nhỉ. Thời gian là cái khí gì, cứ ngủ ngày mai nghĩ tiếp”. Thái quăng mình xuống chiếc ghế dài.

[Trầm Hương - *Vở nhạc kịch dâng mẹ*]

Lời nói bên trong của nhân vật còn có thể đặt xen kẽ với lời người kể chuyện dưới dạng lời thoại:

Anh có thói quen, nửa đêm về sáng chợt thức giấc. Phòng anh ở gác ba, giường kê sát cửa sổ nhìn xuống đường. Mỗi khi thức giấc nhìn

sang bãi cỏ bên kia đường, thấy có cái bóng thâm thẫm, nom như một cái cây cọc to bậm, cao ngang đầu người, thừng thừng im lìm cạnh cây lim trắng, anh liền tự bảo:

- *Đã hơn ba giờ sáng.*

Hôm nào không thấy bóng - cọc ấy, anh nghĩ:

- *Sớm quá, gắng ngủ lại. Chưa tới ba giờ.*

Cái bóng - cọc ấy là một người.

[Bùi Hiền - *Cái bóng - cọc*]

3.1.5. Xét theo đặc điểm sự tình cận cảnh và sự tình hậu cảnh được trình bày

3.1.5.1. Quan niệm về sự tình cận cảnh và sự tình hậu cảnh

Sự tình cận cảnh (*foreground*) và sự tình hậu cảnh (*background*) là những khái niệm ngữ nghĩa rất bổ ích đối với việc phân tích nội dung đoạn văn và văn bản. Có thể tóm tắt những khuynh hướng chính trong nghiên cứu sự tình cận cảnh và sự tình hậu cảnh như sau:

a. Quan điểm của J. P. Hopper

Trong bài báo “Thể và sự tình cận cảnh trong diễn ngôn”, J. P. Hopper đã quan niệm về sự tình cận cảnh và hậu cảnh như sau: “Có một sự khác biệt rõ ràng được tạo ra giữa ngôn ngữ của dòng chuyện thực tại và ngôn ngữ của chất liệu kèm theo mà tự nó không thể thuật được những sự kiện chính. Những phần tương thuật sự kiện thuộc cấu trúc nòng cốt của diễn ngôn là cận cảnh và phần sau là hậu cảnh” [97, tr. 211].

Qua định nghĩa này, có thể thấy J. P. Hopper phân biệt hai dòng chuyện (*story line*) trong diễn ngôn như sau:

Dòng chuyện thứ nhất là dòng chuyện thực tại (*actual story line*) bao gồm các sự kiện thuộc nòng cốt diễn ngôn, tức là những sự kiện chính của câu chuyện. Dòng chuyện này được tác giả gọi là sự tình cận cảnh. Trong ngôn ngữ biến hình, các sự tình cận cảnh luôn được biểu thị bằng thời quá khứ đơn giản (*simple past*) hoặc ở thể hoàn thành của động từ.

Dòng chuyện thứ hai không được thể hiện bằng nòng cốt của diễn ngôn. Nó không tường thuật những sự kiện chính của mạch chuyện mà chỉ có chức năng giải thích, bình luận, phụ họa, mở rộng cho các sự kiện của dòng chuyện chính. Tác giả gọi dòng chuyện này là sự tình hậu cảnh. Các sự tình hậu cảnh không nằm trong chuỗi sự tình cận cảnh mà xuất hiện đồng thời với các sự tình cận cảnh. Do đó, các động từ của ngữ đoạn hậu cảnh thường được biểu hiện bằng hình thức không chia, hoặc bằng thể không hoàn thành của động từ (*imperfect*).

Từ các tiêu chí nhận diện hai sự tình cận cảnh và hậu cảnh của J. P. Hopper, chúng tôi rút ra một số nhận xét sau:

- J. P. Hopper phân biệt sự tình cận cảnh và hậu cảnh trong phạm vi câu và diễn ngôn: tác giả luôn đặt sự tình trong diễn biến của một dòng chuyện.

- Chức năng của sự tình cận cảnh là tường thuật sự kiện chính của diễn ngôn; chức năng của sự tình hậu cảnh là mở rộng, bổ sung, giải thích sự tình cận cảnh.

- Các sự tình cận cảnh xuất hiện kế tiếp nhau và tạo thành một chuỗi. Các sự tình hậu cảnh không nằm trong chuỗi sự kiện của dòng chuyện cận cảnh mà xuất hiện đồng thời với các sự tình cận cảnh.

Trong các ngôn ngữ biến hình, sự tình cận cảnh và hậu cảnh có thể dễ dàng nhận biết qua hình thái của động từ: Động từ trong ngữ đoạn cận cảnh được biểu thị bằng thời quá khứ đơn giản hoặc ở thể hoàn thành (*perfect*) còn động từ trong ngữ đoạn hậu cảnh được biểu thị bằng thể không hoàn thành (*imperfect*).

Đối với tiếng Việt - một ngôn ngữ không biến hình, việc nhận diện các sự tình cận cảnh và hậu cảnh, theo chúng tôi, có thể dựa vào khả năng bổ sung vào đầu câu một trong số các từ thể hiện sự liên tục của dòng chuyện như: *tiếp theo, tiếp đó, sau đó, cuối cùng,...*

b. Quan điểm của Cao Xuân Hạo

Cao Xuân Hạo (1991) đã chỉ ra một số căn cứ về ngữ nghĩa và

hình thức để nhận diện các sự tình cận cảnh và hậu cảnh. Về ngữ nghĩa, sự tình cận cảnh được biểu thị qua nòng cốt của câu, nêu một nhận định của người nói tại thời điểm xảy ra sự tình; sự tình hậu cảnh được biểu thị qua các thành phần phụ của câu như định ngữ, trạng ngữ, thành phần giải thích,... Về hình thức, sự tình cận cảnh có thể được đánh dấu bằng các yếu tố từ vựng như *ấy, tất, liền, bèn, khắc, tức khắc,...* Sự tình hậu cảnh được đánh dấu bằng những từ như *lúc, hồi, khi, nơi,...*

Nhìn chung, J. P. Hopper và Cao Xuân Hạo đã đưa ra các tiêu chí cụ thể để phân biệt hai sự tình cận cảnh và hậu cảnh. Tuy nhiên, Cao Xuân Hạo chỉ đề cập vấn đề trong phạm vi câu, còn J. P. Hopper lại đề cập vấn đề trong cả phạm vi câu và văn bản. Để phù hợp với yêu cầu phân tích cấu trúc của đoạn văn truyện ngắn, chúng tôi chỉ dựa vào quan điểm của J. P. Hopper.

3.1.5.2. Tiêu chí nhận diện sự tình cận cảnh và hậu cảnh trong đoạn văn

Có thể tóm tắt các tiêu chí nhận diện sự tình cận cảnh và hậu cảnh như sau:

- Đoạn văn có sự tình cận cảnh biểu thị nội dung có tính thời sự tại thời điểm diễn ra câu chuyện, còn đoạn văn có sự tình hậu cảnh biểu thị nội dung không mang tính thời sự tại thời điểm diễn ra câu chuyện. Vì vậy, trong văn bản, đoạn văn có sự tình cận cảnh có tính độc lập cao hơn đoạn văn có sự tình hậu cảnh.

- Các câu trong đoạn văn có sự tình cận cảnh có thể dễ dàng nối tiếp nhau tạo thành một chuỗi sự kiện liên tục, trong khi đó, các câu trong đoạn văn có sự tình hậu cảnh không thể tạo thành chuỗi liên tục.

- Về mặt hình thức, câu biểu thị sự tình hậu cảnh thường được đánh dấu bằng các từ như *lúc, hồi, ngày ấy,...* Còn câu biểu thị sự tình cận cảnh thường có hoặc có thể thêm các từ *tiếp theo, tiếp đó, sau đó, cuối cùng,...* vào đầu câu hoặc các từ *ấy, liền, bèn, tất,...* vào trước vị ngữ.

Ví dụ:

+ Đoạn văn thuần sự tình cận cảnh

Tôi đứng lặng người, nghe rõ tiếng tim đập. Tôi loè bật lửa. Trên giường, một mảnh giấy úa vàng nằm trơ, tôi nhặt lên trang một quyển vở nào. Tôi phúi bụi bỏ vào túi trên.

[Hồ Phương - *Thư nhà*]

+ Đoạn văn thuần sự tình hậu cảnh

Tết năm ấy, tết vui chơi, trai gái đánh pao, đánh quay rồi đêm đêm rủ nhau đi chơi. Những nhà có con gái, bố mẹ không thể ngủ được vì tiếng chó sủa. Suốt đêm, con trai đến nhà người mình yêu, đứng thối sáo xung quanh vách.

[Tô Hoài - *Vợ chồng A Phủ*]

3.1.5.3. *Phân loại đoạn văn mở đầu theo sự tình cận cảnh và sự tình hậu cảnh*

Dựa vào sự phân biệt sự tình cận cảnh và sự tình hậu cảnh, chúng tôi thấy có một số dạng đoạn văn mở đầu truyện ngắn sau:

- Đoạn văn thuần nhất

+ *Đoạn văn thuần sự tình cận cảnh*

Là đoạn văn được bắt đầu từ việc kể về những sự kiện, hiện tượng đang diễn ra ở thời điểm hiện tại. Ví dụ:

Thằng Nước cầm dầm bơi thật mạnh nó muốn nhanh chóng đưa xuống ra xa ngôi nhà để làm công việc “chẳng đặng đừng”. Mái dầm bỏ xuống liên tiếp, tạo thành những vòng tròn nối nhau dưới nắng sáng dọi nước lấp lánh ánh sao chạy dài theo đuôi xuống rất đẹp. Qua lùm diên diên rồi đến cánh đồng láng nước nó đều thăm chệ địa điểm không thích hợp, phải mát thêm gần trăm tay dầm đến tận bờ bạch đàn bị ngập nước lưng chừng gốc. mới chịu buộc xuống vào thân cây rồi thoải mái ngồi mặt hướng về nhà.

[Anh Đào - *Thằng Nước*]

+ *Đoạn văn thuần sự tình hậu cảnh*

Là đoạn văn kể lại sự kiện hiện tượng đã xảy ra, nhằm lí giải, thuyết minh cho sự kiện chính của truyện. Ví dụ:

Cách đây hơn 30 năm, tôi dạy học ở Bâm là một xóm núi khi ho cò gáy ở tỉnh N, cách xa Thủ đô vài trăm cây số. Hồi ấy tôi 20 tuổi, vừa mới tốt nghiệp ra trường, tâm hồn còn rất ngây thơ.

[Nguyễn Huy Thiệp - *Những người muôn năm cũ*]

- Đoạn văn xen kẽ hai sự tình

Trong sự xen kẽ này, các câu thuộc sự tình cận cảnh nêu nội dung chính của đoạn, các câu có sự tình hậu cảnh mở rộng, giải thích, bình luận nội dung đã được nêu ở sự tình cận cảnh. Sự xen kẽ này ta thường gặp ở hai kiểu sau:

+ *Đoạn văn kể theo trình tự ngược*: sự tình cận cảnh - sự tình hậu cảnh.

Ví dụ 1:

(1) Ở Gumberbach, một thị trấn nửa quê nửa chợ gần Cologne, có một cộng đồng nhỏ gồm mười mấy gia đình người Việt Nam sinh sống. (2) Họ là người tị nạn. (3) Trước họ là Việt Kiều tại Phnom Penh từ nhiều đời, khi Pol Pot lên, họ chạy kịp sang Thái Lan, rồi được đưa về đây định cư.

[Đoàn Minh Hà - *Tội lỗi hồn nhiên*]

Ví dụ 2:

(1) Sinh là một thiếu nữ mồ côi ở bản Hua Tát. (2) Nghe nói ngày xưa mẹ nàng bị ma chài đê trong rừng. (3) Nàng gầy gò, bé nhỏ trông rất đáng thương. (4) Nàng không bao giờ được ăn miếng ngon, mặc váy đẹp. (5) Thân phận con hươu, nàng sống thui thui như con chim cút.

[Nguyễn Huy Thiệp - *Nàng Sinh - Những ngọn gió Hua Tát*]

Ở ví dụ 1, đoạn văn xen kẽ hai sự tình theo sơ đồ sau:

Sự tình cận cảnh (các câu 1,2) → Sự tình hậu cảnh (câu 3)

Ở ví dụ 2, đoạn văn xen kẽ hai sự tình theo sơ đồ sau:

Sự tình cận cảnh (câu 1) → Sự tình hậu cảnh (câu 2) → Sự tình cận cảnh (các câu 3, 4, 5)

+ *Đoạn văn kể theo trình tự xuôi*: sự tình hậu cảnh - sự tình cận cảnh.

(1) Vùng quê tôi ở, thuở xa xưa xóm làng còn thừa thớt, nhiều cánh đồng còn hoang. (2) Giữa một cánh đồng hoang có cái đầm hoang. (3) Đầm rộng mênh mông, quanh bờ bạt ngàn lau sậy. (4) Chỉ có một ít người dám lần mò theo đường đồng đứ nổi tới được bờ nước xanh leo lẻo, xanh đến rợn người. (5) Nhưng khắp vùng ai cũng biết câu chuyện truyền kì liên quan đến cái đầm hoang. (6) Câu chuyện truyền kì từng được chép trong một cuốn sách cổ. (7) Tiếc thay cuốn sách cổ ấy bị thất lạc. (8) Những lời đồn đại trong dân gian lâu ngày cũng bị mai một dần. (9) Tôi đành góp nhặt những mảnh vụn còn sót lại, đem sắp xếp chúng lại, tất nhiên có đôi chỗ phải thêm bớt chút ít - việc làm này thực ra cũng chỉ là bắt đắc dĩ mà thôi.

[Nguyễn Kiên - *Đầm ma*]

Đoạn văn trên xen kẽ hai sự tình theo sơ đồ sau:

Sự tình hậu cảnh (các câu 1-8) → Sự tình cận cảnh (câu 9)

Qua sự phân loại nội dung đoạn văn theo đặc điểm sự tình được trình bày có thể thấy: đoạn văn mở truyện có thể được trình bày theo sự tình cận cảnh, có thể được trình bày theo sự tình hậu cảnh, hoặc đan xen giữa hai sự tình này. Việc phân loại nội dung của đoạn văn mở đầu đơn thoại theo đặc điểm sự tình được trình bày giúp chúng ta nhìn nhận rõ hơn vai trò và mối quan hệ về nội dung ngữ nghĩa giữa các câu trong đoạn văn.

3.2. Đặc điểm nội dung của đoạn văn mở đầu đối thoại

Bản chất của đoạn thoại là sự thống nhất về nội dung của các lời thoại. Đó là sự thống nhất lời trao và lời đáp của nhân vật. Câu trao lời của nhân vật bao giờ cũng mang một nội dung cụ thể, thường tồn tại dưới dạng câu hỏi, câu đề nghị, câu mệnh lệnh, câu cảm thán. Do vậy lời đáp của nhân vật cũng phải hướng vào nội dung của lời trao, tạo nên sự liên kết về nội dung của các lời thoại. Để phân loại nội dung của đoạn văn đối thoại, chúng tôi xét theo các tiêu chí sau:

3.2.1. Xét theo nội dung của lời thoại kết thúc

Căn cứ vào nội dung của lời thoại kết thúc, đoạn thoại có thể được chia thành hai loại: đoạn thoại đóng và đoạn thoại mở.

3.2.1.1. Đoạn thoại đóng

Đoạn thoại đóng là đoạn thoại thể hiện nội dung tương đối trọn vẹn, có khả năng đứng độc lập ngoài ngữ cảnh. Dấu hiệu nhận biết đoạn thoại này là lời đáp của nhân vật ứng với nội dung của lời trao (hỏi nội dung gì đáp lại nội dung ấy). Ví dụ:

(1) - Mai anh đi mấy giờ? - Lạ hỏi

- Bốn giờ sáng bé ti ạ! - Sanh ôm lấy Lạ, người ớn lạnh.

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Bày ngày trong đời*]

(2) - Hình như năm nay thu nó về sớm hơn một kì, phải không hở anh Cừ?

Ông già sáu mươi cài hết hàng khuy hồ phách nơi tà áo chiếc áo lụa Nguyễn nhuộm màu tím than đã bợt, ngẩng đầu hỏi người con đang soạn bộ đồ trà. Cậu Cừ mở qua loa cuốn lịch thừa lại:

- Thừa thầy, lập thu vào ngày mồng một tháng bảy.

[Nguyễn Tuân - *Một cảnh thu muộn*]

3.2.1.2. Đoạn thoại mở

Đoạn thoại mở là đoạn thoại thể hiện nội dung tương đối trọn vẹn, đồng thời gợi mở nội dung của đoạn thoại tiếp theo. Dấu hiệu nhận biết đoạn thoại này là lượt lời thoại sau cùng giải quyết được các vấn đề đã

đặt ra ở các lượt lời thoại trước và dẫn tiếp nội dung đoạn thoại sau. Đoạn thoại mở ở vị trí mở truyện có tác dụng liên kết các đoạn văn tiếp theo của truyện làm thành mạch truyện.

Ví dụ 1:

(1) - Anh ạ! Tháng này tiền học thêm của con là 60 ngàn! Vừa đi công tác về đến nhà, câu đầu tiên mà Minh được nghe từ miệng vợ là như thế. Anh quăng chiếc túi xách đã tuột quai lê ghế cười hiền:

(2) - Thế à?... Không sao! Miễn con vẫn đi học thêm.

(3) - Tiền điện tháng này sao lên ghê quá! - Đưa cho chồng chiếc khăn mặt đã thủng vài chỗ, chị nói tiếp - Những 22 ngàn! Mà em có dùng gì nhiều đâu? Máy ngọy đèn với lại thỉnh thoảng đun nồi nước tắm cho nó.

(4) - 22 ngàn cơ à?... Nhiều nhi! - Vẫn cái cười lành hiền - Không sao. Miễn là thằng bé đủ điện học hành và giữ gìn sức khoẻ. *Nó đâu rồi em?*

(5) - Đạo này nó chuyển học chiều. Trường thì xa, xe không có, toàn cuộc bộ, nghĩ cũng tội.

(6) - Ô, tội thật đấy!... Mà không sao! Mai một lên cấp hai, anh sẽ cố kiếm cho nó một chiếc xe tàng tàng. Khéo mua, chắc cũng chỉ dăm chục ngàn, có khi không đến. Ôi giờ! Ngày xưa ấy à, từ Ô Cầu Dền đến tận Lý Quốc Sư, ngót nghét năm cây số, mà anh toàn cuộc bộ thôi đấy. Bây giờ thế vẫn còn là sướng chán.

(7) - Sướng.

(8) - Ấy chết, quên mất! - Anh vỗ trán cái đốp làm như vừa nhớ ra một cái gì ghê gớm lắm! - Điểm kiểm tra học kì của nó thế nào? Cô giáo đã trả chưa?

(9) - Chưa. Nó bảo chiều nay.

(10) - Chao! Ngồi trên tàu cứ nóng lòng sốt ruột mong chóng về đến nhà để biết điểm của nó. Ngày xưa, hồi còn đi học, mỗi lần thi học kì là anh lo sốt cả vó lại. Hãi lắm!

(11) - Lại ngày xưa...

[Chu Lai - *Người cha nhu nhược*]

Ví dụ trên có 2 đoạn thoại. Đoạn thoại mở đầu là đoạn thoại mở. Đoạn thoại này có hai cặp lời trao - đáp (1 - 2; 3 - 4) được đặt xen kẽ với lời dẫn truyện xoay quanh nội dung: lời phàn nàn của người vợ với chồng về những chi tiêu trong gia đình có liên quan đến chuyện học hành của đứa con. Đoạn thoại hai, từ lượt lời thứ (5) đến hết đoạn xoay quanh nội dung: bàn trực tiếp việc học hành của đứa con. Ranh giới để phân chia hai đoạn thoại này là ở lượt lời thứ (4). Lượt lời thứ (4) kết thúc nội dung của đoạn thoại thứ nhất nhưng lại mở ra nội dung của đoạn thoại hai bằng câu hỏi chuyển đoạn: “Nó đâu rồi em”.

Ví dụ 2:

Làng Vũ An ở cạnh quê ngoại tôi. Một lần sang đó chơi với bạn bè, ông ngoại dẫn tôi theo cho biết làng trên xóm dưới... Ông lão già nhất làng Vũ An nhìn sang ngôi nhà bên cạnh trông vẫn còn vẻ bề thế nhưng đã héo hắt từ lâu, nói với ông tôi:

- Thế đây cụ ạ, nhà thờ họ Nguyễn làng này để cho chi Thứ phá đấy!

Ông tôi hỏi:

- Vậy chi Trường tuyệt rồi hả cụ?

Ông lão lắc đầu, đôi mắt ánh lên tia nắng chiều vàng sậm nhòa tối:

- Cũng gần như thế cụ ạ, ông trưởng họ thứ mười hai bỏ làng đi mất. Mà... để xin phép cụ cho tôi hái mấy quả nhót mời cậu đây cái đã. Rồi tôi xin kể hầu cụ với cậu nghe chuyện làng tôi. Cũng lâu lắm rồi, cụ ạ...

[Luu Sơn Minh - *Cung đàn*]

Đoạn thoại mở trên có 3 lượt lời. Lượt lời thứ 3, kết thúc đoạn thoại và mở ra nội dung đoạn văn tiếp theo bằng lời dẫn dắt: “Rồi tôi kể. cụ ạ” Đây là tiền đề mở ra nội dung của đoạn văn tiếp theo trong truyện.

3.2.2. Xét theo chủ thể phát ngôn

Chủ thể của đoạn văn đối thoại có thể là các nhân vật hoặc xen kẽ giữa người kể chuyện với các nhân vật. Dựa vào tiêu chí này, có thể phân biệt các kiểu đoạn thoại sau:

3.2.2.1. Đoạn thoại chỉ gồm lời thoại của các nhân vật

- Nhưng mà con này cứ leng keng với con môi đầy ấy. Em chửi cho bao bận mà nó có chừa đâu? Chẳng lẽ đánh thì lại xót.
- Không được đánh nhau, thiếu gì cách mà phải dùng cách xấu đó.

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Nào ta cùng lãng quên*]

3.2.2.2. Đoạn thoại xen kẽ giữa lời thoại của nhân vật với lời của người kể chuyện

Bên cạnh những đoạn thoại mở đầu chỉ có lời thoại của các nhân vật giao tiếp với nhau, đoạn thoại mở truyện còn có sự xen kẽ giữa lời dẫn truyện và các lời thoại của các nhân vật. Lời dẫn truyện được đặt xen kẽ với các lời thoại nhân vật vừa giải thích cho nội dung lời thoại của nhân vật vừa có tác dụng dẫn dắt lời thoại của nhân vật. Sự xen kẽ giữa lời dẫn truyện và lời thoại các nhân vật được thể hiện như sau:

+ Lời thoại xen kẽ lời dẫn truyện của người kể chuyện

Cách 1: Lời dẫn truyện được tách ra thành một dòng riêng, ngăn cách với các lời thoại.

Ví dụ 1 (lời dẫn truyện đứng trước lời thoại, thông báo lời thoại bắt đầu):

Bóng nắng gần tới đỉnh đầu. Sư cụ chùa Đồi Mai thùng thảng trở về trai phòng. Nhà sư già gỡ chiếc nón tu lờ khỏi đầu, sắp ngồi vào thụ trai thì có tiếng trẻ con gọi ở ngoài cổng chùa. Một chú tiểu lễ phép bước lên tam cấp:

- Bạch cụ, có người con trai cụ Sáu xin vào.

- Vậy chú vẫn đóng cửa chùa sao? Chú ra mở mau không có người ta đứng lâu. Cổng nhà chùa bao giờ cũng nên để ngỏ... Từ giờ chú nên nhớ: sáng sớm tụng kinh nhật tụng và thỉnh chuông xong là phải mở

rộng cửa chùa và tới đến, lúc nào học xong kệ thì mới đóng. Kẻo nữa khách thập phương họ kêu đấy.

[Nguyễn Tuân - *Những chiếc ấm đất*]

Ví dụ 2 (lời dẫn truyện đứng sau lời thoại):

- Thế nào, cháu đã mời chân chưa?

Cừ, chủ nhiệm chính trị nông trường dừng lại hỏi rất âu yếm đứa con gái chừng mười ba, mười bốn tuổi đi sau anh vài bước. Đứa bé hai tay xắn lấy quần, chăm chú tránh mấy vũng nước, rồi ngẩng lên, ngược đôi lòng đen rất sáng nhìn người hỏi:

- Mới đi được có mấy bước, bác đã sợ cháu mời chân.... Có bác mời chân thì có.

[Nguyễn Khải - *Đứa con nuôi*]

Cách 2: Lời dẫn truyện đặt cùng dòng với lời thoại của nhân vật, ngăn cách với lời thoại của nhân vật bằng dấu gạch ngang (-). Ví dụ:

(1) - Em đừng có ngủ quên đấy. Sáu giờ xe đã chờ ở cổng - Thăng dặn.

- Chưa bao giờ em sai hẹn với anh. Nhất là ngày mai - Lan nguyệt dài.

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Một nửa cuộc đời*]

(2) - Mạ này, hình như những người thợ cầu họ đánh rơi tảng xi măng vào đầu em hay sao mà óc Mạ bỗng bẹp dúm đi thế? - Hưng kê khuôn mặt nóng bừng của mình vào Mạ. Tóc cô lượm vương vào môi anh và hơi thở anh lan toả.

- Chẳng có tảng xi măng nào rơi vào hết. Nặng không?

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Mạ*]

Cách 3: Lời dẫn truyện đặt cùng dòng, xen kẽ với các lời đối thoại của nhân vật. Ví dụ.

Nửa đầu thế kỉ trước, ở Kẻ Noi, huyện Từ Liêm có ông Phạm Ngọc Liên là bậc đại phú. Ông Liên xây nhà trên miếng đất đầu làng. Miếng đất này bằng phẳng, rộng ba sào hai thước. Có người đi qua bảo

rằng: “Đất này đẹp hình bút, phát về văn học. Đã phát về văn học thì nước cạn, tàu ráo. hiếm con trai”. Ông Liên nghe xong, nín áo người đó bảo: “Tôi bình sinh là người cày cuốc mong con cháu sau này có ít chữ nghĩa mở mắt với đời. Hiếm con cháu cũng được, miễn là có đức thiên hạ nể trọng”. Người đó cười: “Chữ nghĩa có ăn được không?”. Ông Liên bảo: “Không ăn được”. Người đó bảo: “Thế đa mang chữ nghĩa làm gì?” Ông Liên bảo: “Gì thì gì, nó cũng hơn cày cuốc”. Người đó hỏi: “Nhiều chữ nghĩa thì có đức à?” Ông Liên bảo “Phải”. Người đó cả cười, hỏi gì cũng không nói nữa rồi phất áo đi. Ông Liên giận bảo: “Đồ cuồng”.

[Nguyễn Huy Thiệp - *Giọt máu*]

+ *Lời thoại xen kẽ lời giải thích, lời miêu tả của người kể chuyện*

- Này xe, cái con mẹ thất lưng tím đang đi trước hiệu Phúc An kia, có phải vợ nhà Chánh tổng Đồng Quân không nhỉ?

- Bấm cụ lớn phải ạ.

Cụ lớn - bởi vì người đàn bà này được diễm phúc hơn người khác ở chỗ có chồng làm quan đến chức tuần phủ - Cụ lớn nghĩ một lát rồi hỏi:

- Tên con mẹ là Chánh gì hở?

Anh xe vừa bấm chuông vừa đáp:

- Bấm, Chánh Tiên ạ.

[Nguyễn Công Hoan - *Hé! Hé! Hé!*]

Trong đoạn thoại trên, chỗ in nghiêng là lời người kể chuyện bình xét, giải thích thêm lời đáp của nhân vật.

Bên cạnh lời giải thích, lời miêu tả, người kể chuyện còn có thể thêm vào những câu miêu tả bối cảnh giao tiếp giữa các nhân vật. Ví dụ.

- Anh Phong, thế anh định bỏ chết tôi đấy à? Không trách người ta bảo đàn ông bạc tình, có oan tí nào đâu! Tôi vì nghe anh dỗ ngon dỗ ngọt, nào những là lấy nhau, nào những là ăn đời ở kiếp cùng nhau...

Từ đó đến nay, tôi dốc một lòng chờ đợi, ai đến dạm hỏi, tôi cũng kiếm có thoái thác. Vì tôi đã trót hứa cùng anh. Ấy thế mà anh quyết tình giờ mặt. Hẳn anh cũng biết tôi chỉ là quá đại dột mà nghe anh, nên mới mang vạ vào mình. Anh nghĩ sao cho vuông tròn thì nghĩ...

- Cái bụng Nguyệt vài tháng nữa thì tròn bằng cái thúng. Nguyệt còn phải cần gì đến tôi nghĩ nữa!

- Tôi không nói đùa! Nếu anh không làm hại tôi, thì làm gì tôi không lấy được người chồng tử tế.

Lúc bấy giờ, ở bờ hồ Hoàn Kiếm, mảnh trăng ngọn gió như khơi động tâm tình gió trăng. Nguyệt và Phong lững thững bước vào cầu Thê Húc.

[Nguyễn Công Hoan - *Oằn tà roằn*]

Trong ví dụ trên, những chỗ in nghiêng là lời người kể chuyện miêu tả bối cảnh của cuộc thoại giữa các nhân vật.

3.2.3. Xét theo sự tương hợp về hành vi ngôn ngữ

Trong đoạn thoại, các lời trao - lời đáp thường có mối quan hệ chặt chẽ với nhau: lời trao thể hiện sự chờ đợi nội dung của lời đáp; lời đáp luôn chịu sự chi phối nội dung của lời trao, làm nên cặp tương tác trao - đáp. Quan hệ giữa các lời trao và lời đáp là quan hệ giữa các hành vi ngôn ngữ. Các hành vi ngôn ngữ có thể tương hợp hoặc không tương hợp với nhau. Do đó, xét theo sự tương hợp về hành vi ngôn ngữ, đoạn thoại mở truyện có các dạng sau:

3.2.3.1. Đoạn thoại tương hợp về hành vi ngôn ngữ

Trong đoạn thoại này, lời trao và lời đáp tương ứng với nhau về nội dung: lời trao đưa ra một nội dung cụ thể, lời đáp hướng vào nội dung ấy. Đây là sự tương ứng 1:1. Ví dụ:

Khi nhìn thấy một nhóm người nặng nề bước lên các bậc gạch dẫn ra bến xe, ông già níu chặt tay đứa cháu kéo lại:

- Hàng cơm dưới đó mình đã đến trưa hôm qua rồi.

Đứa cháu nhìn ông, cười gượng gạo:

- Thì mình xin chỗ khác, phố dưới ấy có hai dãy hàng com cơ mà.

Người ông vẫn ngần ngại:

- Ngồi đây nghỉ một lát, lúc này người ta mới bán hàng.

[Nguyễn Khải - Ông cháu]

3.2 3.2. Đoạn thoại không tương hợp về hành vi ngôn ngữ

Trong hội thoại giữa hai nhân vật, chúng ta thấy có hiện tượng không tương hợp về hành vi ngôn ngữ. Điều này xảy ra khi nhân vật giao tiếp là người nghe không chú ý, quan tâm đến nội dung lời thoại của người nói, hoặc do bối cảnh giao tiếp, người nghe cảm thấy nội dung chưa phù hợp nên chủ động chuyển hướng nội dung lời thoại. Đây là một chiến thuật lảng tránh trong hội thoại.

Ví dụ:

Ông Sần tụt đôi guốc ra cầm tay, trèo lên chỗ dốc trơn trước miếu cây đa, mắt lác lác coi có ai gác không. Thằng cháu xách chai nước mắm và chai dầu lửa buộc chung chạy vượt lên, dừng lại trước miếu, ngừng cổ đọc cái gì. Ông vừa đi tới, nó kêu:

- Nè ông, tờ lệnh của giải phóng. Các ảnh về tới đây rồi, mau quá hè.

- Mô phật đi cháu! Đại bác bắn bây giờ.

- Ca dao nữa ông. “Bảy trăm đóng thuế quốc gia, để mua súng Mĩ phá nhà giết dân”. Úi, nhiều thứ lắm. Họ vẽ thằng Mĩ kì chưa!

- Cái thằng! Đi, nói không nghe hả? Tàu bay tới rồi, chạy đâu?

[Phan Tứ - Về làng]

Trong đoạn thoại trên, lời thoại của hai nhân vật không đảm bảo phương châm quan hệ trong hội thoại vì người ông cố tình lảng tránh điều nguy hiểm mà đứa cháu nói đến.

3.2.4. Xét theo mục đích giao tiếp của câu trao và câu đáp

Đoạn thoại mở truyện có thể có các kiểu thuận nhất như: trần thuật - trần thuật; trần thuật - hỏi; hỏi - trần thuật; hỏi - hỏi; cảm thán - cảm thán; mệnh lệnh - mệnh lệnh; mệnh lệnh - cảm thán,... hoặc xen kẽ giữa các kiểu này.

Chẳng hạn:

3.2.4.1. Đoạn thoại thuần nhất một kiểu

+ Đoạn thoại trần thuật - trần thuật

- Em đừng có ngủ quên đây. Sáu giờ xe đón ở cửa - Thắng dặn.
- Chưa bao giờ em sai hẹn với anh. Nhất là ngày mai - Lan nguyền dãi.

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Một nửa cuộc đời*]

+ Đoạn thoại hỏi - trần thuật

Quyên nhớ là mình đã kẹp phong thư vào một cuốn sách hay tạp chí, đã để nó ở đâu đó, nó đều được dọn dẹp ngăn nắp, không một tờ báo hay cuốn sách nào ở cái chỗ mà chúng có vẻ bị bỏ quên hay bị tiện tay vứt đó. Mẹ Quyên hỏi:

- Con kiếm cái gì?
- Không có gì mẹ ạ.
- Con kiếm gì thì nói mẹ kiếm cho?
- Đã nói là không có gì cả.

[Lý Lan - *Mẹ và con*]

+ Đoạn thoại hỏi - cảm thán

Người con gái hỏi, như mọi cô gái trên đời vẫn hỏi:

- Vì sao anh yêu em?

Người con trai đáp nước đôi:

- Vì trời!

[Lý Biên Cương - *Mười hai cửa bể*]

3.2.4.2. Đoạn thoại xen kẽ

Ví dụ, đoạn thoại sau xen kẽ hai kiểu: hỏi - trần thuật và trần thuật - hỏi:

- Từ đây tới nhà ông Trần Văn Có gần hay xa vậy thầy?

Thầy xã trưởng đáp:

- Ở xóm Cà Bẫy Ngọn lặn! Để tôi ra lệnh chó phó hương áp đòi tên đó tới công sở...

Thầy phái viên nhà báo “Chim trời” giựt mình:

- Tôi là phái viên, đâu có quyền hạn đó đối với quý độc giả thân mến gần xa.

Thầy xã hỏi:

- Phái viên là gì vậy thầy?

- Là người thay mặt cho tờ báo đi cổ động và thu tiền.

- À! Bây giờ tôi mới biết cái thằng Tư Có. Nó thiếu tiền của nhà báo hả? Hèn chi nó bơi xuống lên công sở lãnh báo, đúng bây bữa là có mặt nó. Nghèo không biết thân lại còn bày đặt làm sang mua báo không trả tiền!

[Sơn Nam - *Tình nghĩa giáo khoa thư*]

Tóm lại, xét theo nội dung phản ánh của đoạn văn mở đầu trên cả hai dạng thức tồn tại: đơn thoại và đối thoại, đoạn văn mở đầu truyện ngắn có thể phân ra thành nhiều kiểu khác nhau. Mỗi kiểu lại mang những đặc trưng riêng biệt, phản ánh nét đặc thù của đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn.

3.3. Mối quan hệ giữa hình thức (cấu tạo) và nội dung của đoạn văn

Về mặt lí luận, hình thức và nội dung có mối quan hệ với nhau: hình thức thể hiện nội dung, phù hợp với nội dung; nội dung quyết định hình thức.

Đối với đoạn văn trong văn bản, hình thức và nội dung là hai phương diện cơ bản thống nhất không thể tách rời. Hình thức của đoạn văn có thể xem là phương tiện cấu tạo nội dung, truyền đạt nội dung, đồng thời thể hiện mối liên hệ, cách phối hợp các câu để biểu đạt nội dung. Ngược lại, nội dung đoạn văn chỉ tồn tại thông qua hình thức và được thể hiện bằng tập hợp các câu có quan hệ về hình thức. Vì vậy, khi xem xét giá trị của một đoạn văn, cần phải thấy được mối quan hệ giữa hai mặt này. Việc phân biệt các mặt hình thức và nội dung có tác dụng làm rõ hơn đặc điểm của đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn. Ví dụ, xét đoạn văn mở đầu sau:

Anh Ba Cốc, từ ngày lấy được vợ, thì đâm lo. Lo ngày, lo đêm. Sao cho chóng trả được món nợ cưới. Không thì rầy rà to chứ chẳng chơi! Đúng vào những chỗ hóc búa lắm lúc rát cả mặt!

[Nguyễn Công Hoan - Vợ]

Xét về mặt hình thức, đoạn văn trên đơn thuần chỉ là sự kết hợp các câu đơn, câu đặc biệt, câu rút gọn. Xét về mặt nội dung: câu đầu tiên là câu chủ đề chứa đựng nội dung cả đoạn văn, các câu tiếp theo cụ thể hoá nội dung mà câu chủ đề đã nêu - nỗi lo của anh Ba Cốc. Nội dung của đoạn văn trên được làm sáng rõ nhờ sự liên kết nhiều kiểu câu, và ngược lại, giá trị lớn nhất mà sự kết hợp các kiểu câu này mang lại là nhấn mạnh nội dung của đoạn văn.

3.4. Tiểu kết

Qua các đặc điểm về nội dung của đoạn văn mở đầu truyện ngắn, có thể rút ra những nhận xét sau:

3.4.1. Về đặc điểm nội dung đoạn văn đơn thoại

Đặc điểm nội dung của đoạn văn mở đầu đơn thoại được thể hiện sinh động qua chủ đề của đoạn, cách thức phản ánh nội dung các câu trong đoạn, mục đích giao tiếp của các câu trong đoạn, chủ thể của đoạn văn, sự tình cận cảnh và sự tình hậu cảnh được trình bày trong đoạn.

3.4.2. Về đặc điểm nội dung đoạn văn đối thoại

Đặc điểm nội dung của đoạn văn mở đầu đối thoại được thể hiện sinh động qua lời thoại kết thúc của đoạn thoại, chủ thể phát ngôn của đoạn thoại, sự tương hợp về hành vi ngôn ngữ, mục đích của câu trao - câu đáp trong đoạn thoại.

3.4.3. Ý nghĩa

Đặc điểm nội dung của đoạn văn mở đầu đơn thoại và đối thoại được nghiên cứu trên nhiều tiêu chí, bình diện khác nhau. Những đặc điểm trên đây cho thấy sự đa dạng trong cách thức biểu đạt nội dung của đoạn văn mở đầu truyện ngắn. Tuy một vài đặc điểm có thể xuất

hiện trong một số đoạn văn mở đầu văn bản ngoài nghệ thuật, nhưng có thể nói chỉ trong truyện ngắn, đặc điểm nội dung của đoạn văn mở truyện mới phong phú như vậy.

Các đặc điểm nội dung của đoạn văn mở đầu truyện ngắn có thể tóm tắt thành các bảng sau:

Bảng 3.1: Đặc điểm nội dung của đoạn văn đơn thoại

Đặc điểm	Kiểu đoạn văn		Số lượng	Tỉ lệ
Xét theo câu chủ đề	ĐV có câu chủ đề	ĐV diễn dịch	37/260	14,2%
		ĐV quy nạp	4/260	1,5%
	ĐV không có câu chủ đề	ĐV song hành	211/260	81,1%
		ĐV móc xích	8/260	3,2%
Xét theo cách thức phản ánh nội dung các câu	ĐV miêu tả		177/260	68%
	ĐV tự sự		65/260	25%
	ĐV lập luận		8/260	3,1%
	ĐV biểu cảm		10/260	3,9%
Xét theo mục đích giao tiếp của câu	ĐV chỉ gồm CTT ²		189/260	72,7%
	ĐV chỉ gồm CCT ³		7/260	2,7%
	ĐV xen kẽ CTT với CNV ⁴		21/260	8%
	ĐV xen kẽ CTT với CCT		31/260	12%
	ĐV xen kẽ CTT với CNV, CCT		12/260	4,6%
Xét theo chủ thể	ĐV thuần nhất	ĐV chỉ gồm lời kể của NKC ⁵	206/260	79,2%

² Câu trần thuật

³ Câu cảm thán

⁴ Câu nghi vấn

⁵ Người kể chuyện

của đoạn văn đơn thoại		ĐV chỉ gồm lời nói bên trong của NV ⁶	1/260	0,4%
	ĐV không thuần nhất	ĐV xen kẽ lời NKC với lời nói trực tiếp của NV	30/260	11,6%
		ĐV xen kẽ lời NKC với lời nói gián tiếp của nhân vật	16/260	6,1%
		ĐV xen kẽ lời NKC với lời nói bên trong của nhân vật	7/260	2,7%
Xét theo đặc điểm sự tình được trình bày	ĐV thuần nhất	ĐV thuần sự tình cận cảnh	188/260	72,4%
		ĐV thuần sự tình hậu cảnh	25/260	9,5%
	ĐV không thuần nhất	ĐV xen kẽ: CC ⁷ - HC ⁸	40/260	15,4%
		ĐV xen kẽ: HC - CC	7/260	2,7%

Bảng 3.2: Đặc điểm nội dung của đoạn văn đối thoại

Đặc điểm	Kiểu đoạn văn	Số lượng	Tỉ lệ
Xét theo nội dung của lời thoại kết thúc	Đoạn thoại đóng	79/94	84%
	Đoạn thoại mở	15/94	16%
Xét theo chủ thể phát ngôn	Đoạn thoại chỉ gồm lời thoại của NV	9/94	9,6%

⁶ Nhân vật⁷ Cận cảnh⁸ Hậu cảnh

	Đoạn thoại xen kẽ giữa lời thoại của NV với lời của NKC	85/94	90,4%
Xét theo sự tương hợp về HVNN	Đoạn thoại tương hợp về HVNN ⁹	91/94	97%
	Đoạn thoại không tương hợp về HVNN	3/94	3%
Xét theo mục đích của câu trao và câu đáp	Đoạn thoại thuần nhất một kiểu cấu trúc	58/94	61,7%
	Đoạn thoại xen kẽ nhiều kiểu cấu trúc	36/94	38,3%

⁹ Hành vi ngôn ngữ

Chương 4

CHỨC NĂNG CỦA ĐOẠN VĂN MỞ ĐẦU TRONG TRUYỆN NGẮN

Chức năng của một đơn vị ngôn ngữ được hiểu là “vai trò, nhiệm vụ mà đơn vị ngôn ngữ đảm nhiệm khi nó hoạt động trong lời nói.” [91, tr. 60].

Về mặt dạng thức cấu tạo, đoạn văn mở đầu có thể ở dạng đơn thoại hoặc đối thoại.

4.1. Chức năng của đoạn văn mở đầu đơn thoại

4.1.1. Định hướng về nội dung

Định hướng về nội dung là sự gợi mở, khái quát chủ đề của truyện để phát triển các đoạn văn tiếp theo. Sự định hướng nội dung của đoạn văn mở đầu truyện ngắn thường thể hiện ở những khía cạnh sau:

4.1.1.1. Đoạn văn mở đầu khái quát chủ đề của truyện

Chủ đề “là vấn đề cơ bản, vấn đề trung tâm được tác giả nêu lên, đặt ra nội dung cụ thể của tác phẩm văn học.” [31, tr. 52]. Đối với truyện ngắn, do có sự hạn định về dung lượng, nên sự liên kết giữa các đoạn để tạo nên chủ đề chung của truyện là hết sức chặt chẽ. Để giúp người đọc lĩnh hội được nội dung của tác phẩm, ngay từ đoạn mở truyện, các tác giả đã trực tiếp khái quát truyện bằng những chi tiết, sự kiện có liên quan trực tiếp đến chủ đề. Các đoạn văn tiếp theo sẽ tiếp tục triển khai, mở rộng vấn đề đã được đặt ra từ đoạn văn mở đầu. Ví dụ:

(1) Trần Thiện và Lê Văn Hà là hai tay ra ứng cử dân biểu khoá này ở hạt tôi. Bởi hai người cùng giàu, cho nên tranh nhau rất kịch liệt.

[Nguyễn Công Hoan - *Trần Thiện, Lê Văn Hà*]

Đoạn văn mở đầu trên đã nêu khái quát chủ đề của cả truyện. Đó là cuộc tranh nhau gay gắt giữa hai nhân vật giàu có trong việc ra ứng cử dân biểu ở một hạt. Các đoạn văn tiếp theo của truyện sẽ cụ thể và phát triển tiếp chủ đề đã được nêu khái quát: Ông Thiện và ông Hà đều nhờ bộ tham mưu của mình bày mưu tính kế để giành phần thắng trong cuộc bầu cử. Cả hai bên đều dùng tiền lời kéo cử tri về phía mình. Cuối cùng, cuộc bầu cử này vẫn chưa phân được thắng bại. Ông Hà và ông Thiện lại tiếp tục tranh nhau giành ghế nghị viên ở cuộc bầu cử sau.

(2) Tôi là người sinh trưởng ở Hà Nội, từ trẻ đến già sống ở Hà Nội kì thực cũng không hiểu về Hà Nội bao nhiêu. Tôi chỉ quen thuộc, am hiểu có giới sĩ quan quân đội, giới văn nghệ sĩ là cái giới của tôi, và cán bộ công nhân viên chức nhà nước là bạn của tôi. Đại loại là giới viên chức nhà nước mà tôi là một thành viên. Chúng tôi không phải lo cái ăn cái mặc, chỗ ở lúc ốm đau kể cả việc học hành của con cái lẫn việc làm của chúng khi đã trưởng thành. Những cái lo của một đời người đều không phải lo. Tất cả đều dựa vào nhà nước. Nhà nước là tất cả. Nên chuyện của chúng tôi rất khác với chuyện của dân, như là hai thế giới riêng biệt mặc dù chúng tôi đều sống ở Hà Nội, là người của Hà Nội...”

[Nguyễn Khải - *Danh phận*]

Đoạn văn mở đầu trên khái quát chủ đề của truyện, là phê phán quan niệm về “danh phận” của viên chức nhà nước thời bao cấp. Nội dung này sẽ được các đoạn văn tiếp theo của truyện làm sáng tỏ.

Chủ đề của truyện cũng có thể được khái quát dưới dạng luận đề. Chủ đề này được rút ra từ những câu mang tính triết lí của người viết. Các câu này thường đứng ở vị trí đầu đoạn văn. Ví dụ:

(3) *Có lẽ vì đời người quá ngắn nên thường khi con người tỉnh ra khỏi điều nhầm lẫn nào đó thì thường là quá muộn. Chẳng hạn như Hoành, anh vốn là trợ lí giám đốc nhưng gần đây lại cứ hay mơ màng chính mình là ông giám đốc. Hoành làm trợ lí đã lâu, đã quá quen thuộc với cung cách làm việc và cư xử của ông giám đốc, quá quen*

thuộc với chiếc xe con, những cuộc đón tiếp, những lời tán dương... nói tóm lại là đầu óc anh đầy áp, chỉ rất những kỉ niệm êm đềm, say ngây ngất. Tuy nhiên cũng chỉ là ngây ngất suông thể thôi!

[Nguyễn Kiên - *Nụ cười*]

(4) *Đời người phần lớn là buồn. Ngày nọ rồi tới ngày kia. Mỗi ngày được thêu dệt bởi những nỗi buồn con con đôi khi vô cớ. Tất cả những phút giây của buổi sáng buổi chiều, đêm về khuya, với con người đều là những gợi nhớ. My cũng vậy. Bỗng dưng chiều nay My thấy người mình tan nát một cách vô cớ. Cô nằm trên giường êm dịu bởi chăn đệm, không khí lạnh tê tê của máy điều hoà nhiệt độ. Những chiếc rèm cửa tím thẫm thả buông im lìm trên các ô cửa. Căn phòng cô ở trang trí theo đúng mẫu một căn phòng ngoại quốc. Đắt tiền và độc đáo.*

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Thiếu phụ chưa chồng*]

Ở ví dụ (3), câu mở đoạn nêu lên một luận đề mà cuộc đời của nhân vật Hoàn như là một minh chứng. Ở ví dụ (4), chủ đề của truyện cũng được khái quát lên trước khi vận vào cuộc đời của nhân vật My.

4.1.1.2. Đoạn văn mở đầu giới thiệu nhân vật

Khảo sát nội dung phản ánh trong đoạn văn mở đầu truyện ngắn, chúng tôi nhận thấy số lượng đoạn văn mở đầu giới thiệu nhân vật tương đối nhiều. Tuy mới phác họa khái quát chân dung nhân vật nhưng bước đầu nhà văn đã giúp người đọc định hình được “loại” nhân vật.

Nhân vật được giới thiệu thường là nhân vật chính nhưng cũng có thể là nhân vật phụ. Nhân vật chính là “nhân vật then chốt của cốt truyện, giữ vị trí trung tâm trong việc thể hiện đề tài, chủ đề và tư tưởng của tác phẩm.” [31, tr. 193]. Nhân vật chính có thể là một nhưng cũng có khi là hai, ba nhân vật. Các nhân vật này có thể được giới thiệu đồng thời trong đoạn văn mở đầu. Ví dụ:

- Đoạn văn mở đầu chỉ giới thiệu một nhân vật chính

(1) Đến hai tháng nay tôi không gặp *Samandji*. Đó là một chú lính da đen ở đạo quân thuộc địa thứ chín: một con bò mộng nuôi chờ ngày mổ thịt. Anh ta trông dữ tợn vì hai con mắt trắng dã trên màu da mun, song bản tính thực hiền lành, chất phác.

[Nguyễn Công Hoan - *Samandji*]

(2) *Mơ* là con gái Huế. Người ta bảo con gái Huế đa tình, có thật không? Vậy mà cô còn đậm thêm chữ Xuân. *Xuân Mơ* được thiên phú một sắc đẹp hiếm có - vừa thanh thoát quý phái, vừa đầy nữ tính. Giữa rừng hoa nữ sinh Đồng Khánh, bạn bè vẫn gọi cô là hoa khôi.

[Đỗ Kim Ngu - *Hoa khôi áo rách*]

- Đoạn văn mở đầu giới thiệu hai nhân vật chính

Cùng học một lớp, một khoa, *Quân và Tinh* lại cùng chung nhiều cảnh ngộ. Chàng ở một xóm nghèo bên quận 8, nàng ở một khu phố lao động trong quận 3. Họ đều là những học trò nghèo hiếu học. Tối đến, chẳng có tiền để đi chơi, coi hát, xi nê, họ chỉ còn biết miệt mài với sách vở. Bắt đầu là những cuộc trao đổi về bài học. Rồi những buổi trò chuyện tâm tình; sự cảm thông và mối đồng cảm khiến họ sớm gần bó...

[Trọng Đạt - *Đồng bạc*]

Nhân vật phụ là nhân vật “giữ vị trí thứ yếu so với nhân vật chính, trong diễn biến cốt truyện, trong quá trình triển khai đề tài, thể hiện tư tưởng và chủ đề của tác phẩm.” [31. tr. 198]. Nhân vật phụ ở vị trí sau nhân vật chính “thường gắn với những tình tiết, sự kiện, tư tưởng có tính chất phụ trợ, bổ sung.” [31. tr. 199]. Nhân vật phụ chủ yếu được các tác giả miêu tả ở các đoạn văn tiếp theo trong truyện nhưng ở một số đoạn văn mở đầu, nhân vật phụ có thể được giới thiệu để làm chỗ dựa giới thiệu xuất xứ, hoàn cảnh nhân vật chính. Ví dụ:

Đã ngoài bốn mươi tuổi nhưng những người quen biết, nhất là bà con trong số nhà vẫn gọi cô bằng “cô Minh”. Cô Minh chưa xây dựng gia đình. Cô đã từng làm cô giáo dạy cấp một. Ông cụ thân sinh cô Minh trước làm việc ở Bộ Nội Vụ. Khi nghỉ hưu ông về quê ở Thanh

Hoá để lại gian phòng mười bốn mét vuông cơ quan cấp cho cô giáo Minh.

[Văn Phan - *Cô giáo và tên trộm*]

Trong ví dụ này, nhân vật chính là cô giáo Minh, nhân vật phụ là ông cụ thân sinh cô Minh. Việc giới thiệu thêm nhân vật phụ này có tác dụng làm rõ hơn hoàn cảnh của cô Minh: căn nhà cô ở là của cha cô để lại.

Các nhân vật được giới thiệu trên có thể là chính người kể chuyện hoặc là người khác. Khi nhân vật được giới thiệu là người kể chuyện, nhân vật tự xưng là “tôi”, kể lại chuyện của mình và những gì mình được chứng kiến. Ví dụ:

(1) Năm *tôi* mười tám tuổi, *tôi* đã có cái vẻ mặt đấng đấng của con người hai mươi. Nhất là khi khăn áo chỉnh tề, thì các bạc ngàn, người lạ cũng chả dám đánh cuộc rằng *tôi* còn mài đũng quần ở ghế trường học.

[Nguyễn Công Hoan - *Quan tham nửa giờ*]

(2) Cách đây hơn 30 năm, *tôi* dạy học ở Bâm là một xóm núi khi ho còn gáy ở tỉnh N, cách xa Thủ đô vài trăm cây số. Hồi ấy *tôi* 20 tuổi, vừa mới tốt nghiệp ra trường, tâm hồn còn rất ngây thơ.

[Nguyễn Huy Thiệp - *Những người muôn năm cũ*]

Khi nhân vật được giới thiệu là người khác, nhân vật có thể có tên riêng cụ thể. Ví dụ:

Lò Văn Pành là ông già nổi tiếng ở bán Hua Tát. Hơn tám mươi tuổi, hàm răng của ông vẫn còn đều tăm tắp như răng chàng trai mười bảy tuổi. Cối đá giã gạo, ông dùng một tay cù lên như bỡn. Ông làm băng ba người khác. Uống rượu cũng vậy, sức ông có thể chấp nổi muồn người. Tráng đình trong bán Hua Tát nhìn ông kiêu ngạo.

[Nguyễn Huy Thiệp - *Đất quên*]

Ngoài cách giới thiệu bằng tên riêng cụ thể, nhân vật được giới thiệu có thể không có tên riêng mà được gọi bằng các đại từ hay cụm

danh từ Các đại từ được gọi thường là *ông ấy, chị ấy, chàng, nàng, nó, hắn,...* Chẳng hạn:

(1) *Nàng* là người sau cùng bước lên xe và ngồi ở hàng cuối. *Nàng* giản dị trong bộ đồ đen, trái với những người đàn bà khác trong đoàn. Đôi mắt buồn. *Nàng* không còn trẻ lắm nhưng hình như vì thế lại mượt mà hơn, ít người chú ý đến *nàng*. Họ mãi chuyện về khu di tích và vùng suối sắp tham quan, và chẳng cùng cơ quan, hằng ngày nhìn nhau quen mắt.

[Nguyễn Bản - *Tâm tã mưa rơi*]

(2) Ngay từ ngoài cổng tôi đã thấy là giống lắm mặc dù hơn mười năm rồi không gặp *hắn*. Tóc *hắn* bây giờ đã bạc gần hết. Bộ răng giả khiến tiếng nói cười của *hắn* nhao nhao, không như ngày xưa, nghe có cái vẻ gằm gừ của loài chó.

[Lương Hiệu Vui - *Gặp gỡ*]

Các cụm danh từ được gọi ở đây gắn liền với chức danh nghề nghiệp của nhân vật:

(1) Gần chỗ tôi ở, có một *cụ Nghè*, đồ khoa nào tôi không rõ. *Cụ Nghè* nổi tiếng là hay chữ. Những thơ phú, câu đối *cụ* làm ra, toàn là chữ Nho cả, tôi ù cạc như vẹt nghe sấm, nhưng thấy người vùng này thuộc nhiều và đều phục là hay lắm.

[Nguyễn Công Hoan - *Xin chữ cụ Nghè*]

(2) Sống cạnh nhà tôi là *một họa sĩ già*. Nói già là nói những năm gần đây, chứ hồi nhà tôi vừa dọn đến khu nhà này, ông còn trẻ, chỉ trên bốn mươi một chút. Người thấp đậm, nước da nâu sẫm và cái mũ lưới trai bằng vải cũ mềm dẹt ở trên đầu, bất kể sáng trưa chiều tối. mưa hay nắng...

[Thanh Hương - *Điều kì lạ của tình yêu*]

Thậm chí, nhiều khi nhà văn còn dùng đoạn văn mở đầu để phân tích cái tên đặc biệt của nhân vật. Ví dụ:

Ngay cái tên cũng khó nghe rồi. Thà cứ là Kèo, là Cột, hay là Hạ,

là Đông. Là gì cũng còn dễ nghe. Nhưng hấn ta lại là Trạch Văn Đoàn. Nghe như sủng thân công. Nó chọc vào lỗ tai.

[Nam Cao - *Đôi móng giò*]

Cùng với tên nhân vật, đoạn văn mở đầu còn giới thiệu khái quát hoàn cảnh hay tính cách của nhân vật. Việc khái quát trực tiếp hoàn cảnh của nhân vật ở đoạn văn mở đầu giúp người đọc dễ dàng nhận diện chân dung nhân vật trong truyện.

Ví dụ, mở đầu truyện "*Một bữa no*" của Nam Cao là hoàn cảnh rất bi đát của gia đình một bà lão: chồng chết, con chết, mình bà lặn đận với cái nghèo đói. Cái đói được gọi lên từ phần mở truyện như một định mệnh đeo đẳng suốt cuộc đời bà lão, và nó như một tiếng kêu tự đáy lòng của tác giả báo hiệu số phận đau khổ của nhân vật: "Bà lão ấy hờ con suốt một đêm. Bao giờ cũng vậy, cứ hết đường đất làm ăn bà lại hờ con. Làm như chính tự con bà nên bây giờ bà phải đói. Mà cũng đúng như thế thật. Chồng bà chết từ khi nó mới lọt lòng ra. Bà thất lưng buộc bụng, nuôi nó từ tấm tằm tí tí giờ đi. Cũng mong để khi mình già, tuổi yếu mà nhờ. Thế mà chưa cho mẹ nhờ một li nó đã lăn cổ ra chết. Công bà thành công toi." [*Một bữa no*].

Tương tự, mở đầu truyện ngắn "*Giăng sáng*", Nam Cao giới thiệu khái quát cho bạn đọc chân dung văn sĩ Điền bước ra từ một gia cảnh mà ở đó sự nghèo đói rách nát, thiếu thốn đang đè nặng lên từng ngày từng giờ:

Điền có bốn cái ghế mây. Tất cả đồ đạc trong nhà chỉ có bốn cái ghế mây này là có giá. Không phải Điền mua - tính của Điền rất ghét mua. Từ ngày ra ở riêng cho đến giờ, Điền mới mua có một lần - ấy là một cái giường bằng gỗ bươi của một người cô nghèo khó. Người cô cần tiền để lấy thuốc ngã nước cho chồng. Còn Điền thấy cũng cần có một cái giường. Tháng ba vừa rồi vợ Điền mới sinh một con trai. Nghĩa là bây giờ Điền có những hai con. Cả nhà đúng bốn người, bốn người tất cả dồn vào một cái giường!... [*Giăng sáng*].

Ngoài ra, đoạn văn mở đầu có thể giới thiệu phối hợp giữa tên nhân vật với hoàn cảnh, hành động và tính cách của nhân vật. Ví dụ, cái độc đáo của đoạn văn mở đầu sau trong cách giới thiệu nhân vật là sự phối hợp giới thiệu tên riêng với hoàn cảnh và tính cách nhân vật:

Tên thật của hắn rất hiền lành: Rự, Lê Văn Rự. Hắn làm trương tuần nên người ta gọi hắn là Trương Rự. Nhưng từ ngày hắn xoay sang nghề ăn cướp thì hắn thành ông Thiên Lô. Cái tên ghê gớm ấy nguyên do nó thế này. Những khi bọn anh em tụ tập lại bàn định tìm một nhà nào để đánh, Rự không bao giờ bàn một tiếng, hắn chỉ chúi đầu vào uống rượu và ăn cơm; cơm rượu rồi, hắn lừ mắt ra, cầm cái tăm xiên vào từng kẽ răng rồi thỉnh thoảng lại rút hắn ra mà mút; cứ như thế cho đến khi người ta quyết định rồi, giao cho hắn việc gì là hắn vút tăm xuống đất, rũ quần đứng lên và theo lệnh của anh em. Người ta bảo cái ông thiên tướng và tâm sét cũng hành động theo kiểu ấy; ông chẳng có quyền tự mình đánh chết ai; ông chỉ biết theo mệnh trời, chỉ đâu thì đánh đấy. Chỉ đâu đánh đấy thì chính là cái thái độ thẳng Trương Rự. Bọn ăn cướp gọi đùa hắn là Thiên Lô...

[Nam Cao - *Nửa đêm*]

Trong ví dụ trên, nhân vật Rự được giới thiệu bằng hai tên khác: tên Trương Rự gắn với công việc làm trương tuần; tên Thiên Lô gắn với hành động thụ động “chỉ đâu đánh đấy” và tính cách không bình thường của nhân vật.

Tóm lại, đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn tuy chưa lột tả hết tính cách, số phận nhân vật, song nó cũng đã cung cấp cho người đọc một lượng thông tin có sức khái quát lớn về nhân vật để người đọc tiếp tục theo dõi nội dung cốt truyện.

4.1.1.3. Đoạn văn mở đầu xác định không gian, thời gian của truyện

Không gian và thời gian được nói ở đây là không gian, thời gian nghệ thuật được cảm nhận theo chủ quan của người kể.

- Đoạn văn mở đầu xác định không gian

Không gian nghệ thuật là “hình thức tồn tại của thế giới nghệ thuật” [69, tr. 88], là “sản phẩm sáng tạo của nghệ sĩ nhằm biểu hiện con người và thể hiện một quan niệm nhất định về cuộc sống...” [69, tr. 89]. Trong truyện ngắn, không gian nghệ thuật gồm có không gian bối cảnh, không gian sự kiện và không gian tâm lí. Không gian được xác định ở đoạn văn mở đầu chủ yếu là không gian bối cảnh và không gian tâm lí.

Theo các nhà nghiên cứu văn học, không gian bối cảnh “là môi trường hoạt động của nhân vật, một địa điểm có tên riêng hay không có tên trong đó có đủ cả thiên nhiên, xã hội và con người.” [41, tr. 88]. Việc tạo dựng không gian bối cảnh ngay trong phần mở đầu của truyện vừa có tác dụng xác định địa điểm cho nhân vật xuất hiện, vừa tạo ra tính khách quan của câu chuyện, vừa gián tiếp bộc lộ cảm xúc của tác giả. Không gian bối cảnh được xác định ở đoạn văn mở đầu có thể là một địa điểm có tên riêng hay không có tên riêng. Trần Đình Sử gọi loại không gian này trong văn học là “không gian điểm mang tính ước lệ, tượng trưng...” [69, tr. 44]. Chẳng hạn:

Không gian bối cảnh được xác định có tên riêng, là một địa danh cụ thể. Ví dụ:

Làng Yên Hạ ai có lần đến, hẳn sẽ không thể nào quên. Đó là những xóm nhỏ hiền hoà nằm bên những vườn cây và hồ nước thả đầy sen. Trong vườn ngoài rau và hoa ra hầu như trồng toàn roi. Có những thân cây hai người dang tay ôm không hết. Tán lá che rợp cả vùng đất, vùng trời. Có lẽ không ở đâu có nhiều màu xanh đến thế. Màu xanh đậm âm từ những vòm lá dày, màu xanh dịu mát trong trẻo của hồ nước và màu xanh mềm mại của cỏ.

[Nguyễn Thị Ngọc Tú - *Câu chuyện dưới tán lá rợp*]

Không gian bối cảnh được xác định không có tên riêng. Ví dụ:

(1) Quán nằm ở chỗ bến sông dựng bằng lá tranh âm mốc. Sau

lưng là con đường nhỏ dẫn về làng um tùm cây dại. Trước mặt là con sông không thấy bờ, nước lãn tãn như bạc vụn. Những hôm thuyền rời bến, nước đục lên một tí rồi lắng lại trong leo lẻo, thấy từng viên sỏi nhỏ như óng ánh dưới đáy nước. Trên bờ những cây gỗ mục nằm chát đống, chen lẫn giữa đám cỏ gà cao nhồng.

[Nguyễn Thị Châu Giang - *Bến đợi chồng*]

(2) Ngôi nhà nhỏ ở trên đồi, cách đường cái ba chục mét. Ngôi nhà đơn độc lẻ loi. Đằng sau ngôi nhà có hai cây nhội gai lá đỏ, thứ cây mọc hoang chỉ dùng làm củi.

[Nguyễn Huy Thiệp - *Đời thế mà vui*]

Không gian bối cảnh còn có thể là cảnh thiên nhiên như mây, gió, sông, núi,... Ví dụ:

Mưa phùn. Gió bắc. Rét buốt đến tận xương.

Nhưng mưa gió, rét có hề chi đến bữa tiệc giỗ ông cụ đẻ ra ông chủ hiệu xe cao su kiêm chủ hãng ô tô “Con Cọp”? Bởi vì trong buồng khách, cửa đóng kín mít, hơi lò sưởi xông lên nóng rực...

[Nguyễn Công Hoan - *Báo hiếu: Trà nghĩa cha*]

Bối cảnh thiên nhiên được tác giả miêu tả ở đoạn văn mở truyện nói trên gợi ra không khí buồn bã, ảm đạm trong truyện, đối lập với cảnh ấm áp ở trong nhà, dự báo hoàn cảnh éo le sắp xảy ra như nội dung các đoạn văn tiếp theo làm rõ: vào một ngày mưa gió rét mướt, một bà mẹ bị con đuổi ra khỏi nhà ngay trong bữa giỗ chồng. Thiên nhiên được tác giả giới thiệu ở đoạn văn mở đầu như có “một tiếng nói riêng”, gửi gắm tâm trạng của nhân vật - đó là sự tủi nhục, đau đớn xót xa, là vết thương lòng trong tâm hồn người mẹ.

Có những trường hợp không gian bối cảnh được xác định ở đoạn văn mở truyện chỉ bằng một từ hay cụm từ nhưng sức chứa nội dung của đoạn văn lại rất lớn. Ví dụ:

Bến đò.

Sang đò có một nhà sư, một nhà thơ, một nhà giáo, một tên cướp,

hai tên buôn đồ cô, hai mẹ con, một cặp tình nhân và chị lái đò.

[Nguyễn Huy Thiệp - *Sang sông*]

Ngược với không gian bối cảnh là không gian tâm lí, tức là những suy nghĩ, những dòng hồi ức xuất hiện bên trong tâm trạng nhân vật. Những truyện ngắn được mở đầu như thế này thường là những truyện có chiều hướng xoáy sâu vào tâm lí nhân vật.

Chẳng hạn, truyện ngắn “*Từ ngày mẹ chết*” của Nam Cao mở đầu bằng những suy nghĩ, hồi tưởng của cô bé Ninh về những ngày mẹ còn sống: “Hôm nay, mưa rét, mỗi khi trời mưa rét Ninh lại nhớ đến bu. Hồi bu còn sống những ngày mưa rét không ra vườn hái trầu bóc mía hay làm cỏ được. Bu lại mang cái bị giẻ và một ôm quần áo rách vào ô rơm ngồi vá - Bu Ninh vá khéo lắm, những miếng vá đặt rất phẳng phiu...”. Dòng hồi tưởng của nhân vật tiếp tục được phát triển cho đến hết truyện. Có thể nói trong truyện ngắn của Nam Cao, không gian tâm lí chiếm ưu thế, gần như có mặt trong tất cả các truyện.

Sự phối hợp giữa không gian tâm lí với không gian bối cảnh tạo ra không gian tâm - cảnh, là sự gặp gỡ giữa cảnh và tình. Mở truyện bằng không gian tâm - cảnh là xu hướng của một số tác giả hiện nay. Vì thế xét về nội dung, những đoạn văn mở truyện này thường dễ gây ấn tượng với bạn đọc. Ví dụ:

Đêm nay. Dù biết chỉ là một mình. Sẽ cô đơn và tràn mi nước mắt. Nhưng tôi vẫn ra biển. Cả một ngày tôi lang thang kiếm tìm trên bãi vắng dấu vết hôm qua.

Tuyệt nhiên không có. Biển về đêm. Cát mềm và ẩm, nồng nàn vị quỳn luyến. Biển hùng vĩ bao la đến vô cùng...

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Cát đọi*]

Hoặc:

Tôi cứ tưởng là mình đã quên mọi chuyện từ lâu. Bỗng dưng. Chiều nay. Tất cả ùa về. Đầy ắp ứ như thể có ai đã thu gom mọi thứ vào một cái bao tải to tướng, buộc chặt nút lại. Và nay, đem mở ra

trước tôi. Đủ đây Nguyên vẹn.

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Hậu thiên đường*]

- Đoạn văn mở đầu xác định thời gian

Thời gian trong đoạn văn mở truyện có thể được diễn đạt bằng các trạng ngữ chỉ thời điểm trong ngày, trong tháng, trong năm. Ví dụ:

Buổi trưa vợ vẫn ngang cái bảng Diễn đàn của trường tôi, lần đầu tiên trong đời sinh viên của mình, tôi đau thót tim vì buồn, vì thấy tâm trạng của mình nằm trong một bài thơ nhảm nhí. Bài thơ nói về cảnh các sinh viên Y6 ra trường, từ giã lan can, căng tin, từ giã cái hồ bao tử đầy rác, từ giã giảng đường chẳng mấy khi vào... Sinh viên Y6 chào hoa tím sân trường, chào bậc thang và để lại vô vàn kỉ niệm trong trường mà một lũ đàn em phải hứng chịu... trong đó có tôi.

[Phan Thị Vàng Anh - *Nghi hê*]

Hoặc:

Tháng sáu năm nay đúng vào dịp giỗ cha, theo đúng nếp nhà, vợ chồng tôi phải về quê theo giỗ ở nhà ông anh trưởng. Mười mấy anh chị em họp mặt đông đủ. Cúng lễ ăn uống xong, mọi người vui vẻ chuyện trò. Tôi ngồi một mình dưới gốc cây bưởi nhìn cảnh sân rêu nhà mốc lòng se buồn...

[Trịnh Đình Khôi - *Tiếng Đổ Quyên*]

Thời gian mở truyện cũng có thể là những thời điểm trong cuộc đời nhân vật như: ngày lễ, ngày kỉ niệm, tuổi trẻ, tuổi già,... Ví dụ:

Thời gian mở truyện gắn với tuổi ấu thơ của nhân vật:

Hồi nhỏ, Tôi là đứa con bé bỏng nhất nhà nên được tất cả người lớn trong gia đình, thậm chí chỉ hơn tôi có ba tuổi thường xuyên dạy dỗ. Anh trưởng là người ham mê quyền lực. Từ bé lúc nào cũng thích đứng đầu hàng, làm lớp trưởng, làm cán sự bộ môn, rồi bằng đủ kiểu anh lên lãnh đạo...

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Hoàng hôn màu có ủa*]

Thời gian mở truyện ứng với ngày kỉ niệm của nhân vật:

Sinh nhật con gái, bà Thiều làm cơm đãi khách. Dự hôm ấy có hai bà buôn vàng dưới phố, hai ông công chức cùng Sở ông Thiều và dăm thanh niên bè bạn của Thoa. Bà Thiều mặc bộ đồ xoa mỡ gà, trẻ đến mười tuổi. Thoa mặc quần bò, áo phong đỏ, trông lộng lẫy và khá đài các...

[Nguyễn Huy Thiệp - *Huyền thoại phố phường*]

Nhiều khi, tiếng kêu hay các hoạt động có chu kì của loài vật cũng là mốc báo hiệu thời gian. Ví dụ:

Bìm bịp kêu đầu đó, thế là mùa nước lên, những con chim cánh nâu, ức cổ mang màu đỏ như lửa bay là là ngang qua mặt đê cao, ngang qua mặt người. Chúng bay gần lắm, tưởng như với tay là tóm được, nhưng khổ thay chính lúc ấy ta lại đứng sững lại vì quá ngỡ ngàng và thế là chúng mất hút trong bãi dâu. Trời trong xanh. Mây trắng ngồn ngồn tầng tầng lớp lớp. Dưới sông Cầu nước trôi băng băng, con sông già nua vẫn thường uể oải lơ dờ mà nay bỗng quay cuồng với những vùng xoáy trông vào đến khiếp. Vài ba con thuyền ngược dòng nặng nhọc, buồm kéo lên đón gió nam nhưng vẫn phải có thêm dăm người khom lưng cõng dây kéo, họ lẫm lũi bước chậm chạp ven bờ.

[Đỗ Chu - *Một loài chim trên sông*]

Đối chiếu thời gian kể ở đoạn văn mở đầu truyện ngắn với thời gian ở các đoạn văn khác có thể thấy thời gian xác định ở đoạn văn mở truyện có thể tuân theo trình tự tuyến tính hay không theo trình tự tuyến tính.

Thời gian tuyến tính là kiểu thời gian được sắp xếp theo một trình tự nhất định. Các sự việc diễn biến theo thứ tự tự nhiên, chuyện gì có trước kể trước, chuyện gì xảy ra sau kể sau cho đến hết. Mỗi thời điểm tương ứng với một sự kiện trong đoạn văn, người kể không xáo trộn hay không phân chia lại thời gian. Ví dụ:

Cái buồn thường không mấy khi xảy đến một cách đơn chiếc. Cụ Phù bà vừa mất vào *quãng đầu xuân*, cỏ xanh chưa đủ che phủ mặt

nắm mộ mới, thì *cuối xuân năm ấy*, cậu Chiêu lại cũng qua đời. Vì những luật lệ và luân lí gia đình vẫn còn ứng dụng được dưới suối vàng thì bên kia cõi đời này, linh hồn cậu Chiêu chí hiếu đang được yên tĩnh để hầu dưới gối một linh hồn còn chí tử. Và trên trần có một gia đình đương lúng túng vì sự hiu quạnh. Bây giờ cụ Phủ ông đã lâm vào cái cảnh gà sống nuôi con một. Nguyên cụ Phủ được hai người con: cậu Chiêu không may sớm cướp công sinh thành để lại cho cha người em gái mồ côi mẹ, đã đứng tuổi mà chưa có dịp nào xuất giá. Trời đất ôi, trên mấy gốc tre cần không đủ gây thành một bụi âm, trận gió thanh bạch ngày ngày cứ ào ào thổi mãi.

[Nguyễn Tuân - *Thà hờ*]

Hoặc:

Tối muộn thứ bảy, Khoa gõ cửa nhà tôi, mặt phờ phạc và gầy tọp đi như người mất hồn. Thừ người một lúc lâu anh mới kể cho tôi đầu đuôi câu chuyện và nhờ tôi giúp.

[Hoàng Hà - *Hợp đồng muộn*]

Kiểu thời gian tuyến tính thường được sử dụng ở đoạn văn mở đầu các truyện hồi ức, tưởng tượng. Truyện được bắt đầu bằng các cụm từ chỉ quá khứ như: *hồi đó, khi đó,...* Mỗi thời điểm này tương ứng với một chuyện đã xảy ra với nhân vật. Ví dụ:

Gần cuối năm lớp mười, vì kiêu ngạo và xác xược mà tôi đã gây ra khối chuyện điên rồ. Đỉnh cao là một vụ cãi nhau bên rặng tre vàng ở sân trường với bí thư chi đoàn của lớp...

[Phan Thị Vàng Anh - *Phục thiện*]

Hoặc:

Cảm giác đầu tiên mà Đà Lạt mang đến cho tôi là sự buồn cười. *Khi đó* tôi còn nhỏ quá, còn khoẻ lắm, tưởng như mưa hay nắng đều phải lè lười khi thấy tôi. Tôi cười khi thấy ở Đà Lạt vào tháng Tám ai cũng mặc áo lạnh ra đường, còn mình phong phanh cái áo rộng. Tôi chạy vào nhà tắm, nước lạnh như trong suối. Ở bên ngoài tôi nghe thấy

tiếng Bảo rên rỉ: “Trời ơi! Mới sáng sớm không sợ chết lạnh sao?”. Bảo là con của người bạn di tôi. Tôi lên Đà Lạt lần đó với di, lâu rồi nhưng tôi nhớ mang máng rằng đây không phải là cuộc đi chơi ngắm cảnh, chụp hình như người ta vẫn đi...

[Phan Thị Vàng Anh - *Hồng ngừ*]

Trong các ví dụ trên, các đoạn văn mở đầu đều có nội dung là kể về một kỉ niệm đã qua. Mỗi kỉ niệm tương ứng với mỗi sự kiện được tác giả đánh dấu bằng một mốc thời gian: ví dụ thứ nhất là kỉ niệm “điên rồ, xác xược” của tuổi học trò được tác giả đánh dấu vào quãng thời gian “cuối lớp mười”; ví dụ thứ hai là hồi ức của người kể về cảm giác đầu tiên ở Đà Lạt là “sự buồn cười” vì những cái mới lạ được gắn với mốc thời gian khi người kể “còn nhỏ”. Các kỉ niệm, sự kiện này sẽ được làm sáng tỏ trong những đoạn văn tiếp theo.

Kiểu thời gian tuyến tính mở truyện có tác dụng giúp cho bạn đọc dễ dàng theo dõi nội dung câu chuyện. Kiểu thời gian này còn có chức năng nhấn mạnh biểu cảm khi nó được tách ra thành đoạn văn mở truyện. Đó là những trường hợp truyện được mở đầu bằng một đoạn văn đặc biệt có hình thức một câu đặc biệt. Ví dụ :

(1) *Chiều.*

Nắng đã nhạt dần trên bãi biển. Người dạo chơi, qua lại thưa thớt hẳn. Một thiếu phụ trạc gần 30 tuổi ngồi bất động trên một mô cát gần sát mép nước. Bộ quần áo ướt sẫm màu mặc gọn gàng, trông cơ thể chị ta vẫn còn thon thả lắm, chứng tỏ thời thiếu nữ, chị ta cũng vào loại đẹp.

[Nguyễn Thu Trang - *Xa xứ*]

(2) *Tháng năm.*

Những chùm phượng đỏ vít cong trên các ngõ phố. Không gian inh inh tiếng ve gọi cảm giác hồi hộp và sôi động. Nàng đứng nơi góc phố chờ chàng. Đường Nguyễn Du. Nắng tràn lan thừa thãi xối xuống các hàng cây. Mặt hồ sóng sánh nước màu ráng nắng.

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Tình yêu ơi, ở đâu*]

Trong các ví dụ trên, truyện được mở đầu bằng các câu đặc biệt - là một danh từ chỉ thời gian, có tác dụng nhấn mạnh, biểu cảm: Ở ví dụ (1), thời gian mở truyện là thời điểm trong ngày - “chiều”. Đây là mốc thời gian có tính xác định, phân biệt với các mốc thời gian khác trong ngày như: sáng, trưa, tối. Ngoài ra thời gian được mở truyện là “chiều” ở đây có giá trị biểu cảm rất lớn: “Chiều” là thời điểm cuối ngày, mọi hoạt động của con người và sự vật dường như lắng lại. “Chiều” là mốc thời gian gợi cho nhân vật cảm giác cô đơn, trống vắng. Thời gian “chiều” dùng để mở truyện báo hiệu sự xuất hiện của nhân vật trữ tình với tâm trạng buồn bã và cô đơn. Những đoạn văn tiếp theo sẽ cụ thể hoá nội dung này. Ví dụ (2), truyện được mở đầu bằng danh từ chỉ thời gian trong năm, đó là “tháng năm”. “Tháng năm” là thời điểm gợi cho bạn đọc nhiều liên tưởng. Đó là mốc thời gian báo hiệu mùa hè đã về, gắn với những âm thanh, hình ảnh quen thuộc: tiếng ve kêu, hoa phượng nở,... Đó cũng là mốc thời gian gắn liền với tuổi học đường cùng những kỉ niệm buồn vui lẫn lộn. Danh từ “tháng năm” được tác giả dùng để mở truyện là một tín hiệu thâm mĩ dẫn dắt bạn đọc vào với nội dung của truyện: kể về một câu chuyện tình lãng mạn, gắn liền với mốc thời gian gợi cảm - tháng năm.

Ngược với thời gian tuyến tính là thời gian không theo trình tự tuyến tính, còn gọi là thời gian đảo tuyến được kể theo mạch hồi tưởng của nhân vật. Người kể có thể đảo ngược thời gian, có thể đan xen giữa các thời điểm mở truyện: hiện tại và quá khứ. Ví dụ:

Hôm nay mưa rét. Mỗi khi trời mưa rét Ninh lại nhớ đến bu. *Hồi bu còn sống*, những ngày mưa rét, không ra vườn hái trầu, bóc mía hay làm có được, bu hay mang cái bị giẻ và một ôm quần áo rách vào ổ rom ngồi vá. Bu Ninh khéo vá lắm. Những miếng vá đặt rất phẳng phiu, không răn rúm. Những mũi kim nhỏ đều đặn và thẳng tắp. Người vô ý trông không biết là áo vá. Mà bu Ninh vá thật là không biết sót ruột...

[Nam Cao - *Từ ngày mẹ chết*]

Hoặc:

Hôm nào cũng vậy, cứ khoảng ba giờ chiều là Bình có mặt ở quán rượu của lão Bầu Be. Cái quán thịt sâu trong ngõ hẻm, khách khứa toàn là dân tứ chiếng, người nào cũng bụi bặm và hôi hám y như lão chủ quán và gian hàng của lão ta. Bình thường chiếm chỗ ngồi riêng, sau chiếc bàn con ọp ọp kê sát cửa ra vào. Gã gọi một chén rượu suông. Mặc cho đám khách ngồi phía sau gã vừa uống vừa văng tục, đôi khi còn la hét ầm ầm, gã cứ ngồi lặng lẽ uống từng ngụm rượu nhỏ. Gã không nghiện. Gã uống mà không cần biết là mình đang uống và cứ giương đôi mắt lơ lơ nhìn chéch qua ngõ hẻm ra đường phố lớn. Đường phố này dài lắm, nhà Bình trước đây ở quãng giữa, nơi hè phố còn sót lại hàng cây sấu già, mùa hè đến là chú nhóc Bình lại mãi mê đi tìm bắt những chú ve non...

[Nguyễn Kiên - *Thuế làm người sang trọng*]

Cách kể theo thời gian đảo tuyến có tác dụng khắc sâu tâm trạng nhân vật. Cách kể này cũng tạo được sự bất ngờ, hấp dẫn đối với người đọc.

Việc lựa chọn thời điểm mở truyện còn có tác dụng rút ngắn hoặc kéo dài sự kiện trong truyện. Do đó so với truyện dài, yếu tố thời gian trong truyện ngắn rất quan trọng, nó làm nên đặc trưng của truyện kể, quyết định thời lượng, độ ngắn dài của truyện.

Tóm lại, việc xác định không gian, thời gian ở đoạn văn mở truyện vừa có ý nghĩa đối với sự sắp xếp bố cục truyện ngắn vừa có vai trò trong việc tạo dựng khung cảnh chung làm nền cho sự xuất hiện của nhân vật.

4.1.1.4. Đoạn văn mở đầu nêu tình huống

Tình huống được hiểu là hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. Thường thì tình huống mở đầu truyện ngắn là những tình huống đột ngột. Ví dụ:

Ông Tham nhà ta hôm nay mất cái ví trong đựng bốn mươi đồng bạc. Ngài làm dữ quá! Dữ đến nỗi không có ông cậu ruột ngài, là người

có thể lực can thiệp vào mà phát gắt lên, thì việc này quyết ra tận xăng - tan chứ chẳng chơi! Thằng xe, thằng bếp, con vú sợ xanh mắt, suýt phải trợn đờn sống cũng thành tật. Mà khốn nạn, ở trong bếp, đứa nọ đổ cho đứa kia, đứa thì xin đi thề, đứa thì quyết đi trình mật thám. Đứa nào cũng không muốn để chủ ngờ oan cho mình.

[Nguyễn Công Hoan - *Mắt cái ví*]

Truyện ngắn hiện nay có xu hướng mở truyện bằng cách giới thiệu tình huống rất cô đọng. Ví dụ:

(1) *Phà rời bến.*

Thành phố trên sông vào ban đêm huyền ảo và lung linh lạ thường. Đèn sáng loé trên các con tàu ra khơi đánh cá, những chiếc tàu lớn ghé vào cảng ăn than.

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Biên ảm*]

(2) *Chú út trở về.*

Người sung sướng nhất hẳn là nội tôi. Thoạt đầu bà không tin người đàn ông cao lớn để ria, mang kính cận đang ôm chầm lấy bà lại chính là thằng Sang sún, người tròn như củ khoai đã rời bà lên tàu ra Bắc khi vừa lên tám. Tay nội run run lần từ mặt xuống cổ xuống vai chú, miệng lắp bắp.

[Bích Ngân - *Đứa con*]

4.1.1.5. *Đoạn văn mở đầu nêu sự kiện*

Sự kiện được nêu trong đoạn văn mở đầu là những sự kiện làm tiền đề cho diễn biến tiếp theo của truyện. Mở truyện bằng cách nêu sự kiện là cách tác giả lôi cuốn người đọc vào câu chuyện đang xảy ra. Ví dụ:

Cuộc khám khùng cửri bắt đầu. Quan đã sức cho tất cả ban hội đồng và các hương chức trong làng phải làm chung. Tiên, thứ chi, lí, phó trưởng, và tất cả các người có chân trong ban hội đồng kì hào phải hợp sức với nhau, đi khám tất cả các nhà có công nghệ trong làng, xem đích thực mỗi nhà có bao nhiêu khùng cửri máy, khùng cửri tay, về làm

bàn kê khai rành mạch, đệ lên cho quan xét. Tờ sức rất rõ ràng. Và các cụ phen này hình như đã thề thật độc với nhau. Quyết làm việc rất phân minh. Cụ nào cũng thẳng băng; nhà nào có bao nhiêu khung thì khai bấy nhiêu thôi, bất cứ nhà ai chẳng vị nể gì. Ông tiên chỉ cũng vậy, mà thẳng bạch đình cũng vậy. Cụ chỉ biết cái trách nhiệm của mình rất lớn lao, và cũng muốn làm gương cho các cụ dưới noi theo, hăng hái chửi đũa nào còn ăn bản. Ăn bản. Nghĩa là thiên tư cho con cháu nhà mình, có ít xuýt ra nhiều, để mua sợi thật nhiều về lấy lãi ăn cho cái dạ thật đầy. Như vậy tất nhiên là bọn đàn em chúng nó kêu. Trước là rất tai mình. Sau là thiệt một mối lợi to của làng. Nghĩ khổ.

[Nam Cao - *Thôi đi về*]

Sự kiện được nêu lên ở đoạn văn mở đầu này là một việc rất bình thường trong đời sống hằng ngày ở nông thôn thời Pháp thuộc (khám khung cửi để làm căn cứ bán sợi) nhưng lại trở nên rất hệ trọng vì huy động cả bộ máy, toàn những nhân vật tai to mặt lớn trong làng. Cái gì thúc giục cả bộ máy ấy đi làm như vậy? Nguyên nhân chỉ là anh nọ sợ anh kia ăn bản mà phải giám sát lẫn nhau, “thề thật độc với nhau”. Sự kiện đặt ra ở đoạn văn mở truyện khiến người đọc phải buồn cười. Cách mở truyện như vậy rất hấp dẫn, kích thích tính tò mò, gây hứng thú cho người đọc phải tìm hiểu chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo.

Tóm lại, với chức năng định hướng nội dung, đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn có thể nêu chủ đề, định hướng triển khai chủ đề ở các đoạn văn tiếp theo, giới thiệu nhân vật, định vị không gian, thời gian, tình huống, sự kiện làm khung cảnh chung cho truyện. Mỗi nội dung được xác định ở đoạn văn mở đầu sẽ là tiền đề giúp bạn đọc định hướng nội dung của truyện và dễ dàng theo dõi diễn biến nội dung cốt truyện.

4.1.2. Định hướng về giọng điệu

Ngoài chức năng định hướng về nội dung, đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn còn có chức năng định hướng về giọng điệu. Giọng điệu là

“Thái độ, tình cảm, lập trường tư tưởng, đạo đức của nhà văn đối với hiện tượng được miêu tả thể hiện trong lời văn, quy định cách xưng hô, gọi tên, dùng từ, sắc điệu tình cảm, cách cảm thụ xa gần, thân, sơ, thành kính hay suồng sã, ngợi ca hay châm biếm.” [31, tr. 112]. M. B. Khravchencô cho rằng: “Đề tài, tư tưởng, hình tượng chỉ được thể hiện trong một môi trường giọng điệu nhất định đối với đối tượng sáng tác, đối với các mặt khác nhau của nó.” [44, tr. 294]. Nhà văn nào khi sáng tác cũng cố gắng thể hiện giọng điệu riêng của mình vì “nền tảng của giọng điệu là cảm hứng chủ đạo của nhà văn.” [69, tr. 111]. Vì vậy, cùng theo xu hướng hiện thực trào phúng nhưng Nguyễn Khuyến và Tú Xương khác nhau, cũng như cùng viết theo phương pháp hiện thực phê phán nhưng Nguyễn Công Hoan và Nam Cao không giống nhau.

Giọng điệu là “một yếu tố đặc trưng của hình tượng tác giả trong tác phẩm.” [69, tr. 111]. Giọng điệu “phản ánh lập trường xã hội, thái độ tình cảm và thị hiếu thẩm mỹ của tác giả, có vai trò rất lớn trong việc tạo nên phong cách của một nhà văn và có tác dụng truyền cảm cho người đọc. Thiếu một giọng điệu nhất định, nhà văn chưa thể viết ra được tác phẩm, mặc dù đã có đủ tài liệu và sắp xếp trong hệ thống nhân vật.” [31, tr. 113].

Là đơn vị đầu tiên trong toàn bộ kết cấu truyện ngắn, đoạn văn mở đầu truyện đã thể hiện phần nào giọng điệu của nhà văn, giúp nhà văn định hướng cách viết, giúp người đọc bước đầu cảm nhận giọng điệu của nhà văn, đồng thời cuốn hút sự chú ý của người đọc đối với tác phẩm.

Để làm rõ chức năng định hướng về giọng điệu ở đoạn văn mở đầu truyện ngắn, chúng tôi xin được phân tích một số đoạn văn mở đầu của hai nhà văn bậc thầy về truyện ngắn Nguyễn Công Hoan và Nam Cao.

4.1.2.1. Giọng điệu mở đầu truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan

Từ góc nhìn phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội, từ quan niệm cuộc đời “là một sân khấu hài kịch”, Nguyễn Công Hoan đã đưa

vào truyện ngắn của mình nhiều yếu tố hài hước có kịch tính rất dí dỏm. Cái hài hước được bật ra từ những chi tiết, những hình ảnh trong truyện. Để định hướng giọng điệu cho toàn bộ cốt truyện cũng như nhằm thu hút sự chú ý của độc giả, ngay từ đoạn mở đầu của truyện, tác giả đã chọn cách đặt vấn đề rất hấp dẫn. Chúng ta có thể kể ra một số trường hợp điển hình sau:

- Yếu tố hài hước thể hiện trong cách miêu tả nhân vật

Nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Công Hoan rất phong phú: nông dân, đờn ả, kẻ cắp, anh xâm, phu xe, địa chủ, cường hào, quan lại, chánh phó lí, nhà văn, nhà báo, nhà giáo,... Với đoạn văn mở truyện, Nguyễn Công Hoan đã hé mở cho người đọc thông tin đầy ấn tượng về nhân vật và khiến người đọc không khỏi bật ra tiếng cười. Đó là một “me Tây” với những nét kịch côm: “Bà chủ là một me tây đủ cung cách, nghĩa là bà cũng có một đôi má chày, một cái mồm đỏ, một hòm khăn châu áo ngự và một thằng bếp đẹp trai. Bà lại còn có cái kèn hát chạy điện, cả ngày vô tình làm phúc cho hàng xóm được nghe nhờ, từ điệu nhảy đầm đến bài niệm phật.” [*Bà chủ mắt trộm*]. Hoặc là một “quan bà” với lai lịch bất hảo: “Sau năm năm chuyên môn khảo cứu các thớ thịt đàn ông, cái Bông đã biết đặt cái sắc đẹp của mình vào những công cuộc khai mớ.” [*Đàn bà là giống yếu*]. Một “ông chủ” có cái thú đặc biệt: “Ông vừa mới mua được con mèo tam thể. Ông mê man lên về với con vật ấy. Quên cả nục và mệt, ông bỏ giấc ngủ trưa. Suốt buổi, ông ngồi xôm trước cũi để ngắm mèo, như người ta ngắm “mèo gái” vậy.” [*Quyền chủ*]. Và đây là sự đam mê của chú lính lẳng lơ: “Chú lính cơ Ván - cách, cứ buổi chiều, ngồi trên phản trong trại, trông ra ngoài mảnh mảnh, thì cũng cho đôi mắt được một bữa tiệc no nê bằng cuộc ngắm những chị đi gánh nước ở giếng trong huyện.” [*Thật là phúc*].

- Yếu tố hài hước được thể hiện trong các tình huống mở truyện

Có thể nói cách mở truyện bằng việc tạo ra tình huống ở Nguyễn

Công Hoan rất đặc sắc.

Nguyễn Công Hoan thường tạo ra những tình huống hài hước bằng cách mở phản đề. Mở phản đề, là cách mở đi ngược lại với vấn đề đang đặt ra. Kiểu mở phản đề xuất hiện trong nhiều truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan như: “*Đồng hào có ma*”, “*Kêu! Cô gái tân thời*”, “*Thằng Quýt*”, “*Thịt người chết*”,... Chẳng hạn, mở đầu truyện “*Đồng hào có ma*”, Nguyễn Công Hoan nêu lên một nghịch lí để khéo léo đã kích - những ông quan béo khỏe do thích “ăn bẩn” chứ không thích “ăn sạch”: “Tôi cực lực công kích sách vệ sinh đã dạy ta ăn uống phải sạch sẽ, nếu ta muốn được khỏe mạnh, béo tốt. Thuyết ấy sai. Trăm lần sai! Nghìn lần sai! Vì tôi thấy sự thực, ở đời này, bao nhiêu những anh béo, khỏe, đều là những anh thích ăn bẩn cả.” Sau đó, ông lấy trường hợp huyện Hình để chứng minh: “Thì đây, các ngài hãy cứ nhìn ông huyện Hình hẳn các ngài phải chịu ngay rằng tôi không nói đùa.”

Để phê phán việc làm táng tận lương tâm của bọn quan lại mà tiêu biểu là tên Tri huyện tư pháp trong truyện “*Thịt người chết*”, Nguyễn Công Hoan đã mở truyện bằng một câu giải thích ngược đời, pha thêm chút hài hước đắng cay: “Vì mới chết lần này là lần đầu nên anh Xích chưa có lịch duyệt về khoản ấy.” Sau đó, ở đoạn văn tiếp theo, để chứng minh cho sự chưa lịch duyệt ấy, tác giả đã đưa ra lí luận rất khác thường: “... Thực vậy, nếu chết ở tỉnh, thì ai lấu, nên chọn vào đêm thứ sáu. Như thế, vợ con có vừa vặn thì giờ để cáo phó lên báo. Và đến chủ nhật, cất đám, có đủ các cụ, các quan, các ông, các bà, thân bằng cố hữu đi đưa đông. Ở nhà quê, nếu chết vì tai nạn, người khôn ngoan bao giờ cũng tránh ngày chủ nhật hoặc ngày lễ, thì sự khám xét tổng táng mới mau chóng được.”

Ở truyện “*Thằng Quýt*”, Nguyễn Công Hoan tố các những ông chủ, những bà chủ bòn công rút thịt dựa ở một cách tàn bạo. Truyện được mở đầu bằng một câu hỏi mang tính chất phủ nhận để mà khẳng định: “Xưa nay, người ta chỉ thường được nghe thấy bọn thằng Quýt.

con đòi kẻ lẻ ông Tham nó ác, bà Phán nó nghiệt, chứ đố ai nghe thấy các ông bà chủ phàn nàn đũa ở ác nghiệt bao giờ?”. Nhìn chung những truyện được mở theo kiểu phàn đề như trên thường được Nguyễn Công Hoan sử dụng để đá kích quan lại hay ông chủ, bà chủ ác nghiệt.

Ngoài mở phàn đề, Nguyễn Công Hoan còn mở truyện bằng cách tạo ra những tình huống có vấn đề. Tình huống mà tác giả đặt ra ở đây là những tình huống như đã được dàn sẵn, được bố trí trước. Vào truyện tác giả lôi cuốn ngay người đọc vào một sự việc đang diễn ra. Truyện được bắt đầu từ đâu tác giả không cần quan tâm, coi như sự việc tình huống đó đã xảy ra từ trước và khi mở truyện ông bắt đầu từ việc nêu tiếp tình huống để phần sau của truyện giải quyết tình huống ấy.

Ví dụ, truyện ngắn “*Kếu! Cô gái tân thời*” được mở đầu bằng một nửa câu ghép: “... Nhưng cô có nhận cái tên ấy đâu!” Chi cần một nửa câu ghép mang tính chất phủ nhận gây cười này, Nguyễn Công Hoan đã khơi gợi tâm lí tò mò của người đọc muốn tìm hiểu cội nguồn của câu chuyện.

Truyện ngắn “*Mất cái ví*” của Nguyễn Công Hoan đưa đến cho người đọc một tình huống đột ngột đã được dàn dựng sẵn - tình huống ông chủ Tham mất ví: “Ông Tham nhà ta hôm nay mất cái ví trong đựng bốn mươi đồng bạc. Ngài làm dữ quá! Dữ đến nỗi không có ông cậu ruột ngài, là người có thể lực can thiệp vào mà phát gắt lên, thì việc này quyết ra đến tận xăng - tan chứ chẳng chơi! Thằng xe, thằng bếp, đũa nọ đồ cho đũa kia, đũa thì xin đi thề, đũa thì quyết đi trình mật thám. Đũa nào cũng không muốn chủ ngờ oan cho mình.” Xuất phát từ tình huống này, phần tiếp theo truyện ngắn tập trung giải quyết tình huống ấy.

Một trong những yếu tố cơ bản dẫn đến sự hấp dẫn của truyện ngắn Nguyễn Công Hoan nói chung và đoạn văn mở đầu nói riêng phải là nghệ thuật dùng từ, đặt câu của tác giả. Nguyễn Công Hoan ưa dùng câu

văn ngắn. Nhà văn lí giải: “Tôi thường cố gắng sao cho câu văn của tôi được gọn, gãy và rõ. Cho nên tôi chỉ đặt những câu ngắn... Câu văn ngắn thì nó nhẹ. Người đọc nó được nghỉ, được thở luôn, sẽ không thấy mệt, và không oán người viết.” [39, tr. 385].

Phần lớn các đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn Nguyễn Công Hoan được cấu tạo bởi các câu đơn, ngắn gọn kết hợp với nhau một cách chặt chẽ. Chẳng hạn, đoạn văn mở đầu sau, được kết hợp bởi 3 câu đơn rất ngắn:

Mưa phùn. Gió bắc. Rét buốt đến tận xương.

[*Báo hiếu trả nghĩa cha*]

Trong trường hợp câu có cấu trúc dài, để cho câu ngắn gọn, dễ đọc, bao giờ tác giả cũng tách câu ra thành các vế ngắn. Câu văn ngắn thì mạch văn đi nhanh, nội dung đến người đọc cũng nhanh hơn. Ví dụ:

(1) Dạy học là một nghề khó nhọc. (2) Dạy lớp Đồng - ấu lại khó nhọc gấp mười. (3) Trẻ con phần nhiều đãng trí hay quên, có khi tay cầm quản bút, nhưng lại mách thầy là anh nào ăn cắp. (4) Có khi lọ mực móc dây vào ngón tay, nhưng lúc hứng, cứ như thế đưa cả lên đầu mà gãi! (5) Lại có đứa thò lò mũi xanh. (6) Có đứa mãi chơi, đi mô tô ra quần lúc nào không biết. (7) Quần áo thì bản thiu, hôi thối, đất cát, mồ hôi bê bết nhễ nhại cáu ghét hàng tầng. (8) Trong lớp thì hơi người tanh nồng lên. (9) Không trách Tây người ta gọi lớp ấy là ăng - phăng - tanh cũng phải.

[*Thầy cáu*]

Trong ví dụ trên, các câu (3), (4) và (5) được tách từ câu (2). Bản thân các câu này và câu (7) cũng được tách thành các vế ngắn nhờ các dấu phẩy.

Vì có sở trường viết câu ngắn nên trong cách mở đầu truyện ngắn, Nguyễn Công Hoan có cách đặt vấn đề rất gọn. Và có lẽ cũng vì vậy mà ngoài cấu trúc mở đầu là những đoạn văn bình thường được cấu tạo bằng những câu văn ngắn thì cấu trúc đoạn văn đặc biệt là cấu trúc mở

đầu phổ biến trong truyện ngắn của ông. So với cấu trúc mở đầu trong truyện ngắn của các nhà văn khác thì cấu trúc mở đầu là đoạn văn đặc biệt ở truyện ngắn Nguyễn Công Hoan chiếm tỉ lệ cao nhất (31/105=33% trong tổng số đoạn văn mở đầu truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan). Điều này càng chứng tỏ Nguyễn Công Hoan là người ưa sự ngắn gọn và thích tạo ấn tượng với người đọc. Chẳng hạn với một loạt đoạn văn mở truyện sau, người đọc không thể không có ấn tượng:

(1) ... Nhưng cô có nhận cái tên ấy đâu!

[*Kêu! Cô gái tân thời*]

(2) ... Và bụi. Và tanh. Và ồn ào. Và hơi người. Và chen chúc...

Chợ họp mỗi lúc một đông.

[*Bữa no...đòn*]

(3) Từ chiều, lại bắt đầu trở rét.

Gió.

Mưa

Não nùng.

[*Anh Xâm*]

(4) Vì mới chết lần này là lần đầu nên anh Xích chưa có lịch duyệt về khoản ấy.

[*Thịt người chết*]

Như vậy, đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn Nguyễn Công Hoan vừa ngắn gọn, dễ hiểu vừa có sức hấp dẫn người đọc. Nó là điểm nhấn đầu tiên thu hút sự chú ý của người đọc bước vào nội dung chính của truyện. Nó là điểm khởi nguồn đầu tiên thể hiện rõ chất giọng của tác giả. Đó là giọng điệu hài hước, dí dỏm, được diễn tả bằng ngôn ngữ giản dị, trong sáng, dễ hiểu. Đó cũng là nét đặc trưng trong giọng điệu của Nguyễn Công Hoan. Giọng điệu này được khơi nguồn, định hướng ngay ở đoạn văn mở đầu và làm thành mạch liên tục trong suốt truyện ngắn. Điều đó làm nên những truyện ngắn trào phúng độc đáo. Với những truyện ngắn trào phúng xuất sắc của mình, Nguyễn Công Hoan

đã thực sự trở thành “nhà văn lớn”, “tiêu biểu”, “xuất sắc”, là “người mở đường”, là “lá cờ đầu của dòng văn học hiện thực phê phán Việt Nam”, và xứng đáng là “nhà văn bậc thầy” của truyện ngắn Việt Nam.

4.1.2.2. Giọng điệu mở đầu truyện ngắn của Nam Cao

Nam Cao là nhà văn xuất sắc của dòng văn học hiện thực phê phán. Là người có ý thức trách nhiệm về ngòi bút của mình, Nam Cao quan niệm: “Sự cầu thả trong bất cứ nghề gì là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cầu thả trong văn chương thì thật là đê tiện...” [*Đời thừa*]. Từ quan niệm về nghệ thuật như vậy, Nam Cao đã đưa hiện thực cuộc sống vào trong trang sách của mình bằng một giọng điệu riêng, không lẫn với bất cứ một nhà văn nào khác. Là một nhà văn giàu lòng trắc ẩn với những con người cùng khổ nhưng Nam Cao không trực tiếp bộc lộ tình cảm yêu ghét của mình mà ẩn dấu nó dưới một giọng điệu có vẻ là *lạnh lùng, tàn nhẫn*, đúng như nhận định của Bùi Công Thuận: “Đọc Nam Cao ít khi gặp giọng văn mềm mỏng, âu yếm”, “Câu văn của Nam Cao dường như không truyền tình cảm, không diễn đạt tình cảm, nó còn có vẻ cộc và khô gằn như đóp chất - đó là chất giọng riêng của Nam Cao.” [81, tr. 61]. Chất giọng ấy được Nam Cao định hướng ngay từ phần mở truyện và được thể hiện chủ yếu ở việc giới thiệu nhân vật và nêu sự kiện.

Nhân vật được giới thiệu ở đoạn văn mở đầu truyện ngắn của Nam Cao chủ yếu là người nông dân bị bần cùng hoá ở nông thôn và người tiểu tư sản nghèo ở thành thị. Với một thái độ lạnh lùng đến cay nghiệt nhưng mang đầy nỗi xót thương của Nam Cao, nhân vật được ông giới thiệu ở đoạn văn mở truyện hiện lên thật hài hước. Đó là những nhân vật xấu xí về tên gọi, méo mó về hình dạng. Nhân vật thường được gắn với những tên gọi rất xấu như Lang Rận, Trạch Văn Đoànli, Chí Phèo,... hoặc được gọi bằng những đại từ khinh thị như: “y, hắn, nó”,... Chẳng hạn khi đọc những dòng mở truyện sau đây, người đọc không khỏi bật ra tiếng cười vì những tên hiêm có: “Ông cụ Đầu chả lẫn thân

mà lại thế. Tự nhiên đi rước cái anh cu *Lang Rận* ấy về” [*Lang Rận*], hoặc: “Ngay cái tên cũng khó nghe rồi. Thà cứ là Kèo, là Cột, hay là Hạ, là Đông. Là gì cũng còn dễ nghe. Nhưng hấn ta lại là Trạch Văn Đoàn. Nghe như súng thần công. Nó chọc vào lỗ tai” [*Đôi móng giò*]. Có khi nhân vật được Nam Cao giới thiệu lên với một hình dạng *méo mó, khắc khổ*: “Từ ngừng mặt lên nhìn Hộ ba lần. Ba lần Từ muốn nói nhưng lại không dám nói. Hấn đang đọc chăm chú quá, đôi lông mày rậm của hấn châu đầu lại với nhau và hơi xéch lên một chút. Đôi mắt sáng quắc như có vẻ lồi ra. Cái trán rộng hơi nhăn, đôi lông quyen đứng sừng sững trên cái hố sâu của má thì bóng nhẫy. Cả cái mũi cao và thẳng tắp cũng bóng lên như vậy... Cái mặt hốc hác ấy, nghiêng nghiêng bên trên quyen sách, trông khắc khổ đến dữ tợn... [*Đời thừa*].

Trong đoạn văn mở đầu một số truyện, Nam Cao còn giúp người đọc nhìn nhận phần nào tính cách nhân vật bằng những chi tiết, những hình ảnh rất hài hước nhưng cũng rất thương tâm. Đó là hình ảnh Chí Phèo, một nhân cách tha hoá bị cả xã hội ruồng rẫy, chối từ. Tiếng chửi của Chí trong cơn say được miêu tả ở đoạn văn mở truyện đã để lại cho người đọc nhiều ấn tượng nhất. Đó là hình ảnh người cha đê tiện, mất nhân cách trong truyện “*Trẻ con không được ăn thịt chó*”. Xót xa hơn khi tính cách nhân vật gắn liền với miếng ăn, gắn liền với cái đói. Vì “miếng ăn con người mất nhân cách.” [87, tr. 31]. Ngay từ đoạn mở truyện, Nam Cao đã cho bạn đọc thấy rõ điều đó. Chẳng hạn, mở đầu truyện “*Tư cách mõ*”, sự đê tiện của nhân vật chủ yếu được bộc lộ rõ ở miếng ăn: “Bây giờ thì nó đã trở thành mõ hấn rồi. Một thằng mõ đủ tư cách mõ, chẳng chịu kém anh mõ chính tông một tí gì: cũng đê tiện, cũng lầy lã, cũng tham ăn. Hơi thấy nhà nào lách cách mâm bát là hấn đến ngay. Hấn ngồi tít ở ngoài xa ngay chỗ cổng vào. Người ta bung cho một mình hấn một mâm. Hấn tráo tráo ngồi ăn. Ăn xong còn thừa bao nhiêu trộn tất cả vào, lấy lá đùm thành một đùm to bằng cái vế đùi, để đem về cho vợ con. Có khi hấn còn xán đến chỗ người ta thái thịt,

dỗ xôi, lấy cắp, hoặc xin thêm một dùm to nữa...” Hoặc mở đầu truyện “*Nửa đêm*”, bản chất của nhân vật (Trương Rự) được Nam Cao miêu tả, giới thiệu khá rõ. Từ một nông dân hiền lành, Rự đã trở thành một tên ăn cướp tha hoá bản thiện: “Tên thật của hắn rất hiền lành: Rự. Lê Văn Rự... Nhưng từ khi hắn xoay sang nghề ăn cướp thì hắn thành ông Thiên Lôi... Những khi bọn anh em tụ tập bàn định tìm một nhà nào để đánh, Rự không bao giờ bàn một tiếng, hắn chỉ chúí đầu vào uống rượu và ăn cơm...”. Có thể nói, miêu tả nhân vật *xấu xa* đến mức tột cùng với một ngôn ngữ *cay nghiệt* là một nét riêng trong chất giọng của Nam Cao.

Ngoài miêu tả nhân vật, việc nêu sự kiện hiện tượng ở đoạn văn mở truyện cũng góp phần thể hiện giọng điệu của Nam Cao. Trước một sự kiện hiện tượng, Nam Cao chỉ tập trung vào miêu tả bằng những câu văn ngắn gọn, không bộc lộ chút tình cảm nào. Chẳng hạn, mở đầu truyện “*Một bữa no*”, Nam Cao giới thiệu với bạn đọc gia cảnh của bà lão Thụ bằng một thái độ dửng dưng: “Bà lão ấy hò con suốt một đêm. Bao giờ cũng vậy cứ hết đường đất làm ăn bà lại hò con. Làm như chính tự con bà nên bây giờ bà phải đói. Mà cũng đúng như thế thật. Chồng bà chết từ khi nó mới lọt lòng ra. Bà thất lung buộc bụng, nuôi nó từ tấm táng tí tí trở đi. Cũng mong đến khi mình già, tuổi yếu mà nhờ. Thế mà chưa cho mẹ nhờ được một li, nó đã lăn cổ ra chết. Công bà thành công toi”. Mở đầu truyện “*Một truyện Xú-vơ-nia*”, Nam Cao miêu tả sự việc Hàn sắp làm thật đáng sợ: “Những quân ăn cướp, bao giờ ăn cướp một nhà nào, cũng thăm đất trước. Hàn cũng vậy, hắn sắp làm một việc như ăn cướp...”

Một đặc điểm góp phần thể hiện giọng điệu của Nam Cao là đoạn văn mở đầu truyện ngắn của ông thường cấu tạo bởi những câu đơn ngắn gọn. Để cho câu văn ngắn gọn, sắc cạnh, ông thường dùng phép tách câu.

Nhìn chung, đoạn văn mở đầu truyện ngắn của Nam Cao đã định

hướng được chất giọng cố ý lạnh lùng của một ngòi bút sục sôi, một trái tim nhân hậu, giàu lòng thương yêu đồng loại. Với chức năng định hướng giọng điệu, đoạn văn mở đầu là dấu hiệu đầu tiên giúp bạn đọc có thể nhận ra giọng điệu của nhà văn.

Tóm lại, qua sự tìm hiểu và phân tích một số giọng điệu mở đầu của các tác giả truyện ngắn nói trên, có thể thấy: mỗi nhà văn đều có cách nhìn, cách cảm nhận khác nhau về hiện thực cuộc sống và thể hiện trong truyện bằng một giọng chủ đạo duy nhất. Giọng điệu được xem là một trong những yếu tố cơ bản quyết định sự thành công của tác phẩm. Vì thế, việc định hướng giọng điệu mở đầu trong truyện ngắn là hết sức cần thiết. Nó không những giúp nhà văn định hướng chất giọng cho toàn cốt truyện mà còn là một trong những điều kiện đầu tiên khẳng định sức hấp dẫn của truyện đối với độc giả.

4.2. Chức năng của đoạn văn mở đầu đối thoại

4.2.1. Định hướng về nội dung

4.2.1.1. Đoạn thoại giới thiệu nhân vật

Nhân vật trong đoạn thoại là những nhân vật trực tiếp tham gia giao tiếp. Phần lớn đó là những nhân vật chính của truyện. Các nhân vật này được giới thiệu khái quát qua lời dẫn truyện hoặc qua các lời thoại. Ví dụ:

Nghiêm đang lâm vào cảnh chết đói dờ thì may gặp Soan được cô mách cho việc làm. Buổi chiều chạng vạng, Nghiễm đi thất thểu trên đường phố huyện, cái bụng lép kẹp. đầu óc rỗng không. Anh nhìn Soan ngớ ngẩn:

- À cô Soan, cô vẫn ở với ông Phàn chứ? Nghe nói ông chú cô quý hoá, chiều chuộng cô lắm lắm, sao cô lại thiếu ăn ừ ê thế?

Soan im lặng nhưng cô vẫn đứng chắn trước mặt Nghiễm. Đạo anh đi đóng gạch thuê ở gần nhà ông Phàn, thỉnh thoảng anh có gặp Soan quẩy đôi thùng gánh nước đi ngang qua bãi phơi gạch mộc. Đám thợ trẻ thường buông lời chòng ghẹo Soan. Riêng Nghiễm thì không và

những lúc sự chòng gheo đi tới chỗ sảm sỡ quá đáng, anh còn đứng ra che chở cho Soan. Soan thờ dài khẽ hỏi anh:

- Dạo này anh làm gì?

- Chẳng làm gì!

Soan im lặng, cô di đầu ngón chân xuống nền hè phố, mãi một lúc sau mới bộc lộ quả quyết:

- Ông chú em đang cần một người giúp việc... Em giới thiệu anh, anh nhận thì hay quá... Là em muốn nói hay cho em. Em sẽ có người đáng tin cậy để có thể than thở.

[Nguyễn Kiên - *Ai đưa em đến chốn này*]

Đoạn thoại mở truyện trên giới thiệu 3 nhân vật: anh Nghiễm, cô Soan, ông Phàn (ông chú của Soan). Đây là những nhân vật chính của truyện.

4.2.1.2. Đoạn thoại xác lập quan hệ vai giao tiếp giữa các nhân vật

Theo Đỗ Hữu Châu, quan hệ vai giao tiếp là “quan hệ giữa các nhân vật giao tiếp đối với chính sự phát, nhận trong giao tiếp.” [17, tr. 17]. Quan hệ vai giao tiếp giữa các nhân vật trong truyện ngắn gồm nhiều mối quan hệ đan xen nhau như: quan hệ trong gia đình (bố, mẹ - con cái, người thân,...); quan hệ ngoài xã hội: quan hệ thầy - trò, quan hệ cấp trên - cấp dưới, quan hệ giữa người lớn tuổi với người ít tuổi, quan hệ giữa nam với nữ,... Các quan hệ này được xác lập ở đoạn thoại mở truyện chủ yếu bằng hệ thống các từ xưng hô mà nhân vật dùng để giao tiếp với nhau.

Khi nói đến từ xưng hô, người ta thường đề cập đến hai nhóm: đại từ xưng hô và danh từ thân tộc chuyên hoá thành từ xưng hô. Đại từ xưng hô bao gồm các đại từ ở các ngôi thứ nhất (tôi, tao, mình, tớ, chúng tôi, chúng tao,...), ở ngôi thứ hai (mày, mi, chúng mày,...), ở ngôi thứ ba (nó, hắn, y, chúng nó,...),... Ngoài ra từ xưng hô còn có thể là các danh từ chỉ quan hệ thân tộc (anh, em, chú, bác, cô, dì, cậu,

mợ,...) hay các từ chỉ nghề nghiệp (lính, giáo viên, y sĩ, bác sĩ, kỹ sư,...), chỉ chức vụ (thủ trưởng, sếp, bí thư, chủ tịch,...),...

Việc sử dụng các từ xưng hô trong lời thoại của nhân vật ở đoạn thoại mở đầu giúp người đọc xác lập quan hệ vai giao tiếp giữa các nhân vật trong truyện. Chẳng hạn:

+ Quan hệ gia đình

Rửa xong bát đĩa, Sáng cầm đèn hoa kì vào buồng đặt trên mặt hòm, rồi mở màn, bảo mẹ:

- *Bu* ở nhà, *con* đi đặng này một tí nhé.

Bà, giờ như đoán được ý con, cựa mình nằm quay mặt ra ngoài rên rí nói:

- Thôi *con* ạ, không thuốc thang gì nữa đâu...

[Nguyễn Công Hoan - *Sáng, chị phu mò*]

+ Quan hệ ngoài xã hội

Hoàng nhăn trán, nhìn tôi vừa dò hỏi vừa có ý luận bàn:

- Gọi là gì được nhi, *ông*? Con sen, người ở thì không được. Có phải là tôi đòi, đầy tớ chuyên hầu hạ *mình* đâu...

Tôi ước:

- Thì nó là gì ta gọi toẹt ra thế. *Anh* thuê người ta về để giúp việc gia đình...

- Hay! - Hoàng cướp lời tôi, tán thưởng: - Có lẽ thế mà hay. *Mình* thuê bà cụ về giúp việc. Thì gọi luôn là người giúp việc cho nó dễ hiểu...

[Ma Văn Kháng - *Người giúp việc*]

Trong việc sử dụng từ xưng hô của các nhân vật ở các lời trao và lời đáp có khi lời trao sử dụng từ xưng hô, nhưng lời đáp lại dùng lối xưng hô trống không hoặc ngược lại. Đó là những trường hợp chỉ quan hệ ngang hàng, thân mật, hoặc quan hệ giữa cấp trên với cấp dưới, giữa người lớn tuổi với người ít tuổi, quan hệ giữa những người thân trong gia đình,... Để xác lập quan hệ giao tiếp giữa các nhân vật trong trường

hợp này, phải dựa vào cách xưng hô đã được xác định ở lời trao hoặc lời đáp. Chẳng hạn:

Trong quan hệ vợ chồng hoặc với người ít tuổi hơn, có thể không cần sử dụng từ xưng hô. Ví dụ:

Trả tiền xe xong, ngài ôm cái gói bọc giấy xanh, chẳng dây hồng, thoăn thoắt đến buồng khách, qua buồng ăn, ngó vào nhà tắm, rồi xuống bếp: su hào, bắp cải, bong bóng, nấm, mực còn bừa bãi, ngón ngang cả trên phần làm com. Ngài ngơ ngác hỏi:

- Bếp! Bà ở đâu?

Anh bếp ngơ ngác thưa:

- Bẩm, bà ở nhà ngoài.

Ngài càng ngơ ngác:

- *Không mà!*

Rồi ngài tìm lướt nữa: nhà tắm, buồng ăn, buồng khách. Ngài gọi to:

- Mợ đâu nhi?

Chẳng thấy vợ đâu, ngài sực nghĩ ra. Ngài chạy lên gác bật đèn lên. Thì quả nhiên bà nằm trên giường, đắp chăn kín mít.

- Kìa tôi tưởng mợ sắm sửa xong rồi. *Dậy đi, mau!*

[Nguyễn Công Hoan - *Xuất giá tòng phu*]

Các nhân vật có quan hệ với nhau theo cấp bậc, cương vị xã hội khi giao tiếp với nhau nhân vật nào giữ vai trò cấp bậc cao hơn, nhiều tuổi hơn có thể dùng từ xưng hô trống không. Ví dụ:

Ông huyện nghe nói thế nên vừa và được một miếng com, ông giật mình, vội bỏ bát xuống bàn, hỏi dồn:

- Đích thực à?

Thám tử chấp tay đáp:

- Lạy quan lớn, đích lắm. Con phải giả dạng làm người buôn cau, lẩn quẩn trong làng mất bốn hôm, khôn khéo lắm mới dò nổi tin này, mới dám về trình quan lớn. .

[Nguyễn Công Hoan - *Biểu tình*]

Trong quan hệ bạn bè gần gũi, nhân vật cũng có thể dùng xưng hô trống không. Ví dụ:

Cô kỹ sư nông nghiệp mang tên của giống chim làm cảnh, mới nghe đã thấy bé bỏng, như cần một sự che chở: Kim Tước. Ấy thế mà cô vừa làm cho cả hội nghị cán bộ trung đoàn xôn xao lên! Chưa ra khỏi hội trường, cánh trẻ đã hích nhau thì thầm:

- *Ngay râu ra chưa? Cứ tưởng "hoa lá cảnh" mà hôm nay hắc quá, lí lẽ cứ như kéo cò trung liên!*

- Chậc! Trung đoàn trưởng nhà mình lần đầu bị phê ra ngô ra khoai, mà người phê lại là một cô gái trẻ hơ hớ! Khi thế!

- *Rõ thật ghét của nào trời trao của ấy!*

[Nguyễn Khắc Trường - *Câu chuyện ngày đầu*]

Khi thể hiện thái độ không tôn trọng đối với đối tượng giao tiếp, nhân vật cũng có thể dùng từ xưng hô trống không. Ví dụ:

Tôi gặp lão lần đầu trong quán thịt chó của bà Tư béo, nơi tôi đến bỏ rượu gạo hàng chiều sau giờ đi làm. Lão xuất hiện với bộ dạng của một người đi đường, tay bị. tay mũ cối, gương mặt rỗ hoa lấm tẩm bụi đường và mùi hôi. Tưởng lão là người ăn xin, bà Tư đuổi như đuổi tà:

- *Đi ra! Để người ta bán, đừng có hãm tài.*

- Thưa bà, tôi không xin. Tôi tận Hà Bắc vào đây tìm người quen. Bà cho tôi hỏi... bà có biết người này.

Lão chìa ra mảnh giấy bọc ép ni lông như thẻ căn cước, ghi dòng chữ: Hai Xuân, người Bắc Ninh, có chồng tên Tuất. Sau năm 1975 có người gặp sinh sống ở Đà Nẵng.

- *Mơ hồ thế có trời biết! Không đường, không số nhà... Già rồi lắm lắm. Con cháu sáng suốt không sai đi tìm. Thôi đi chỗ khác. Đây cũng là dân ngụ cư thôi! Không biết!*

[Quế Hương - *Câu hát tìm nhau*]

Có thể nói, qua các từ xưng hô, người đọc có thể biết được quan hệ giữa các nhân vật được xác lập trong truyện. Đó có thể là quan hệ

gia đình hay quan hệ xã hội và mức độ quan hệ là thân hay sơ.

4.2 1 3. Đoạn thoại mở đầu định hướng chủ đề của truyện

Bất cứ đoạn thoại nào trong truyện cũng đều hướng tới một tiểu chủ đề nhất định. Đó là cái đích mà các nhân vật cùng hướng tới trong một đoạn thoại. Tuy nhiên khác với các đoạn thoại khác trong truyện, đoạn thoại mở đầu còn có khả năng định hướng chủ đề của truyện. Chủ đề này được thể hiện qua nội dung các lời thoại của nhân vật. Ví dụ:

Chiều tháng ba như hoa đang nụ, oi bức lạ lùng. Vừa dắt xe vào cổng, Lương đã nhìn thấy mẹ già còm cõi đứng ở giữa sân, quần thâm, ống thấp ống cao, tay chống nạnh, mắt đỏ đục, chân nhẩy tâng tâng, giọng the thé:

- Vâng chị tốt đẹp! Tôi thì tôi chịu chị, tôi hàng chị! Để anh ấy về anh ấy đối đáp với chị. À, anh ấy kia rồi! Ôi anh Lương ơi, anh về mà dạy vợ anh nhá!

Lương chưa hiểu đầu cuối, vừa kịp dừng lại, đã thấy văng ra từ trong bếp cái giọng xong xóc đối đáp quen thuộc của vợ:

- Này, già rồi, đừng có ăn không nói có, đừng để trẻ mỏ nó khinh cho nhé!

- Con nào ăn gian nói dối thì trời tru đất diệt nó.

- Chỉ được xoen xoét cái mồm là tài!

- Chị bảo ai xoen xoét cái mồm?

- Già rồi thì ăn nói từ tốn chứ sồn sồn thế à!

- Chị dám ăn nói với tôi thế à, chỉ có chó nó mới sồn sồn thôi, chị hiểu chưa?

[Ma Văn Kháng - *Bồ nông ở biển*]

Đoạn thoại trên thể hiện một tiểu chủ đề: nêu mối bất hoà trong quan hệ giữa mẹ chồng với nàng dâu. Các đoạn tiếp theo sẽ lí giải và phát triển chủ đề này thành chủ đề của truyện: xoay quanh mối quan hệ bất hoà về mẹ chồng nàng dâu, truyện đề cập đến vấn đề đạo đức trong gia đình, cách cư xử của con cái đối với cha mẹ.

4.2.1.4. Đoạn thoại mở đầu thể hiện thái độ của nhân vật trong giao tiếp

Lời nói thường biểu hiện tâm hồn tính cách của nhân vật. Qua nội dung lời thoại của nhân vật, người đọc có thể nhận ra thái độ tình cảm của nhân vật trong giao tiếp. Chẳng hạn, trong các đoạn thoại sau, thái độ của nhân vật được thể hiện trong từng lượt lời thoại:

Ví dụ 1:

- Đừng đi anh. Hãy tin em. Hãy tha lỗi cho em. Em yêu anh! - Hoài nức nở, ánh nước mắt loang loáng trên khuôn mặt có những nét rất đẹp nhưng thoáng vẻ nhàu nhò.

- Tôi không ở thêm một phút nào nữa. Vĩnh biệt cô. Lần cuối cùng xin cô đừng tìm tôi mà vô ích! - Chàng thanh niên ăn mặc bảnh bao, tóc cắt cao trông ra một chàng trí thức đở phùng phùng khuôn mặt, vơ cái túi trên bàn đi nhanh ra cửa.

- Đừng đi anh. Em xin anh. Hãy nghe em, em chưa biết van xin, chưa biết xin lỗi bao giờ. Nhưng lúc này em xin lỗi anh và van anh hãy tin em! (...)

[Nguyễn Thị Thu Huệ - *Xin hãy tin em*]

Trong ví dụ trên, thái độ của hai nhân vật thể hiện rất rõ: thái độ của cô gái là cầu khẩn, van xin sự tha thứ của người con trai. Thái độ của người con trai là lạnh lùng dửng dưng, dứt khoát thể hiện sự giận dữ.

Ví dụ 2:

- Em khổ lắm chị ơi!

Cái tát được bắt đầu bằng câu nói dẫm nước mắt ấy của Xuân, một nữ diễn viên trẻ đẹp và có nhiều triển vọng về tài năng nhất đoàn. Đứng trước cái biểu tượng đau khổ ấy là Hà, một nữ diễn viên cũng đẹp và tài năng không kém, chỉ hiềm một nỗi là không còn trẻ.

- Lại nó phải không? Hà hỏi.

- Vâng!... - Xuân nghẹn ngào gật đầu.

- Tao đã bảo trước mà! Nó có yêu ai bao giờ, tất cả đối với nó chỉ là tạm thời, là cảm xúc lửa gân rơm, là cảm hứng chiếm đoạt, là đi tìm khoái cảm lạ, là... - Hà hụt hơi dừng lại, mắt long lanh lên, má đỏ phừng phừng.

- Thôi... Em xin chị - Xuân rên lên và càng rữ người xuống.

[Chu Lai - *Cái tát sau cánh gà*]

Nội dung của đoạn thoại này xoay quanh sự suy nghĩ, đánh giá của hai nhân vật về một đối tượng cụ thể, với thái độ trái ngược nhau: Xuân thể hiện thái độ đau khổ trước sự lạnh nhạt của người yêu, còn Hà thể hiện thái độ cảm thông với Xuân và căm ghét kẻ đã gây đau khổ cho Xuân.

4.2.1.5. Đoạn thoại xác lập một số hành vi ngôn ngữ của các nhân vật

Khi giao tiếp các nhân vật bao giờ cũng sử dụng một số hành vi ngôn ngữ nhất định. Hành vi ngôn ngữ là những hành động ngôn ngữ của người tham gia đối thoại. Đó có thể là một yêu cầu, một lời đề nghị, một điều khẳng định,... Khảo sát các đoạn thoại mở truyện, chúng tôi nhận thấy các nhân vật trong truyện gần thường sử dụng một số hành vi sau: hành vi hỏi - đáp, hành vi đưa đẩy, hành vi khuyên bảo, hành vi bác bỏ, hành vi đề nghị, hành vi khen ngợi, hành vi cảm ơn,... Các hành vi ngôn ngữ này có thể có mặt trong tất cả các lời thoại nhưng cũng có thể chỉ có mặt ở một trong các lời thoại trong đoạn. Việc xác định các hành vi ngôn ngữ này ở đoạn văn mở đầu truyện có ý nghĩa trong quá trình tìm hiểu nội dung của đoạn thoại mở truyện nói riêng và nội dung cốt truyện nói chung. Sau đây là một số hành vi ngôn ngữ được thể hiện qua lời thoại của nhân vật ở đoạn thoại mở truyện:

+ Hành vi hỏi - đáp: Hành vi này được thể hiện khi người nói chưa rõ, chưa xác định một điều gì đó, mong muốn người nghe làm sáng tỏ bằng sự hồi đáp trở lại. Ví dụ:

Năm 20 tuổi tôi mới có mối tình đầu. Một lần đi bên nhau, người

yêu tôi đột nhiên hỏi:

- Em có yêu anh không?

Tôi lấy làm lạ. Sau những nụ hôn nồng nàn, thắm thiết, không lẽ anh không hiểu được tình cảm của tôi đối với anh. Tôi xẵng giọng trả lời:

- Không, chẳng bao giờ.

[Phạm Duy Kha - *Chiếc chìa khoá*]

+ Hành vi giới thiệu: Hành vi này được sử dụng khi có hai nhân vật gặp nhau lần đầu. Người nói đưa ra nội dung của lời là giới thiệu, nhằm xác lập mối quan hệ với người nghe. Ví dụ:

Ra sân bay đón chị hôm ấy là một người đàn ông đã đứng tuổi, dáng dấp bệ vệ, bận đồ com lê màu xám sẫm lịch sự được may cắt rất khéo tại một nhà hàng nổi tiếng ở Pari... Như đoán ra ý nghĩ của chị, người đàn ông lịch thiệp mỉm cười.

- Xin phép được tự giới thiệu, tôi là Lê Thành, tiến sĩ môi trường học, tôi vừa ở Pari bay sang để dự cuộc họp quốc tế về bảo vệ môi trường tổ chức ở đây. Chị là thành viên duy nhất của đoàn đại biểu Việt Nam mà tôi có vinh dự được đón hôm nay phải không?

Mặt đất dưới chân chị bỗng rung tròng trành khiến chị lão đảo muốn ngã. Có lẽ chị đã ngã thật nếu người đàn ông không nhanh tay đỡ lấy vai chị.

- Xin lỗi, có lẽ chị bị mệt, để tôi đưa chị vào nghỉ trong phòng đợi của sân bay.

- Cảm ơn! Xin cứ để mặc tôi!

[Vũ Thị Hồng - *Có một thời yêu*]

+ Hành vi bác bỏ: Hành vi này được thực hiện khi người nói đưa ra một hành động miêu tả, nghi vấn một vấn đề có liên quan đến người nghe. Người nghe tỏ thái độ không đồng tình, phản đối bằng cách phủ nhận nội dung lời người nói. Ví dụ:

Một hôm, đang giữa bữa ăn, con bé Thuý mười hai tuổi của vợ

chồng Đoan, bỗng đặt bát cơm xuống mâm, lơ lẻo hai con mắt, thảo lão:

- Bố mẹ ạ, hình như bác Thảo bác ấy sắp lên chơi nhà mình hay sao ấy! Đêm qua con ngủ mê, thấy bác ấy gọi cửa.

Vợ Đoan, mặt đang vui vẻ, nghe con gái nói, bỗng như bị dị ứng, nặng bình bịch, y gắt:

- *Mê với mê! nghe mà phát kinh!*

Không nhận ra thái độ khác thường của mẹ, Thuý ngênh má hồn nhiên tiếp:

- Tự dưng con thấy thế thật mà mẹ.

- *Ban ngày ban mặt đi xem các đám đánh chửi nhau ở phố, nên đêm mới mê thế chứ gì!*

- Con có ra phố chơi đâu nào!

- *Lại còn cãi! Thôi ăn đi..*

[Ma Văn Kháng - *Heo may, gió lộng*]

+ Hành vi đề nghị: Hành vi này được sử dụng khi người nói mong muốn người nghe thực hiện một hành động gì đó mà người nói cho là cần thiết. Ví dụ:

- Ngồi lui vào cật Chương!

- Em ngồi thế này là tốt lắm rồi.

[Ma Văn Kháng - *Thanh minh trời trong sáng*]

+ Hành vi cầu khiến: Hành vi này được sử dụng khi người nói đưa ra một phát ngôn, một yêu cầu nào đó, mong muốn người nghe thực hiện. Người nghe có thể thực hiện hoặc không thực hiện. Ví dụ:

- Anh về đi!

Chị giục, xiết chặt chiếc khăn dạ quàng trên vai vào người.

- Dừng với anh thêm một lúc nữa!

Đôi chân bòn chồn đôi chỗ. Lúng túng anh dứt tay vào túi áo khoác màu khôi, lấy ra bao thuốc lá, hai ngón tay thon mảnh nhón lấy một điếu...

- Có lẽ ta về thôi!

Chị quay mặt đi và nói:

- Thế cũng được.

[Thùy Linh - *Gió mưa gửi lại*]

+ Hành vi cảm ơn: là hành vi người nói thực hiện khi người nghe có biểu hiện tốt với mình, hoặc người nói đưa ra hành vi cảm ơn với mục đích lịch sự. Ví dụ:

Anh thanh niên làng chỉ một cái công gạch nhỏ, quay lại bảo tôi:

- Ngõ này đây, ông Hoàng ở đây.

- Cảm ơn anh nhé. Lát nữa tôi sẽ sang nhà anh chơi.

[Nam Cao - *Đôi mắt*]

+ Hành vi đưa đẩy: là hành vi được sử dụng khi nhân vật muốn hướng đối tượng giao tiếp vào nội dung mà mình cần quan tâm. Trường hợp này đối tượng giao tiếp tỏ ra như không chú ý tới người đang giao tiếp với mình. Hành vi này thường dùng các từ đưa đẩy như: *này, bác ơi, chị ơi,...* Ví dụ:

- *Bu ơi con đói...*

Lần này có lẽ là lần thứ mười, thằng cu Bé chạy về đòi ăn, chị đi Chuột đang quấy một nồi gì trong bếp, cúi tiết chạy ra mắng át nó đi:

- Đã bảo hết cơm rồi, tí nữa chè chín thì ăn chè mà!...

[Nam Cao - *Nghèo*]

+ Hành vi dặn dò: Hành vi này được sử dụng khi người nói đưa ra sự dặn dò muốn người nghe thực hiện hành động nào đó được xem là cần thiết. Người nghe sẵn sàng tiếp nhận, thực hiện hành vi dặn dò đó. Ví dụ:

Trước khi tôi đi chơi phố, bạn tôi lại dặn với thêm câu nữa rằng:

- Thế nào đến mười một giờ, anh cũng về ăn cơm với tôi nhé!

- Tôi không sai hẹn đâu, đến Hà Nội, tôi chẳng ăn ở đây thì ăn ở đâu?

[Nguyễn Công Hoan - *Xà lù*]

+ Hành vi khen ngợi: Hành vi này được sử dụng khi người nói có nhận định tốt về đối tượng. Người nói đưa ra nội dung của lời là khen ngợi, nhằm thừa nhận một sự thực hoặc củng cố quan hệ giữa người nói với người nghe. Ví dụ:

- Thành ra cái hồi cụ Ân nhà mất thì cậu mới có ba tuổi.

- Dạ.

- Thế cậu không rõ cái người phân kim cắm huyết cho cụ Ân hồi ấy là ai à?

- Dạ thưa không.

- Tôi thấy cậu là người còn ít tuổi, mà có chí như thế, tôi có bụng yêu. Bỏ cô cha, bỏ cô mẹ, sống cái tuổi thơ ấu giữa cảnh loạn lạc và nghèo túng, vậy mà vẫn có chí theo đuổi được việc sách đèn, tôi lấy làm khen lắm. Giá như con nhà khác thì hồng từ bao giờ rồi còn gì. Cái thiên lương của cậu tốt lắm.

[Nguyễn Tuân - *Ngôi ma cũ*]

Tóm lại, với chức năng định hướng về nội dung, đoạn thoại mở truyện thể hiện các nội dung sau: giới thiệu nhân vật, xác lập quan hệ vai giao tiếp của các nhân vật, xác lập một số hành vi giao tiếp của các nhân vật, thể hiện thái độ của nhân vật và định hướng chủ đề của truyện. Những nội dung này có thể có ở các đoạn văn khác trong truyện. Tuy nhiên ở vị trí mở truyện thì đây được xem là những nội dung cơ bản giúp cho người đọc định hình được phần nào chân dung nhân vật (về tên gọi, tính cách, thái độ); quan hệ giữa các nhân vật trong truyện: khái quát chủ đề của truyện;... Đó là những điều kiện cần thiết để người đọc theo dõi tiếp nội dung cốt truyện.

4.2.2. Định hướng về giọng điệu

Như trên đã trình bày, nhà văn nào khi sáng tác cũng cố gắng thể hiện giọng điệu riêng của mình. Ở đoạn văn mở đầu đơn thoại, giọng điệu của tác giả được thể hiện trực tiếp, rõ ràng qua lời đơn thoại. Trong đoạn văn mở đầu đối thoại, giọng điệu tác giả lại được thể hiện

gián tiếp thông qua lời thoại của nhân vật. Trong trường hợp này, nhà văn phải hoá thân vào nhân vật, phải có vốn ngôn ngữ thật phong phú để từ vốn đó mà chọn lọc, sửa sang, diễn đạt phù hợp với từng loại nhân vật. Lời thoại của nhân vật vừa mang tính cá thể, vừa thể hiện lối diễn đạt của lớp người mà họ đại diện, đồng thời cũng thể hiện giọng điệu của nhà văn. Ở những nhà văn tiêu biểu, dù đơn thoại hay đối thoại, người đọc cũng rất dễ nhận ra giọng điệu của nhà văn. Để làm sáng rõ điều này, chúng ta hãy tìm hiểu đoạn thoại mở truyện của hai tác giả tiêu biểu là Nguyễn Công Hoan và Nguyễn Tuân.

Giọng điệu cơ bản của Nguyễn Công Hoan là giọng hài hước, dí dỏm. Bất cứ khai thác mảng đề tài nào, dù đơn thoại hay đối thoại, sự lặp đi lặp lại của ông vẫn là sự nắm bắt một khía cạnh nào đó để châm biếm, gây cười - điều này làm cho chất giọng của Nguyễn Công Hoan không thể lẫn với một nhà văn nào khác. Ngay từ đoạn văn mở truyện, người đọc đã có thể cảm nhận được chất giọng của ông. Nhưng nếu như ở đoạn văn đơn thoại, yếu tố hài hước gây cười được ông chú trọng qua việc miêu tả nhân vật, nêu tình huống phi lí hay nghịch lí thì ở trong đoạn văn đối thoại, ông thường tạo ra tình huống đối thoại có xung đột để mở truyện. Chúng ta có thể dẫn ra đây một số truyện như: “*Hé! Hé! Hé!*”, “*Danh lợi lưỡng toàn*”, “*Biểu tình*”, “*Oăn tà roăn*”,... Nguyễn Công Hoan thật sự tài tình khi mở truyện bằng cách tạo ra những tình huống đối thoại độc đáo. Đó là những tình huống có tính kịch, có xung đột, gây cười. Ví dụ:

- Đây có phải nhà ông chủ ô tô “Con Cọp” hay không?

- Phải, ông hỏi gì?

- Thưa cụ, tôi hỏi thế này khi không phải, cụ có phải là cụ thân sinh ra ông chủ tôi không ạ?

- Không phải con vú già đây!

Người khách đương luống cuống sượng sùng vì sợ mình nhầm con vú già với mẹ ông chủ. thì trông thấy một người đàn bà béo tốt và trẻ ở

nhà trong đi ra sân. Muốn cho khỏi lằm lằm thứ hai, người khách hỏi ngay người vú:

- Kia có phải là bà chủ không?
- Không phải đấy là mẹ đấy.

[*Báo hiệu: trà nghĩa mẹ*]

Phân tích tình huống đối thoại và giọng điệu nhân vật ở đoạn này ta thấy, ở đây không còn là sự giao tiếp bình thường giữa khách và chủ mà thông qua ngôn ngữ và cách trả lời, người đàn bà tự xưng là “vú già” đã trút hết nỗi bức dọc và sự giận dữ lên đầu khách. Có thể nói giọng điệu của khách lịch sự bao nhiêu thì giọng điệu của bà cụ cục cằn bấy nhiêu: lời hỏi của người khách rất khách quan tự nhiên, nhưng lời đáp của bà cụ lại thể hiện thái độ khó chịu. Bà tự nhận mình là con vú già và gọi người đàn bà trẻ trong nhà là mẹ. Chính sự mâu thuẫn trong lời đối đáp của hai nhân vật này tạo nên tiếng cười dí dỏm.

Để tạo tình huống đối thoại mở truyện, trong mở đầu một số truyện ngắn, Nguyễn Công Hoan thường dàn dựng tình huống có sẵn: vào truyện, các nhân vật tiếp tục đối thoại với nhau. Thông qua ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật, người đọc vẫn cảm nhận được giọng điệu hài hước của tác giả. Ví dụ:

- Đấy, mợ xem, thế là nhục chứ còn thế nào nữa!
- Cậu cho là nhục, chứ tôi thì tôi không cần. Bất quá thỉnh thoảng buồn, tôi mới đi đánh canh chắn, rút canh bắt, và cũng là nể chị em người ta chèo kéo. Chứ giá có thua chút ít, cũng chưa đến nỗi tai hại nào. Chả hơn cậu vút tiền vào hội nọ hè kia để mà nghe chửi à?
- À, tôi không ngờ mợ ăn nói như thế, ăn nói như đồ vô giáo dục.
- Cậu bảo ai vô giáo dục? Cậu áp chế tôi vừa vừa chứ. Cậu có tự do cậu, tôi có tự do tôi. Cậu không thể cấm tôi được. Cậu đừng cậy làm nổi ông Tham mà bắt nạt vợ.

[*Danh lợi lưỡng toàn*]

Ở ví dụ trên, nội dung lời đối thoại của hai nhân vật đem đến cho

người đọc một nụ cười châm biếm: hai nhân vật giao tiếp với nhau cứ như con nhà khuôn phép - “cậu, cậu, mợ, mợ” rất chuẩn mực nhưng nội dung là sự khinh bỉ, ría móc, xem thường lẫn nhau. Ở đây, Nguyễn Công Hoan đã khai ra bản chất đê tiện, giả dối của tầng lớp thượng lưu bằng một giọng điệu hài hước, châm biếm.

Nếu như qua đoạn thoại mở truyện của truyện ngắn Nguyễn Công Hoan, người đọc cảm nhận được phần nào chất giọng hài hước châm biếm của tác giả thì trong đoạn thoại mở đầu truyện ngắn của Nguyễn Tuân, người đọc lại cảm nhận thấy một chất giọng nhẹ nhàng mang màu sắc cổ kính, trang trọng.

Đoạn thoại mở truyện trong truyện ngắn Nguyễn Tuân thường không có kịch tính. Lời thoại của các nhân vật, dù là của người già, người trẻ, người có chức sắc hay không có chức sắc, của quan ngục hay tù nhân,... ở trong bất cứ hoàn cảnh giao tiếp nào cũng toát lên giọng điệu nhẹ nhàng mang màu sắc cổ kính trang trọng.

Xét đoạn thoại mở truyện sau:

- Thành ra cái hồi cụ Án nhà mất thì cậu mới có ba tuổi.
- Dạ.
- Thế cậu không rõ cái người phân kim cầm huyết cho cụ Án hồi ấy là ai à?
- Dạ thưa không.
- Tôi thấy cậu là người còn ít tuổi, mà có chí như thế, tôi có bụng yêu. Bỏ cô cha, bỏ cô mẹ, sống cái tuổi thơ ấu giữa cảnh loạn lạc và nghèo túng, vậy mà vẫn có chí theo đuổi được việc sách đèn, tôi lấy làm khen lắm. Giá như con nhà khác thì hổng từ bao giờ rồi còn gì. Cái thiên lương của cậu tốt lắm.

[Nguyễn Tuân - *Ngôi mà cũ*]

Trong đoạn thoại trên, giọng người hỏi chân tình, tỏ rõ thái độ ân cần, gần gũi. Giọng người đáp thể hiện sự kính trọng, lễ phép. Có thể nói, ngôn ngữ giao tiếp của hai nhân vật mượt mà, nhẹ nhàng đạt đến

mức chuẩn mực, khuôn phép, mang dấu ấn giọng điệu của tác giả.

Mở đầu truyện “*Chữ người tử tù*”, khi giới thiệu nhân vật Huân Cao, lời thoại của nhân vật thể hiện rõ giọng điệu trân trọng của mình, đồng thời cũng thể hiện cảm tình và sự kính nể của nhà văn đối với ông Huân:

Nhận được phiên trát của Sơn hưng Tuyên đốc bộ đường, viên quan coi ngục quay lại hỏi thầy thơ lại giúp việc trong đề lao:

- Này, thầy bát, cứ công văn này, thì chúng ta sắp nhận được sáu tên tù phải chết chém. Trong đó, tôi nhận thấy tên đứng đầu bọn phản nghịch là Huân Cao. Tôi nghe ngờ ngợ. Huân Cao! Hay là người mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn ca tụng cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp đó không? (1)

Thầy thơ lại xin phép đọc công văn.

- Dạ, bẩm chính y đó. Dạ, bẩm có chuyện chi vậy? (2)

- Không, tôi nghe tên quen quen và thấy nhiều người nhắc nhòm đến cái danh đó luôn, thì tôi cũng hỏi thế thôi. Thôi cho thầy lui. A! Nhưng mà thông thả. Thầy bảo ngục tốt nó quét dọn lại cái buồng cuối cùng. Có việc dùng đến. Thầy liệu các buồng giam đó có cầm giữ nổi một tên tù có tiếng là nguy hiểm không? Thầy có nghe thấy người ta đồn Huân Cao, ngoài cái tài viết chữ tốt, lại còn có tài bẻ khoá và vượt ngục nữa không?

- Dạ bẩm, thế ra y văn võ đều có tài cả. Chà chà!

- Ồ, cũng gần như vậy. Sao thầy lại chặc lưỡi?

- Tôi thấy những người có tài thế mà đi làm giặc thì đáng buồn lắm. Dạ bẩm, giả thử tôi là đao phủ, phải chém những người như vậy, tôi nghĩ mà thấy tiêng tiếc.

- Chuyện triều đình quốc gia, chúng ta biết gì mà bàn bạc cho thêm lời. Nhỡ ra vạ miệng thì khôn. Thôi, thầy lui về mà trông nom việc dưới trại giam.

[*Chữ người tử tù*]

Trong đoạn thoại trên, mặc dù người đối thoại là những nhân vật mà hàng ngày họ phải tiếp xúc với công việc của một trại tù, họ có thể có lối nói mang đặc trưng của người phụ trách trại tù, nhưng rõ ràng, ở đây “nghề nghiệp không sinh đức tính”. Là nhân vật sáng tạo của Nguyễn Tuân, lời lẽ, giọng điệu của họ vẫn mượt mà chuẩn mực. Giọng điệu này tiếp tục được thể hiện ở các đoạn văn tiếp theo giữa người tù Huấn Cao và người quản ngục cho đến hết truyện.

Tóm lại, từ những điều đã phân tích ở trên cho thấy: định hướng giọng điệu ở đoạn văn mở đầu truyện ngắn của tác giả không chỉ được thể hiện mang tính chủ quan ở lời đơn thoại của tác giả mà còn được thể hiện một cách sinh động thông qua lời đối thoại của các nhân vật. Thông qua bút pháp tài tình của nhà văn, nhân vật bộc lộ tình cảm, tính cách của mình và ngược lại tác giả mượn giọng điệu của nhân vật để thể hiện gián tiếp giọng điệu của mình. Đó chính là sự khéo léo của tác giả khi dẫn dắt người đọc đi vào các đoạn văn tiếp theo của truyện với thái độ đầy hứng thú.

4.3. Tiểu kết

Trong chương 4, chúng tôi đã chỉ ra chức năng cơ bản của đoạn văn mở đầu truyện ngắn, từ đây có thể rút ra một số nhận xét sau:

4.3.1. Chức năng định hướng nội dung

- Đoạn văn mở đầu đơn thoại chủ yếu định hướng các nội dung: Khái quát chủ đề của truyện; Giới thiệu nhân vật; Xác định không gian, thời gian của truyện; Nêu tình huống và nêu sự kiện.

- Đoạn văn mở đầu đối thoại chủ yếu định hướng các nội dung: Giới thiệu nhân vật; Xác lập quan hệ vai giao tiếp giữa các nhân vật; Định hướng chủ đề của truyện; Thể hiện thái độ của nhân vật trong giao tiếp; Xác lập một số hành vi ngôn ngữ của các nhân vật.

4.3.2. Chức năng định hướng giọng điệu

Đoạn văn mở đầu đơn thoại có chức năng định hướng giọng điệu của tác giả một cách trực tiếp; Đoạn văn mở đầu đối thoại có chức

năng định.hướng giọng điệu của tác giả một cách gián tiếp.

Việc chỉ ra hai chức năng cơ bản trên góp phần chỉ ra sự khác biệt giữa đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn với đoạn văn mở đầu trong các văn bản phi nghệ thuật. Ở các văn bản này, chức năng đoạn văn mở đầu chủ yếu là định hướng nội dung.

Chương 5

QUAN HỆ GIỮA ĐOẠN VĂN MỞ ĐẦU VỚI CÁC BỘ PHẬN KHÁC TRONG TRUYỆN NGẮN

Là đơn vị mở đầu truyện, đoạn văn mở đầu có quan hệ mật thiết với các bộ phận khác trong truyện như: tiêu đề, đoạn văn tiếp theo, đoạn văn kết thúc. Xét một cách tổng thể, mối quan hệ này được thể hiện trên hai phương diện: hình thức và nội dung. Ở phương diện hình thức, quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với các đơn vị trong truyện là quan hệ bề mặt thể hiện sự hoàn chỉnh về hình thức của văn bản truyện. Ở phương diện nội dung, quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với các đơn vị trong truyện là quan hệ về ngữ nghĩa, thể hiện sự thống nhất về chủ đề của truyện. Quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với các bộ phận khác trong truyện được thể hiện như sau:

5.1. Quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với tiêu đề

Tiêu đề là phần không thể thiếu được trong cấu trúc của một văn bản nói chung. Tiêu đề “có sức mạnh - định giới hạn văn bản và tạo ra sự hoàn chỉnh cho văn bản... Nó không phải chỉ là tín hiệu hướng chú ý bạn đọc vào sự trình bày tư tưởng đã dự báo mà còn đặt ra khuôn khổ cho sự trình bày ấy” [26, tr. 268]. Tiêu đề của văn bản thể hiện ý đồ chủ đạo, tư tưởng của người tạo ra văn bản. Tiêu đề có khả năng nêu lên nội dung cơ bản của văn bản và đảm nhận những chức năng nhất định. I. R. Gal’perin cho rằng tiêu đề “có hai chức năng: chức năng định danh (tường minh) và chức năng dự báo (tàng ẩn).” [26, tr. 266]. Nhấn mạnh đến vai trò của tiêu đề trong văn bản nghệ thuật, L. S. Vygotskij viết: “... tên gọi được đặt ra cho truyện, đương nhiên không phải là vô ích, nó chứa trong bản thân sự triển khai của chủ đề quan trọng nhất, nó đề xuất cái chủ chốt định ra toàn bộ cơ cấu chuyện kể.” [Dẫn theo I. R. Gal’perin

[26, tr. 266]. Đối với truyện ngắn, việc xác định tiêu đề cho mỗi truyện là một việc làm đòi hỏi nhiều công sức của tác giả. Theo nhà văn Nguyễn Công Hoan, “tiêu đề có tác dụng gợi sự tò mò của người đọc”, và việc “tìm ra tiêu đề truyện không phải dễ dàng.” [39, tr. 342-343].

Ở vị trí kế cận, tiếp nối sau tiêu đề của truyện, đoạn văn mở đầu có quan hệ mật thiết với tiêu đề. Đoạn văn mở đầu là vị trí đầu tiên triển khai nội dung của tiêu đề. Người đọc có thể tìm hiểu ý nghĩa của tiêu đề và liên hệ với nội dung của truyện ngay từ đoạn văn mở đầu. Mối quan hệ này được thể hiện qua một số trường hợp sau:

5.1.1. Đoạn văn mở đầu lặp lại nguyên vẹn tiêu đề

Đây là trường hợp đoạn văn mở đầu lặp lại nguyên vẹn tiêu đề về cả hình thức và nội dung biểu hiện. Sự lặp lại này có giá trị biểu cảm, nhấn mạnh.

Ví dụ, trong truyện ngắn “*Thanh! Dạ!*” của Nguyễn Công Hoan, tiêu đề truyện được lặp lại nguyên vẹn ở phần mở đầu truyện bằng một cấu trúc “gọi - đáp”:

Thanh!

Dạ!

Trong nhà hôm nay tấp nập như mở hội. Me cho phép cả sáu cô ra Đồ Sơn. Ngay từ bây giờ sáng, sáu chị em đã gọi nhau choàng cả dậy.

Chúng quy chi chết mình con Thanh. Đã bận lại thêm tíu tíu.

[Nguyễn Công Hoan - *Thanh! Dạ!*]

Sự lặp lại tiêu đề trong ví dụ trên không những cụ thể hoá tiêu đề về hình thức mà còn triển khai về nội dung: cô Thanh - người giúp việc bị hết người này đến người khác trong nhà sai vặt đến hoa cả mắt.

5.1.2. Đoạn văn mở đầu chứa đựng tiêu đề và phát triển tiêu đề

Tiêu đề được lặp lại nguyên vẹn về hình thức (tên tiêu đề) ở câu mở đầu đoạn. Các câu tiếp theo cụ thể và phát triển tên tiêu đề. Sự lặp lại tiêu đề ở câu mở đầu vừa có tác dụng liên kết chặt chẽ giữa đoạn văn mở đầu với tiêu đề vừa có tác dụng nhấn mạnh vào nội dung của tiêu đề. Ví dụ:

(1) *Tiệm may Sài Gòn* không ở Sài Gòn, không ở Cali. Tôi đứng chờ

chấn tàu ở đầu đường Khâm Thiên, ghi đông xe tôi ngoắc vào mẹt của chị hàng thuốc trên vỉa hè, chị hàng thuốc chửi tôi là đồ con gi, lúc đấy tôi thấy cái biển to tướng ở trên đầu chị ta: “Tiệm may Sài Gòn, dạy cắt may các kiểu nam nữ hợp thời trang”, mở ngoắc bên dưới là có com - lê, vét - tông, áo dài.

[Phạm Thị Hoài - *Tiệm may Sài Gòn*]

(2) *Thăng Nước* cầm dầm bơi thật mạnh nó muốn nhanh chóng đưa xuống ra xa ngôi nhà để làm công việc “chẳng đặng đừng”. Mái dầm bỏ xuống liên tiếp, tạo thành những vòng tròn nối nhau dưới nắng sáng dọi nước lấp lánh ánh sao chạy dài theo đuôi xuống rất đẹp. Qua lùm điên điên rồi đến cánh đồng láng nước nó đều thăm chệ địa điểm không thích hợp, phải mất thêm gần trăm tay dầm đến tận bờ bạch đàn bị ngập nước lưng chừng gốc, mới chịu buộc xuống vào thân cây rồi thoải mái ngời mặt hướng về nhà.

[Anh Đào - *Thăng Nước*]

Tiêu đề được lặp lại nguyện vẹn ở câu kết của đoạn mở đầu. Sự lặp lại này có ý nghĩa nhấn mạnh vào nội dung của tiêu đề. Ví dụ:

(1) Nên giấu tên cô ấy. Và cũng chẳng cần biết để làm gì. Miễn là ta biết *chuyện của cô ấy*.

[Nguyễn Công Hoan - *Chuyện của cô ấy*]

(2) Vào thời câu chuyện này ra đời, nó được xếp vào loại truyện khoa học giả tưởng, hay viễn tưởng, với nghĩa là truyện tưởng tượng một trăm năm, một ngàn năm hay một triệu năm sau dựa trên những yếu tố hoang đường mà tác giả cho là khoa học. *Biển như tôi nhớ* thời đó, được miêu tả bằng những tính từ mênh mông, bao la vô bờ bến. *Biển, thời mà tôi còn nhớ* đó, thuộc về hai người, một đàn ông một đàn bà.

[Lý Lan - *Biển như tôi nhớ*]

Ngoài ra, đoạn văn mở đầu còn có thể chứa đựng và triển khai nội dung của tiêu đề. Các câu trong đoạn tập trung thể hiện và phát triển tiêu đề của truyện. Ví dụ:

Cuối cùng thì cũng đến biển. Mùa này thường biển động. Cũng âm u tù mịch như ở thành phố. Thình thoảng mới có nắng, lạnh và nhạt như người yếu

tướng. Sáng nay trở trời, nắng gắt, biển xanh biếc ánh lên như một tấm thiếc bạc. Xe chạy vòng vèo dọc bờ biển rồi đỗ vào bến. Anh xách túi, bước xuống xe. Cô bé ngồi oặt ẹo bên anh nãy giờ, mặt mày nhăn nhó suốt quãng đường đi, đã nháy xuống từ trước. Cô gục xuống, đầu tóc rũ rượi, oẹ ra một bãi nước đục lầy nhầy nom như miếng giẻ rách bị quăng ra đường. Gã lơ xe đi lại gần: “Cô em có cần nhà trọ không? Tối nay đi với anh!” Cô ngẩng mặt giọng căm thù: “Cút đi”. Gã đưa bàn tay đầy dầu mỡ đen sì lên chùi miệng, cười hềnh hếch: “Tuồng bấu lấm đấy”. Xong chui tọt vào cabine, vặn nhạc âm ỉ, kéo lê theo cái giọng hát ậm ọt nửa quê, nửa tỉnh.

[Nguyễn Thị Châu Giang - *Mùa biển*]

Trong việc triển khai, cụ thể hoá tiêu đề ở đoạn văn mở đầu, có những tiêu đề được phát triển khá rộng ở đoạn văn mở đầu. Ví dụ:

Phải hiểu rằng cụ Chánh Bá có thương nhà này thế nào, cụ mới quá bộ đến xoi rọ, chứ như nhà khác, dễ mà mời cụ đây hẳn? Cụ lại không mắng cho vô số, chứ lại thêm đi à? Ấy thế mà mới chập tối, họ đã để ngay đũa nào xà lọn mất đôi giày mới của cụ, có chết không! Ừ thì đông người thì đông chứ, nhà có việc nhà nào chả có kẻ ra vào! Nhưng cụ ngồi chơi tận trên nhà thăm thẳm, thì còn kẻ gian nào dám lên vào đó? Và riêng mình cụ ngồi ở sập giữa thì còn ngờ ai đi lẫn được giày? Chẳng qua là lỗi tại chủ nhà không biết trông nom cẩn thận người nhà người cửa, trong khi chúng hầu hạ mà thôi! Mà đũa nào lấy đôi giày ấy cũng to gan thực! Hồn của ai thì hồn, chứ sao được hồn ngay cụ Chánh Bá! Thực là vuốt râu hùm!

[Nguyễn Công Hoan - *Cụ Chánh Bá mất giày*]

Có những tiêu đề được triển khai ở đoạn văn mở đầu chỉ bằng một câu rất ngắn nhưng sức chứa về mặt nội dung lại rất lớn, rất ấn tượng. Chẳng hạn:

Ở Nhã Nam, tháng tư có mưa.

[Nguyễn Huy Thiệp - *Mưa Nhã Nam*]

Hoặc:

Nhưng cô có nhận cái tên ấy nữa đâu!

[Nguyễn Công Hoan - *Kêu! Cô gái tân thời*]

Đoạn văn mở đầu một câu này không những trực tiếp nêu tiêu đề mà còn có mối quan hệ chặt chẽ với tiêu đề thông qua quan hệ từ “*nhưng*”. Nếu tách đoạn văn mở đầu này khỏi tiêu đề chắc chắn chẳng có ý nghĩa gì. Tuy nhiên đoạn văn mở đầu bằng một câu này lại có nội dung rất lớn ở chỗ: nó vừa phủ nhận cái tên hài hước mà tiêu đề đã nêu ra “*Cô Kếu*”, vừa mở ra một diễn biến mới trong tâm trạng của nhân vật, đồng thời thể hiện thái độ châm biếm đến nực cười của tác giả.

5.1.3. Đoạn văn mở đầu là cầu nối trung gian giữa tiêu đề với đoạn văn khác trong truyện

Trong mối quan hệ này, tiêu đề chưa được phản ánh rõ trong đoạn văn mở đầu. Nhìn hình thức bề ngoài có vẻ như giữa đoạn văn mở đầu và tiêu đề không có mối quan hệ nào. Nhưng thực tế về mặt nội dung chúng lại liên kết với nhau thể hiện chủ đề của truyện. Sự liên kết này được thể hiện như sau: đoạn văn mở đầu tạo ra cái nền, khung cảnh chung của truyện có tính chất dẫn dắt vấn đề, trong quá trình đó tiêu đề dần được bộc lộ. Để xác định quan hệ này, chúng ta phải đặt tiêu đề và đoạn văn mở đầu trong mối quan hệ với các đoạn văn khác của truyện. Ví dụ:

Chiều cuối thu, hoàng hôn đỏ bầm trải trên mặt nước xanh thẫm. Biển lặng lẽ râm rì lười nhác thè những lưỡi bọt trắng liếm vào bờ cát. Những giờ phút im lặng hiếm hoi của chiến tranh ở vùng phía nam Thanh Hoá thường bắt đầu vào khoảng mười bảy giờ. Thời điểm này hai cặp phản lực cánh bằng thay nhau làm chủ bầu trời đã trở về hạm đội. Trong các công sự ở trận địa phục kích chờ đánh quân đổ bộ đường không xung quanh Côn Khoai, những người lính đại đội 8 mới từ mặt đất chui lên. Họ ngơ ngác trước ánh sáng, họ hít thở, vận minh rồi thu xếp khí cụ để trở về nơi nghỉ ngơi trong đêm.

[Mạnh Hồng - *Nụ hôn ngày ấy*]

Trong ví dụ trên, giữa tiêu đề và đoạn văn mở đầu dường như không có quan hệ gì về hình thức lẫn nội dung biểu hiện: sự xuất hiện của những người lính trong đoạn văn mở đầu với tên tiêu đề “*Nụ hôn ngày ấy*” như không có

liên quan gì, song đặt trong toàn bộ câu chuyện thì chúng lại có quan hệ gián tiếp với nhau: “*Nụ hôn ngày ấy*” là một kỉ niệm đẹp về tình yêu của người lính trong chiến đấu.

Tóm lại, tiêu đề và đoạn văn mở đầu có quan hệ với nhau, chúng là những mắt xích đầu tiên trong quá trình tạo ra tính hoàn chỉnh về hình thức và nội dung của văn bản truyện. Đây cũng là những “chỉ dẫn” đầu tiên giúp người đọc dễ theo dõi nội dung của truyện.

5.2. Quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với đoạn văn tiếp theo

Đoạn văn tiếp theo là đoạn văn kế cận sau đoạn văn mở đầu, là vị trí triển khai nội dung của đoạn văn mở đầu. Vì vậy giữa đoạn văn tiếp theo và đoạn văn mở đầu có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Mối quan hệ này được thể hiện cụ thể như sau:

- Về mặt hình thức, đoạn văn tiếp theo có thể liên kết với đoạn văn mở đầu bằng các từ, ngữ chuyển đoạn. Ví dụ

(1) Quyền sách nào xuất bản, mà được mạnh sự phê bình thì tất nhiên bán chạy. Đó là kinh nghiệm.

Bởi vậy, một tác phẩm nào nháp nhôm định ra đời thì người thân sinh ra nó phải cần nhiều sự có tiền, có hàng sách quen, có những tay phê bình người nhà, đó là mảnh khoé.

[Nguyễn Công Hoan - *Mảnh khoé*]

(2) Ngay cái tên cũng khó nghe rồi. Thà cứ là Kèo, là Cột, hay là Hạ, là Đông. Là gì cũng còn dễ nghe. Nhưng hán ta lại là Trạch Văn Đoàn. Nghe như sủng thần công. Nó chọc vào lỗ tai.

Đã thế cái mặt hán lại vênh vênh, ngẫu xạ thế nào... Đôi lưỡng quyền phô ra như gậy sượng với người ta. Hai má thóp vào để tiếp sức cho hai cái lưỡng quyền. Cái mũi bóp lại ở trên để dưới được bành ra. Nó phệ bụng ngồi trên một cái vành trăng khuyết... Ghét lắm!

[Nam Cao - *Đôi móng giò*]

Phân tích các ví dụ trên chúng ta thấy, ở ví dụ (1), đoạn văn tiếp theo

quan hệ chặt chẽ với đoạn văn mở đầu thông qua quan hệ từ “*bởi vậy*”. Ở ví dụ (2), đoạn văn tiếp theo liên kết với đoạn văn mở đầu bằng từ thay thế “*đã thế*”, đồng thời tiếp tục phát triển ý của đoạn văn mở đầu: dưới cái nhìn hài hước của Nam Cao, nhân vật được miêu tả kĩ hơn về hình dạng - một hình dạng hết sức xấu xí, đúng như tên gọi của nó vậy.

- Về mặt nội dung ngữ nghĩa, đoạn văn mở đầu giới hạn phạm vi nội dung cho đoạn văn tiếp theo; đoạn văn tiếp theo duy trì, triển khai, mở rộng nội dung ở đoạn văn mở đầu.

Đoạn văn tiếp theo triển khai mở rộng nội dung của đoạn văn mở đầu sẽ làm tăng thêm tình tiết cho truyện, nhưng việc mở rộng triển khai này phải theo một hướng nhất định, tránh tình trạng lan man, làm cho các chi tiết bị loãng ra. Vì vậy đoạn văn mở đầu có nhiệm vụ xác định đối tượng, phạm vi nội dung của truyện để đoạn văn tiếp theo phát triển theo đúng quỹ đạo của nó. Chẳng hạn truyện “*Kép Tư Bền*” của Nguyễn Công Hoan, đối tượng được giới thiệu ở đoạn văn mở đầu là một anh Kép hát bội, có nhiều tài năng khiến nhiều người phải thán phục: “Các ngài thích đi xem hát bội, hẳn chẳng ai không biết tên Kép Tư Bền. Ấy anh ta chỉ nổi tiếng cái tài bông lơn, lắm lúc ra sân khấu chẳng cần nói một câu khôi hài nào, nhưng chỉ nhìn cái điệu bộ còn con của anh ta các khách quan cũng đủ phải ôm bụng mà cười vỗ tay đôm đốp”. Đoạn văn tiếp theo tiếp tục giới thiệu tài năng của anh kép với một mức độ cao hơn lúc đầu, qua sự hâm mộ của khán giả: “... Tôi nào bà con Hà Thành đọc chương trình hay xem báo, thấy Kép Tư Bền đóng vai diễn, là cũng nô nức đi xem, lắm người đến chậm phải mang tiền về không, phàn nàn rằng rạp chật quá”.

Qua khảo sát những trường hợp trên, có thể thấy, giữa đoạn văn mở đầu với đoạn văn tiếp theo có mối quan hệ rất chặt chẽ. Điều đó chứng tỏ sự liên kết giữa các đoạn trong văn bản truyện với nhau là bền vững và theo một hướng đích nhất định: đoạn văn trước tạo ý cho đoạn văn sau, đoạn văn sau triển khai mở rộng ý của đoạn văn trước, cứ như thế làm thành mạch truyện, giúp cho người đọc tiếp nhận nội dung truyện dễ dàng.

5.3. Quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với đoạn văn kết thúc

Đoạn văn kết thúc nằm ở vị trí cuối cùng văn bản, là “dấu chấm đặc biệt” [26, tr. 270] thông báo về sự hoàn chỉnh của văn bản. Đối với truyện ngắn, đoạn văn kết thúc có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hoàn chỉnh nội dung truyện. Có thể xem đoạn văn kết thúc là cái đích nội dung của truyện, là nghệ thuật khép truyện của nhà văn. Nhà văn Nguyễn Công Hoan đã từng viết: “Mỗi khi gặp một đề tài và sau khi cả một truyện ngắn bật ra trong đầu óc tôi, thì tôi không muốn nghĩ đến nó nữa. Tôi chỉ cần nhớ tiếng chính của câu kết mà tôi đã đặt sẵn ở trong bụng và nếu tối hôm đó nếu có thì giờ tôi viết ngay. Nếu chưa có thì giờ thì tôi ghi bằng một, hai chữ câu kết vào cuốn sổ tay và cũng chỉ bằng một, hai chữ chứ không nhiều.” [39, tr. 343].

Cũng như các đơn vị khác trong truyện ngắn, đoạn văn mở đầu có quan hệ với đoạn văn kết thúc và chủ yếu là quan hệ về nội dung. Đó là quan hệ giữa điểm khởi đầu và điểm kết thúc, giữa cách đặt vấn đề và cách khép lại vấn đề. Quan hệ giữa đoạn văn mở đầu và đoạn văn kết thúc thể hiện ở một số kiểu sau:

5.3.1. Quan hệ tương ứng: Đây là mối quan hệ mà đoạn văn mở đầu nêu vấn đề, đoạn văn kết thúc duy trì, nâng cao và khép lại vấn đề đã nêu. Kiểu kết truyện như thế này ta gọi là kết thúc đóng.

Ví dụ: mở đầu truyện ngắn “*Mùa hè*” của Nam Cao là tâm sự day dứt của người kể thông qua giọng kể của nhân vật “tôi”: “Buổi tối hôm ấy, sau khi đưa các anh ra thuyền trở về Nam tôi bực tức vô cùng. Tôi bực tức với tôi, tôi day nghiền tôi trong một phút cao hứng quá đã mời các anh về nhà”. Đến kết thúc truyện chúng ta vẫn gặp lại tâm trạng day dứt ban đầu đó, nhưng mức độ gia tăng hơn: “Tim tôi động một cái giống như bước hụt. Rồi nó đập loạng choạng. Tôi hơi lão đảo. Bây giờ thì tôi không lẩn trốn những ý nghĩ trong tôi được nữa. Tôi ác quá, tôi ác quá! Tôi phải thú với tôi nhiều rồi... Phải, tôi ác quá, anh Kim nhỉ. Rồi đây hồi hận sẽ toả một bóng đen vào trong cái nhà mới của tôi, rộng rãi và sạch sẽ hơn cái trước”. Hoặc mở truyện “*Báo hiếu. trả*

nghĩa cha” của Nguyễn Công Hoan là một khung cảnh thiên nhiên âm đạm: “Mưa phùn. Gió bắc. Rét buốt đến tận xương”. Đến kết thúc truyện ta lại bắt gặp hình ảnh này lặp lại ở mức độ cao hơn: “Mưa để khóc, gió để rên. Rét để cắt đứt ruột mẹ người con, mà họ đương khen là hiếu tử”. Cảnh của thiên nhiên được lồng vào tâm trạng nhân vật. Đoạn văn khép lại truyện nhưng ý nghĩa của nó có sức vang xa, tạo dư âm trong lòng người đọc.

5.3.2. Quan hệ tương phản: Trong mối quan hệ này, đoạn văn mở đầu và đoạn văn kết thúc quan hệ với nhau thông qua các đoạn văn ở giữa văn bản. Chính vì vậy, nhìn hình thức bề ngoài dường như giữa chúng không có mối quan hệ gì nhưng xét về nội dung ngữ nghĩa, chúng có quan hệ với nhau để duy trì nội dung của văn bản. Mối quan hệ này xảy ra ở những truyện có kết thúc mở: người viết không tóm lại vấn đề, người đọc tự tìm câu trả lời. Phần lớn truyện ngắn có kết thúc như thế này.

Chẳng hạn: mở đầu truyện “*Người ngựa người*” của Nguyễn Công Hoan là cảnh anh phu xe đang “đói khách”, trông có vẻ rất nhàn rỗi: “Đố ai biết anh phu xe đang lững thững dắt cái xe không ở đằng ngã tư đầu phố kia, đi như thế từ bao giờ đấy?”. Đến cuối truyện là hình ảnh dường như không có liên quan gì đến hình ảnh ở đoạn văn mở đầu, đó là quãng thời gian đang trôi qua của ngày Tết: “Tiếng pháo chào xuân nói đôi nhau ùng ùng, toạch toạch...”. Song nếu như chúng ta đặt trong toàn bộ diễn biến câu chuyện thì hình ảnh cuối cùng ở đoạn văn kết thúc có liên quan với nội dung ở đoạn văn mở đầu. Đó là hình ảnh có ý nghĩa rất lớn, ở chỗ nó làm tăng thêm nỗi khổ kiếp “ngựa người” của một anh phu xe.

Như vậy, giữa đoạn văn mở đầu và đoạn văn kết thúc ở đây quan hệ với nhau thông qua diễn biến nội dung của cốt truyện. Do đó, để thấy mối quan hệ này, chúng ta phải đặt chúng trong mối quan hệ với các đoạn văn khác trong truyện và với chủ đề của truyện.

5.3.3. Quan hệ dự báo - hồi cố: Trong văn bản, phạm trù dự báo thường đi liền với phạm trù hồi cố. *Dự báo* là “phạm trù ngữ pháp văn bản thống nhất

những hình thức ngôn ngữ khác nhau nhằm liên hệ thông tin nội dung sự kiện với điều sẽ được trình bày ở những phần tiếp theo trong văn bản.” [26, tr. 223]. *Hồi cố* là “phạm trù của ngữ pháp văn bản thống nhất những hình thức biểu đạt ngôn ngữ khiến cho bạn đọc liên hệ tới thông tin nội dung sự việc trước đó.” [26, tr. 212]. Trong truyện ngắn, *dự báo* và *hồi cố* là một thủ pháp kể chuyện của tác giả hướng bạn đọc dựa vào một thông tin có trước có thể đoán được điều sẽ xảy ra và liên hệ trở lại với thông tin đã thông báo.

Việc xem xét quan hệ giữa đoạn văn mở đầu và đoạn văn kết thúc trong truyện ngắn theo quan hệ dự báo - hồi cố góp phần làm sáng rõ thủ pháp nghệ thuật mở truyện và kết truyện của tác giả. Mỗi quan hệ này có thể được hình dung như sau: đoạn văn mở đầu trình bày vấn đề bằng những thông tin mang tính chất gợi mở, dự báo nội dung kết thúc. Đoạn văn kết thúc là sự thể hiện kết quả dự báo nội dung ở đoạn văn mở đầu.

Ví dụ, mở đầu truyện ngắn “*Chuyện tình của đại đội trưởng*” của Chu Lai là cuộc gặp gỡ rất tình cờ giữa hai nhân vật: người lính và cô thôn nữ.

Tên anh là Hường, tuổi đã vượt ra ngoài cái nấc ba mươi lăm, mặt mũi bình thường, dáng dấp cũng không có gì đặc biệt, đang gò lưng trên chiếc xe máy cóc ghè, to chình ình chốc chốc lại chết ngắc. Đường làng lồi lõm, nhẵn rọp hai bên. Phía trước bỗng có một chiếc xe đạp đi đến. Trên xe là một cô gái mặc chiếc áo màu trứng sáo, quần đen, chi ngời không thôi cũng đã đủ thấy cái phom cái dáng thật dễ thương, trẻ trung cân đối, đường cong nét lượn cái nào ra cái ấy. Vậy mà từ cái miệng thôn nữ tưởng như chỉ biết e ấp, dịu dàng đó lại bật lên một giọng nói lạnh lót đến khiếp:

- Ở cái nhà anh này, đi kiêu gì thế? Uớt hết người ta rồi đây này!

Chiếc xe đạp đổ nghiêng, bùn nước bắn tứ tung, màu trứng sáo biến thành màu trứng cút... Hường vội tắt máy nhảy xuống, chạy lại cuống quýt dựng cái xe lên:

- Ấy chết, xin lỗi cô! Tại... tại cái xe nó... nó...

- Nó không ra xe chứ gì? Góm chết! Người thì trông không đến nỗi mà xe thì y như con bò cạp già - Giọng nói vẫn không hề giảm tông.

- Bò cạp còn là khá - Giọng anh cũng bất giác căng lên - Từ đường 5 vào đến đây nó trực trặc đến mấy lần rồi đấy. Thôi, xin cô bỏ qua. Để tôi lấp xích lại cho.

- Nhưng ông anh... đại úy đi đâu đây? Về phép thăm vợ con à?

- Xin lỗi! Trước hết tôi chưa phải đại úy mà mới chỉ là thượng úy thôi!

- Ôi dào! Đại với thượng thì quan trọng gì, giống nhau hết. Sao, sao, gach, gach nhìn cứ rối tinh rối mù.

- Thứ hai, tôi không về phép mà xuống xã làm việc.

- Thứ h...a. i... - Cô gái đai miệng - Đúng là lính. Thứ nhất! Thứ hai! Nghe cứng ngắt như củi gãy, đá lăn ấy. Không hiểu các anh lúc tỏ tình với bạn gái thì thế nào nhỉ? Chắc cũng lại... Anh yêu em vì: thứ nhất... thứ hai à?

- Xin lỗi - Hường lạnh giọng - tôi không có bạn gái và cũng hết tuổi tỏ tình rồi. Xích đã lấp xong, cô làm ơn chỉ cho tôi nhà ông Đặc lính dự bị động viên. (...)

Cuộc gặp gỡ giữa người lính và cô thôn nữ trong bối cảnh trên gợi cho người đọc liên tưởng có một mối tình sẽ xảy ra. Đến cuối truyện, chúng ta thấy điều dự báo đó là sự thực. Truyện kết thúc cũng bằng cuộc gặp gỡ giữa người lính và cô thôn nữ, nhưng đây là cuộc gặp hứa hẹn một mối tình tuyệt đẹp:

Gió lạnh. Chiều trung du nao buồn. Hai người đi dọc theo con sông có bóng một ngọn núi in xuống mặt nước ở phía bên kia bờ. Tiếng Huyền thoảng nhẹ.

- Sông này là sông gì mà đẹp thế anh? Nó không giống sông ở đồng bằng. Còn quả núi kia nữa, núi gì thế, cũng xinh nhỉ?

- Sông Lục đó. Còn cái giải xanh xanh kia là dãy núi mang tên... em.

- Mang tên em? - Mắt cô mờ to đầy vẻ thích thú - Núi... núi Huyền hả anh? Sông Lục núi Huyền nghe hay quá! - Cô khẽ reo lên - Thế là vô tình em đã có tên đặt ở trên này, tên em sẽ sống mãi, anh bảo có thích không?

- Giá biết trước, anh đã nói cha mẹ đặt tên cho anh là... Lục.

- Ê, không chơi vợ vào như vậy đâu đấy. Này, em bảo này! Em đặt cho anh cái tên là người lính của “Sư đoàn Lục Giang” nhé! Lục Giang! Oai không? Chứ “Bê không sáu” nghe xoang xoảng cứ như “Bê năm hai” ấy. Anh, gặp được anh, em... mừng quá!

- Nhưng thấy anh đánh trần nhỏ cỏ, tưới rau, em có thất vọng không?

- Càng... quý hơn. (...)

Anh im lặng. Cô cũng không nói. Thiên nhiên mệnh mang và tinh khiết đang nói lên tiếng nói độc tôn khe khẽ của mình. Từ bên kia sông, gió lạnh vẫn từng đợt, từng đợt thổi về qua xôn xao mặt nước và cô gái bỗng mơ hồ cảm thấy Tết này sẽ không còn lạnh nữa.

Tóm lại, qua sự tìm hiểu và phân tích về các mối quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với các bộ phận khác trong truyện, chúng ta nhận thấy: đoạn văn mở đầu có mối quan hệ qua lại với các bộ phận khác như tiêu đề, đoạn văn tiếp theo và đoạn văn kết thúc. Các mối quan hệ này thể hiện sự quy định lẫn nhau giữa các bộ phận trong truyện: đã có bộ phận này phải có bộ phận kia; nội dung của bộ phận này là tiền đề nội dung của bộ phận kia. Việc xem xét kỹ các mối quan hệ trên trong truyện ngắn là hết sức cần thiết. Nó không những góp phần làm sáng rõ thêm đặc điểm kết cấu của truyện ngắn mà còn thể hiện sự hướng tâm (hướng chủ đề) của các bộ phận trong truyện, qua đó giúp người đọc dễ dàng theo dõi nội dung của truyện.

5.4. Tiểu kết

Trong chương 5, chúng tôi đã tập trung chỉ ra mối quan hệ của đoạn văn mở đầu với các bộ phận khác trong truyện ngắn, có thể rút ra một số nhận xét sau:

5.4.1. Về quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với tiêu đề

Tiêu đề của văn bản thể hiện ý đồ và tư tưởng chủ đạo của người tạo ra văn bản. Ở vị trí ngay sau tiêu đề của truyện, đoạn văn mở đầu có quan hệ mật thiết với tiêu đề và giữa chúng có các kiểu quan hệ sau:

+ Đoạn văn mở đầu lặp lại nguyên vẹn tiêu đề.

- + Đoạn văn mở đầu chứa đựng tiêu đề và phát triển tiêu đề.
- + Đoạn văn mở đầu chứa đựng và triển khai nội dung của tiêu đề.
- + Đoạn văn mở đầu là cầu nối trung gian giữa tiêu đề với đoạn văn khác trong truyện.

5.4.2. Về quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với đoạn văn tiếp theo

Đoạn văn mở đầu có chức năng định hướng nội dung cho truyện. Ở vị trí kế tiếp, đoạn văn tiếp theo có vai trò là cầu nối, nối đoạn mở truyện với các bộ phận khác trong truyện. Do đó, dù trực tiếp hay gián tiếp, đoạn văn mở đầu có mối quan hệ chặt chẽ với đoạn văn tiếp theo. Mối quan hệ đó thể hiện rõ ở hai phương diện: hình thức và nội dung ngữ nghĩa.

+ Về hình thức: Đoạn văn tiếp theo có thể liên kết với đoạn văn mở đầu bằng các từ, ngữ chuyển đoạn.

+ Về nội dung ngữ nghĩa: Đoạn văn mở đầu giới hạn phạm vi nội dung cho đoạn văn tiếp theo; đoạn văn tiếp theo duy trì, triển khai, mở rộng nội dung ở đoạn văn mở đầu.

5.4.3. Về quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với đoạn văn kết thúc

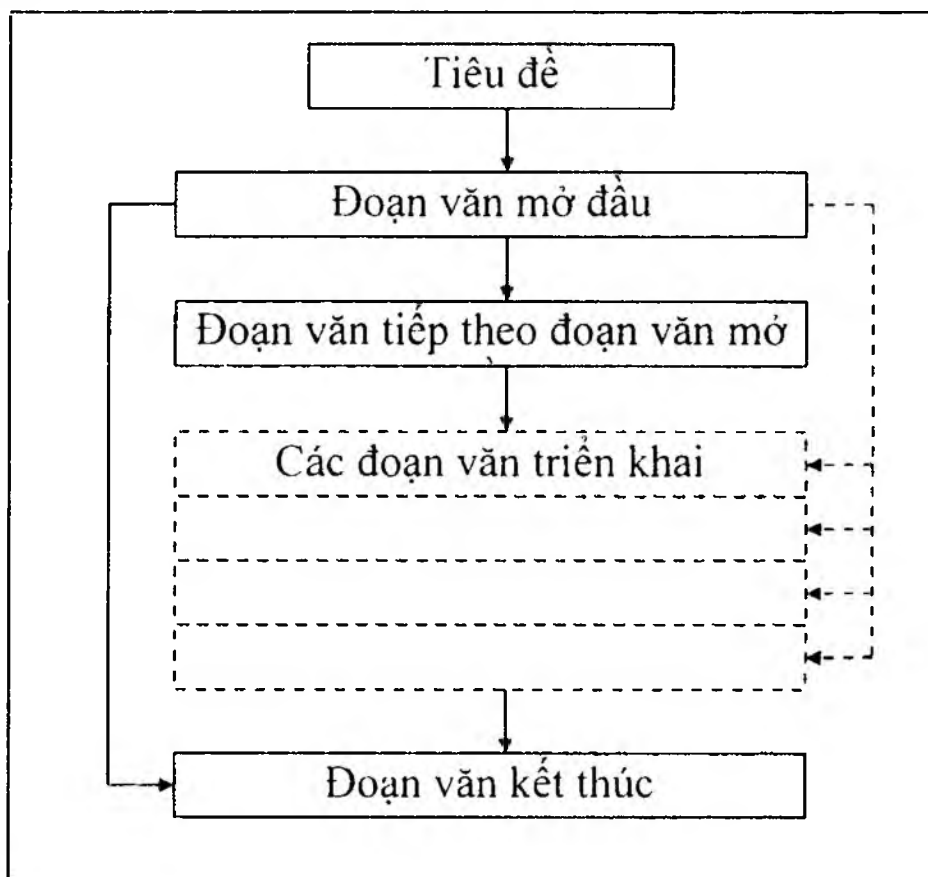
Đây là quan hệ giữa điểm khởi đầu và điểm kết thúc trong truyện. Quan hệ này đánh dấu sự hoàn chỉnh của văn bản. Giữa đoạn văn mở đầu và đoạn văn kết thúc có các kiểu quan hệ sau:

- + Quan hệ tương ứng.
- + Quan hệ tương phản.
- + Quan hệ dự báo - hồi cố.

5.4.4. Ý nghĩa

Đoạn văn mở đầu có quan hệ chặt chẽ với các bộ phận khác trong truyện như tiêu đề, đoạn văn tiếp theo và đoạn văn kết thúc. Các mối quan hệ này thể hiện sự hoàn chỉnh về hình thức và trọn vẹn về nội dung của văn bản. Có thể tóm tắt mối quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với các bộ phận khác trong truyện bằng sơ đồ sau:

Sơ đồ: Mối quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với các bộ phận khác trong truyện ngắn



Ghi chú: Dấu - - - -> chỉ quan hệ trực tiếp
 Dấu ———> chỉ quan hệ gián tiếp

KẾT LUẬN

1. Đoạn văn là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất có khả năng biểu đạt một chủ đề. Chức năng biểu đạt chủ đề phân biệt đoạn văn với đơn vị bậc dưới nó là câu. Còn đặc điểm “là đơn vị nhỏ nhất trong số các đơn vị ngôn ngữ có chức năng biểu đạt chủ đề” phân biệt đoạn văn với đơn vị bậc trên nó là văn bản.

Đoạn văn mở đầu là một bộ phận của văn bản có chức năng mở đầu văn bản.

2. Trong văn bản, đoạn văn thường có hai dạng thức tồn tại: đoạn văn đơn thoại và đoạn văn đối thoại. Đoạn văn đơn thoại là một chuỗi tuyến tính các câu thể hiện một chủ đề, bao gồm lời của tác giả, lời độc thoại của nhân vật hoặc sự kết hợp giữa lời của tác giả với lời độc thoại của nhân vật. Đoạn văn đối thoại là một chuỗi tuyến tính các lượt lời trao đáp của các nhân vật, có thể kèm theo lời bình giải của tác giả với điều kiện tất cả đều cùng phục vụ một chủ đề.

3. Xét về cấu tạo, đoạn văn mở đầu đơn thoại trong truyện ngắn gồm hai loại: đoạn văn bình thường và đoạn văn đặc biệt.

Đoạn văn bình thường là những đoạn văn gồm từ hai câu trở lên. Các đoạn văn bình thường có cấu tạo khá đa dạng: có đoạn văn chỉ gồm câu đơn và câu ghép bình thường; có đoạn văn chỉ gồm các câu đặc biệt; có đoạn văn xen kẽ câu bình thường với câu đặc biệt; có đoạn văn xen kẽ câu bình thường với câu rút gọn; có đoạn văn xen kẽ câu bình thường, câu đặc biệt với câu rút gọn. Đoạn văn mở đầu bình thường giúp người đọc nắm bắt vấn đề dễ dàng, đồng thời nó thể hiện tính mạch lạc của văn bản.

Đoạn văn đặc biệt là những đoạn văn không mang đầy đủ những đặc điểm chung về hình thức và nội dung của đoạn văn nói chung: có đoạn văn là một câu do một từ tạo thành; có đoạn văn là một câu do một cụm từ tạo thành;

có đoạn văn là một câu đơn bình thường, một câu ghép bình thường hoặc một câu đặc biệt. Sự xuất hiện của những đoạn văn đặc biệt ở vị trí mở truyện là một trong những dấu hiệu rõ nhất để ta phân biệt nó với đoạn văn mở đầu trong một số văn bản ngoài nghệ thuật như văn bản báo chí, văn bản chính luận hay văn bản khoa học. Ở các văn bản này, do đặc trưng của loại hình văn bản, việc sử dụng đoạn văn đặc biệt rất hãn hữu.

Đặc điểm cấu tạo của đoạn văn đối thoại cũng được thể hiện rõ trên các mặt: số lượng lượt lời thoại, cặp thoại, số lượng câu trong lời thoại, vai thoại.

Nhìn chung, đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn được cấu tạo bởi những câu ngắn gọn. Câu văn ngắn giúp mạch văn đi nhanh hơn; sức chứa, sức lan toả của câu văn lớn hơn.

4. Xét về đặc điểm nội dung, đoạn văn mở đầu đơn thoại có nhiều kiểu khác nhau: Xét theo sự có mặt hay vắng mặt câu chủ đề trong đoạn, đoạn văn đơn thoại mở đầu gồm 2 loại: đoạn văn có câu chủ đề và đoạn văn không có câu chủ đề. Xét theo mục đích giao tiếp của câu, có thể phân biệt đoạn văn mở đầu chỉ gồm câu trần thuật; đoạn văn mở đầu xen kẽ câu trần thuật với câu nghi vấn; đoạn văn xen kẽ câu trần thuật với câu mệnh lệnh; đoạn văn xen kẽ câu trần thuật với câu nghi vấn, câu cảm thán. Xét theo chủ thể của lời đơn thoại, đoạn văn mở đầu có thể là lời kể của người kể chuyện; lời nói bên trong của nhân vật; xen kẽ lời người kể chuyện với lời nói bên trong của nhân vật; đoạn văn xen kẽ lời người kể chuyện với lời kể trực tiếp, lời kể gián tiếp. Xét theo đặc điểm sự tình được trình bày, đoạn văn mở đầu có thể chỉ trình bày một sự tình cận cảnh (hoặc hậu cảnh) hay trình bày đan xen giữa hai sự tình cận cảnh và hậu cảnh.

Đặc điểm về nội dung của đoạn văn đối thoại khá đa dạng. Xét theo nội dung phản ánh trong lời thoại cuối cùng, đoạn thoại bao gồm hai loại: đoạn thoại đóng và đoạn thoại mở. Xét theo sự tương hợp về hành vi ngôn ngữ các lời thoại, đoạn thoại gồm: đoạn thoại tương hợp về hành vi ngôn ngữ và đoạn thoại không tương hợp về hành vi ngôn ngữ. Xét theo chủ thể phát ngôn, đoạn thoại gồm lời thoại của nhân vật hoặc xen kẽ giữa lời thoại của nhân vật với

lời người kể chuyện. Xét theo mục đích giao tiếp của câu, đoạn thoại gồm: đoạn thoại thuần nhất một kiểu cấu trúc và đoạn thoại xen kẽ nhiều kiểu cấu trúc.

Việc phân tích đoạn văn mở đầu truyện ngắn trên từng phương diện cấu tạo và nội dung giúp cho việc tìm hiểu đặc điểm của đoạn văn mở đầu truyện ngắn thuận tiện và khoa học hơn.

5. Về chức năng: đoạn văn mở đầu truyện ngắn có vai trò định hướng về nội dung và định hướng về giọng điệu.

Với chức năng định hướng về nội dung, đoạn văn đơn thoại thường định hướng những nội dung sau: nêu khái quát chủ đề, giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh nhân vật, xác định thời gian không gian làm khung cảnh chung cho truyện, v.v. Đối với đoạn văn đối thoại, định hướng về nội dung thể hiện qua nội dung lượt lời đối thoại của các nhân vật, bao gồm: khái quát chủ đề của truyện, giới thiệu nhân vật, xác lập quan hệ vai giao tiếp, xác lập một số hành vi giao tiếp của các nhân vật, thể hiện thái độ của nhân vật, v.v. Đây là những nội dung cơ bản làm tiền đề giúp cho người đọc tiếp cận nội dung các đoạn tiếp theo dễ dàng hơn.

Ngoài chức năng định hướng nội dung, đoạn văn mở đầu còn có chức năng định hướng về giọng điệu. Giọng điệu là một trong những yếu tố cấu thành phong cách của nhà văn, đồng thời cũng là một trong các yếu tố quyết định sức hấp dẫn của truyện. Với chức năng này, đoạn văn mở đầu truyện ngắn được xem là vị trí đầu tiên để tác giả định hướng về chất giọng cho toàn bộ cốt truyện và là vị trí đầu tiên để độc giả có thể nhận ra phong cách của tác giả.

6. Về quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với các bộ phận khác trong truyện ngắn: Đoạn văn mở đầu bao giờ cũng có mối quan hệ với các bộ phận khác trong truyện. Đó là mối quan hệ với tiêu đề, đoạn văn tiếp theo và đoạn văn kết thúc. Việc chỉ ra các mối quan hệ này góp phần làm rõ sự hoàn chỉnh về hình thức và nội dung của văn bản truyện.

7. Từ trước đến nay, truyện ngắn vốn là thể loại được đông đảo công

chúng yêu thích và các nhà nghiên cứu văn học quan tâm.

Truyện ngắn có kết cấu ngắn gọn, chặt chẽ; mỗi đoạn văn trong truyện đều có vai trò, chức năng riêng trong đó đoạn văn mở đầu có vai trò, chức năng đặc biệt quan trọng. Thông qua nhiều cách mở truyện độc đáo, ngay từ đầu tác phẩm, các nhà văn đã có thể lôi cuốn người đọc đi sâu tìm hiểu nội dung của truyện ở phần sau với tất cả sự đam mê hứng thú.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tiếng Việt

1. Cao Thị Kim Anh (2004), *Tim hiểu đặc điểm cấu tạo và chức năng của đoạn văn trong truyện ngắn Nguyễn Khải*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Đại học Vinh.
2. Diệp Quang Ban (1984), *Cấu tạo câu đơn tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Diệp Quang Ban (1992), *Ngữ pháp tiếng Việt, tập 1, 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Diệp Quang Ban (1998), *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung (1998), *Thực hành ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Nguyễn Trọng Báu, Nguyễn Quang Ninh, Trần Ngọc Thêm (1985), *Ngữ pháp văn bản và việc dạy tập làm văn*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
7. Bakhtin, M. (1998), *Những vấn đề thi pháp Đôxtôiépki*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
8. Lê Thị Thu Bình (2008), *Đặc điểm đoạn văn mở đầu trong truyện ngắn Việt Nam (Qua khảo sát truyện ngắn của một số tác giả tiêu biểu)*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường ĐH Vinh.
9. Nguyễn Thị Thanh Bình (2006), *Lập luận trong đoạn văn*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Trường ĐH Vinh.
10. Brown, G. & Yule, G. (2002), *Phân tích diễn ngôn*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
11. Phan Mậu Cảnh (2002), *Ngôn ngữ học văn bản*, Đại học Vinh.
12. Phan Mậu Cảnh (2005), *Vai trò của đoạn văn mở đầu trong văn bản*, Ngữ học Trẻ, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.
13. Nguyễn Tài Cẩn (1999), *Ngữ pháp tiếng Việt. Tiếng - từ ghép - đoàn ngữ*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
14. Lê Cận, Quang Thiều, Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung (1983), *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt, tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
15. Chafe, Wallace. L. (1998), *Ý nghĩa và cấu trúc của ngôn ngữ*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

16. Đỗ Hữu Châu (1996), *Giản yếu về ngữ pháp văn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
17. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học, tập II - Ngữ dụng học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
18. Hoàng Dân, Nguyễn Quang Ninh (1994), *Tiếng Việt (phần ngữ pháp văn bản)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
19. Nguyễn Đức Dân (1987), *Lô gích - ngữ nghĩa - cú pháp*, NXB Đại học & THCN, Hà Nội.
20. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học - Tập I*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
21. Nguyễn Văn Đâu (1999), *Chất kịch trong truyện ngắn Nguyễn Công Hoan*, Tạp chí Văn học, số 5.
22. Trần Thanh Địch (1986), *Tìm hiểu truyện ngắn*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội.
23. Đinh Văn Đức (1986), *Ngữ pháp tiếng Việt - từ loại*, NXB Đại học & THCN, tái bản 2000, 2010 (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội).
24. Hà Minh Đức, Đỗ Văn Khang, Phạm Quang Long (1977), *Li luận văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
25. Hà Minh Đức (2000), *Truyện ngắn Việt Nam trước cách mạng*, Tạp chí Văn học, số 12.
26. Gal'perin, I. R. (1987), *Văn bản với tư cách là đối tượng nghiên cứu Ngôn ngữ học*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
27. Văn Giá (1999), *Nhà văn và tác phẩm trong nhà trường*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
28. Nguyễn Thiện Giáp, Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết (1998), *Dẫn luận Ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
29. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dụng học Việt ngữ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
30. Halliday M. A. K. (2001), *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
31. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (1999), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
32. Lê Thị Đức Hạnh (1977), *Nghệ thuật viết truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan*, Tạp chí Văn học, số 4.
33. Lê Thị Đức Hạnh (1979), *Tìm hiểu truyện ngắn Nguyễn Công Hoan*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

34. Lê Thị Đức Hạnh (1993), *Qua một số ý kiến đánh giá về truyện ngắn Nguyễn Công Hoan thời kì trước cách mạng*, Văn nghệ Quân đội, số 11-1993.
35. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
36. Cao Xuân Hạo (chủ biên) (2000), *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
37. Hoàng Ngọc Hiến (1991), *Thi pháp của truyện*, Báo Văn nghệ, số 31.
38. Nguyễn Văn Hiệp (2002), *Một thử nghiệm khảo sát hoạt động của danh từ và động từ tiếng Việt từ góc độ phong hình (iconocity)*, Tạp chí khoa học, KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 2.
39. Nguyễn Công Hoan (1993), *Đời viết văn của tôi*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
40. Nguyễn Thái Hoà (1997), *Dòng thơ thứ nhất*, Tạp chí Văn học, số 4.
41. Nguyễn Thái Hoà (2000), *Những vấn đề về thi pháp của truyện*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
42. Tô Hoài (1997), *Nghệ thuật và phương pháp viết văn*, NXB Văn học, Hà Nội.
43. Kasevich, V. B. (1998), *Những yếu tố cơ sở của Ngôn ngữ học đại cương*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
44. Khravchencô, M. B. (1978), *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển văn học*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội.
45. Khravchencô, M. B. (1997), *Những vấn đề lí luận và nghiên cứu văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
46. Lê Minh Khuê (1991), *Dung lượng truyện ngắn*, Báo Văn nghệ, số 34.
47. Đinh Trọng Lạc, Cù Đình Tú (1982), *Phong cách học Tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
48. Đinh Trọng Lạc (1994), *Phong cách học văn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
49. Đinh Trọng Lạc, Bùi Minh Toán (1998), *Tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
50. Phùng Thị Thanh Lâm (2006), *Khả năng hoạt động của các phó từ chỉ thời thể tiếng Việt trong các sự tình hậu cảnh*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
51. Phong Lê (2003), *Nam Cao - người kết thúc ve vang trào lưu văn học hiện thực*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
52. Đỗ Thị Kim Liên (1999), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

53. Đỗ Thị Kim Liên (1999), *Ngữ nghĩa lời hội thoại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
54. Đỗ Thị Kim Liên (2005), *Giáo trình ngữ dụng học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
55. Lê Minh (1993), *Nguyễn Công Hoan nhà văn hiện thực lớn*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
56. Moskal'skaja O. I. (1996), *Ngữ pháp văn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
57. Vương Trí Nhàn (1980), *Sổ tay người viết truyện ngắn*, NXB Tác phẩm mới, Hội Nhà văn Việt Nam, Hà Nội.
58. Hoàng Nhân (1998), *Có gì chung giữa Nguyễn Tuân và Andre Gide*, Tạp chí *Văn học*, số 4.
59. Nguyễn Quang Ninh (1997), *150 bài tập rèn luyện kỹ năng xây dựng đoạn văn*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
60. Nunan, D. (1997), *Dẫn nhập phân tích diễn ngôn*, NXB Giáo dục, Hà Nội
61. Hoàng Phê (1989), *Lo gic ngôn ngữ học*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
62. Hoàng Phê (chủ biên) (1998), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.
63. Hoàng Trọng Phiến (1979), *Ngữ pháp tiếng Việt - Câu*, NXB Đại học & THCN, Hà Nội.
64. Hoàng Trọng Phiến, Mai Ngọc Chù, Vũ Đức Nghiệu (2001), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
65. Nguyễn Thị Hồng Phượng (2005), *Đặc điểm đoạn văn mở đầu và đoạn văn kết thúc trong truyện ngắn Thạch Lam*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Đại học Vinh.
66. Saussure, F. de (1973), *Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
67. Bùi Hương Sen (1998), *Tìm hiểu đoạn văn đặc biệt trong văn bản nghệ thuật*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn. Đại học Vinh.
68. Solncev, V. M. (1973), *Ngôn ngữ là cơ cấu hệ thống kiến trúc* (Tóm tắt Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội).
69. Trần Đình Sử (1998), *Dẫn luận Thi pháp học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
70. Trần Đình Sử (2001), *Thi pháp truyện ngắn trào phúng Nguyễn Công Hoan*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

71. Lê Xuân Thại (1969), *Cụm từ và phân tích câu theo cụm từ*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 2.
72. Nguyễn Thị Việt Thanh (1999), *Hệ thống liên kết lời nói tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
73. Bùi Việt Thắng (1999), *Bình luận truyện ngắn*, NXB Văn học, Hà Nội.
74. Bùi Việt Thắng (2000), *Truyện ngắn - những vấn đề lí thuyết và thực tiễn thể loại*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
75. Lý Toàn Thắng (1981), *Giới thiệu lí thuyết phân đoạn thực tại câu*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 1.
76. Nguyễn Quang Thân (1991), *Truyện ngắn, độ bền*, Báo Văn nghệ, số 34.
77. Phạm Văn Thấu (2000), *Cấu trúc liên kết của cặp thoại (trên ngữ liệu tiếng Việt)*, Luận án Tiến sĩ ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
78. Trần Ngọc Thêm (1981), *Một cách hiểu về tính liên kết văn bản*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 2.
79. Trần Ngọc Thêm (1984), *Bàn về đoạn văn như một đơn vị ngôn ngữ*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 3.
80. Trần Ngọc Thêm (1985), *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tái bản (1999), NXB Giáo dục, Hà Nội.
81. Bùi Công Thuần (1997), *Phong cách truyện ngắn Nam Cao trước cách mạng*, Tạp chí Văn học, số 2.
82. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1981), *Về khái niệm nòng cốt câu*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 4
83. Nguyễn Minh Thuyết (1988), *Cách xác định thành phần câu tiếng Việt, (Tiếng Việt và các ngôn ngữ Đông Nam Á)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
84. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1997), *Tiếng Việt thực hành*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội
85. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1998), *Thành phần câu tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
86. Phạm Văn Tình (2002), *Phép tính lược và ngữ trực thuộc tính lược trong tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
87. Hà Bình Trị (2001), *Nam Cao qua nửa thế kỉ*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
88. Nguyễn Thanh Tú (1995), *Quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Công Hoan trong truyện ngắn*, Tạp chí Văn học, số 6.

89. Nghiêm Nhân Hùng (1999), *Khái quát về tính phong hình của ngôn ngữ*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 2.

90. Bùi Tất Tuôm, Nguyễn Văn Bằng, Hoàng Xuân Tâm (1997), *Giáo trình cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội

91. Nguyễn Nhu Ý (2001), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

92. Yule, G. (2003), *Dung học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

B. Tiếng nước ngoài

93. Austin J. L. (1962), *How to Do Things with Words*, Oxford: OUP

94. Asher R. F. (Editor-in-chief) (1994), *The Encyclopedia of Language and Linguistics*, Pergamon Press.

95. Ducrot O - Todorov T. (1972), *Dictionnaire encyclopédique des sciences de langage*, Seuil

96. Givón T. (1993), *English Grammar a Function Based Introduction*. Volume 1, John Benjamins Publishing Company, Amsterdam/ Philadelphia.

97. Hopper Paul.J. (1979), *Aspect and Foregrounding in Discourse - Syntax and Semantics* Volume 12. Academic Press.

98. Levinson C.S. (1983), *Pragmatics*, Cambridge University Press.

99. Malcolm Coulthard (1985), *An Introduction to Discourse Analysis*. New edition Longman.

100. Orecchioni C.K. (1985), *Pragmatique de l'Analyse Conversationnelle* Ecole normale supérieure de langue étrangère Hanoi, Département de Français (?)

101. Thomas J. (1985), *Meaning in Interaction: An introduction to Pragmatics*, Longman Malaysia PP.

102. Thompson I.C. (1965), *A Vietnamese Grammar*, University of Washington Press.

103. Verschueren J. (1999), *Understanding Pragmatics*, Oxford University Press Inc.

TỰ LIỆU TRÍCH DẪN

1. Phan Thị Vàng Anh, *Khi người ta trẻ*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1993.
2. Nam Cao, *Tuyển chọn truyện ngắn*
- *Tập I*, NXB Văn học, Hà Nội, 1993.
- *Tập II*, NXB Văn học, Hà Nội, 1997.
3. Anh Đức, *Tuyển tập*, NXB Văn học, Hà Nội, 1997.
4. Nguyễn Công Hoan, *Tuyển chọn truyện ngắn* (2 tập), NXB Văn học, Hà Nội, 1996.
5. Nguyễn Thị Thu Huệ, *Tập truyện ngắn*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2004.
6. Tô Hoài, *Tập truyện ngắn*, NXB Văn học, Hà Nội, 1996.
7. Bùi Hiền, *Tác phẩm chọn lọc*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1994.
8. Bùi Hiền, *Tuyển tập, tập 2*, NXB Văn học, Hà Nội, 1997.
9. Nguyễn Khải, *Tuyển tập*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2002
10. Ma Văn Kháng, *Có dự - tập truyện ngắn*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1999.
11. Nguyễn Kiên, *Miếu hoang*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1992
12. Nguyễn Kiên, *Đáy nước*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1997.
13. Thạch Lam văn và đời, NXB Văn học, Hà Nội, 1999
14. Nguyễn Thi, *Tuyển tập*, NXB Văn học, Hà Nội, 1996.
15. Nguyễn Huy Thiệp, *Tuyển tập truyện ngắn*, NXB Phụ nữ, Hà Nội, 2002
16. Nguyễn Thị Ngọc Tú, *Tập truyện ngắn*, NXB Văn học, Hà Nội, 1999
17. Nguyễn Ngọc Tiến, *Phần mềm tình yêu*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2006.
18. Nguyễn Tuân, *Vang bóng một thời*, NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1998.
19. *Trăng gầy. Truyện ngắn chọn lọc của các cây bút nữ*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1993.
20. *Truyện ngắn bốn cây bút nữ Phan Thị Vàng Anh, Võ Thị Hào, Lý Lan, Nguyễn Thị Thu Huệ*, NXB Văn học, Hà Nội, 1997.
21. *Truyện ngắn hay Bắc Trung Nam*, NXB Văn học, Hà Nội, 1995
22. *Truyện ngắn chọn lọc 18 tác gia nữ*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1999
23. *Truyện ngắn hay 1994*, NXB Văn học, Hà Nội, 1995
24. *Tuyển tập truyện ngắn Nguyễn Thị Ngọc Tú*, NXB Văn học, Hà Nội, 1994

25. *Tuyển tập truyện ngắn*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 1994.
26. *Truyện ngắn hay của một số tác giả nữ*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2001
27. *Tuyển truyện ngắn hay cuộc thi sáng tác văn học cho tuổi trẻ*, Báo Văn nghệ, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2004.
28. *Truyện ngắn hay 2004*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005.
29. *Truyện ngắn hay và đoạt giải Văn nghệ quân đội*, NXB Văn học, Hà Nội, 2002.
30. *Tuyển tập Văn chính luận Hồ Chí Minh*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997
31. *Tuyển tập truyện ngắn các tác giả đoạt giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1998.
32. *Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam (1945 - 2005)*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2005.
33. *Truyện ngắn Việt Nam chọn lọc tập 1, 2, 3*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.
34. *Truyện ngắn các nhà văn nữ Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.
35. *Văn học lớp 11*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000.
36. Văn Vinh. *Tây Hồ nổi sóng*, NXB Lao Động, Hà Nội, 2006.
37. *25 truyện ngắn chọn lọc*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1996
38. *45 truyện rất ngắn*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1995.

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

36 Hàng Chuối, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT. 04 39719073, Fax 04 39719071

Website http://www.vass.gov.vn/nhaxuatban_khxxh

Email: nxbkhxxh@gmail.com

Chi nhánh NXB Khoa học xã hội (tại TP Hồ Chí Minh)

57 Sương Nguyệt Anh, phường Bến Thành, quận 1, TP Hồ Chí Minh

ĐT: 08 38394948; Fax 08 38394948

Lê Thị Thu Bình

PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN

ĐOẠN VĂN MỞ ĐẦU TRONG TRUYỆN NGẮN

Chịu trách nhiệm xuất bản

PGS TS NGUYỄN XUÂN DŨNG

Biên tập

TRƯƠNG THU HÀ - THÁI THỊ BÍCH THÚY

PHẠM VĂN TÌNH

Biên tập kỹ thuật, vi tính

BÙI THỊ TIẾN

Trình bày bìa

PHÙNG MINH TRANG

Sửa bản in

TRẦN MINH HIỀN

THƯ VIỆN VTTKHXH



VB00050583

PHÂN TÍCH ĐIỂN NGÔN

ĐOẠN VĂN MỞ ĐẦU
TRONG TRUYỆN NGẮN

Viện Thông tin
Khoa học xã hội

Vb
50583

Giá: 30.000đ